Chương 11

SÓC TRĂNG THỜI KỲ PHÁP THUỘC

I. THỰC DÂN PHÁP CHIẾM NAM KỲ

Ngày 1-9-1858, thực dân Pháp tiến công Đà Nẵng. Đánh chiếm được các đồn bảo vệ cảng Đà Nẵng, nhưng quân Pháp vẫn không tiến được tới Huế để gây áp lực buộc triều đình phải nhượng bộ các yêu sách của họ. Trong thế tiến không xong, mà ở lại để cầm cự cũng không nổi, thực dân Pháp phải tìm một lối thoát là tiến xuống phía Nam và đánh chiếm Gia Định, thủ phủ của vùng đất Nam Kỳ.

Ngày 17-2-1859, quân Pháp đánh và chiếm Sài Gòn. Các tỉnh xung quanh Sài Gòn cũng lần lượt rơi vào tay thực dân Pháp.

1. Thực dân Pháp chiếm các tỉnh miền Tây Nam Kỳ

Năm 1867, sau khi chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ, đô đốc De La Grandière kéo quân tới Vĩnh Long mở đầu cho chiến dịch thôn tính nốt ba tỉnh miền Tây là Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Phan Thanh Giản khi đó là Kinh lược đại thần ở ba tỉnh này đóng tại Vĩnh Long, liệu thế chống không nổi và để tránh một cuộc chiến tranh sẽ chỉ gây chết chóc cho người dân, đã khuyên quan lại ba tỉnh nộp thành cho thực dân Pháp, rồi ông tự tử. De La Grandière đem quân tới chiếm nốt hai tỉnh còn lại[1]. Các tỉnh đã lần lượt rơi vào tay thực dân Pháp nên việc người Pháp chiếm Sóc Trăng không khó khăn lắm. Trung tá thuyền trưởng Bertaux Levillain đã đổ bộ lên Đại Ngãi cùng với một tên thư ký, 40 lính tập và 10 người Khmer, chiếm đồn bảo Sóc Trăng[2].

Các công chức cũ người dân tộc Kinh của Sóc Trăng trốn trong vùng Cà Mau đã tìm cách chống lại người Pháp. Thực dân Pháp hay tin đã kéo quân tới, mang theo Phủ U, là em và người kế vị Trần Ung (qua đời 3 tháng sau

1. Xem: Phan Thị Minh Lễ: *"Pierre Ph. Chanfreau, Phan Thanh Giản, Patriote et précurseur du Vietnam moderne"*, Ses dernières années 1862 - 1867, L'Harmattan.

2. Xem: *Monographie de la Province de Sóc Trăng*, Publications de la Société des Études Indo-Chinoises, Saigon, 1904, tr. 66.

khi nhận chức Phủ) và một đội quân. Những người dân tộc Kinh tính nổi dậy này đã bị đánh bại và Sóc Trăng được tạm bình định dưới sự cai trị của người Pháp. Như vậy, Sóc Trăng nằm trong phần đất bị thực dân Pháp chiếm sau cùng làm thuộc địa (năm 1867), tức gần mười năm sau khi thực dân Pháp bắt đầu nổ súng đánh chiếm Sài Gòn (17-2-1859). Hẳn không ít người Kinh tại các vùng bị thực dân Pháp chiếm đóng không chấp nhận sống dưới sự cai trị của người Pháp đã kéo tới tá túc tại vùng đất Sóc Trăng.

Nam Kỳ đã trở thành thuộc địa của Pháp và vào buổi đầu được đặt dưới quyền cai trị của các đô đốc. Từ năm 1879, Nam Kỳ do một Thống đốc dân sự điều hành. Viên Thống đốc dân sự đầu tiên là Lơ Miarơ Đờ Vile (Le Myre de Vilers). Nền cai trị trực tiếp vẫn được duy trì, nhưng từ năm 1880 có thêm một hội đồng dân cử, tức Hội đồng Quản hạt (Conseil colonial), gồm 10 thành viên người Pháp và 6 thành viên người châu Á quốc tịch Pháp.

2. Tỉnh Sóc Trăng trong nền hành chính thuộc địa

Về mặt hành chính, trên toàn Nam Kỳ, cho tới năm 1875, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên hệ thống chia Nam Kỳ thành 6 tỉnh như dưới triều nhà Nguyễn, nhưng lại bãi bỏ việc phân chia tỉnh thành phủ và huyện mà thay vào đó Pháp thiết lập các đơn vị hành chính mới được gọi là khu Thanh tra (Inspection). Mỗi khu Thanh tra được đặt dưới quyền một viên chức người Pháp gọi là Thanh tra các việc bản xứ (Inspecteur des Affaires indigènes). Nam Kỳ có 25 khu Thanh tra. Khi khu Thanh tra Sóc Trăng được thiết lập, trụ sở của khu được đặt tại tỉnh lỵ Sóc Trăng.

Năm 1876, hệ thống chia vùng đất Nam Kỳ thành 6 tỉnh cũng đã bị người Pháp bãi bỏ. Nghị định của Thống đốc ngày 5-1-1876 chia vùng đất Nam Kỳ thành bốn khu hành chính (Circonscription administrative). Đó là các khu Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long và Bassac. Mỗi khu hành chính gồm một số hạt (Arrondissements). Bốn khu hành chính trên có tất cả 19 hạt, phần lớn các hạt này tương ứng với các khu thanh tra trước kia. Riêng khu Bassac có 6 hạt: Châu Đốc, Hà Tiên, Long Xuyên, Rạch Giá, Trà Ôn và Sóc Trăng. Hạt Sóc Trăng tương đương với vùng đất phủ Ba Xuyên cũ. Ngày 18-12-1882, Thống đốc Nam Kỳ lại tách 2 tổng của hạt Sóc Trăng và 3 tổng của hạt Rạch Giá để lập thêm một hạt mới là hạt Bạc Liêu, thuộc khu hành chính Bassac. Như vậy, vào thời điểm này, Nam Kỳ có 4 khu hành chính và 20 hạt.

Sự phân chia hành chính này kéo dài tới đầu thế kỷ XX. Toàn quyền Đông Dương ra nghị định ngày 20-12-1899, quy định kể từ ngày 1-1-1900, các hạt ở Nam Kỳ sẽ được gọi một cách thống nhất là tỉnh (province). Đứng đầu mỗi tỉnh ở Nam Kỳ là một quan đầu tỉnh (Administrateur de la province), cũng gọi là Chánh tham biện. Tỉnh Sóc Trăng lúc này gồm ba quận là các quận Châu Thành, Kế Sách và Bang Long.

Ranh giới của tỉnh Sóc Trăng vào đầu thế kỷ XX là: phía nam là sông Cà Mau và sông Mỹ Thanh, phía đông và đông bắc là biển Đông và sông Bassac, phía tây và tây bắc là hai tỉnh Rạch Giá và Cần Thơ. Ranh giới giữa Sóc Trăng và các tỉnh này là những ranh giới nhân tạo nhưng khá rõ rệt.

Vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, Sóc Trăng có tất cả 10 tổng và 93 làng. Đó là các tổng Định Chí (13 làng), Định Hòa (11 làng), Định Khánh (16 làng), Định Mỹ (10 làng), Nhiêu Hòa (7 làng), Nhiêu Khánh (9 làng), Nhiêu Mỹ (7 làng), Nhiêu Phú (6 làng), Thạnh An (7 làng) và Thạnh Lợi (7 làng)[1].

Tên gọi các làng này cũng chính là tên gọi cũ trong nền hành chính của Việt Nam, trước khi thực dân Pháp tới. Tên gọi các làng này được ghi bằng chữ Nho và chữ quốc ngữ theo mẫu tự Latinh. Một số làng có kèm theo tên gọi bằng tiếng Khmer, thường dựa vào một đặc điểm nào đó của địa hình (ao, rạch, lùm cây…), trong khi đó thì các tên làng bằng tiếng Việt thường là tên ghép hai hoặc ba từ lại với nhau, thường chỉ sự bình an, thịnh vượng…

Tập chuyên khảo cũng cho chúng ta thấy quy mô của các làng tại Sóc Trăng nói riêng và cũng có thể từ đó, có một khái niệm chung về quy mô của làng tại Nam Kỳ nói chung: tổng Định Chí có 13 làng: An Ca (1.903 người), An Nô (978 người), Chắc Văn (1.562 người), Châu Khánh (1.280 người), Châu Thạnh (269 người), Hưng Ngôn (895 người), Hưng Thạnh (1.460 người), Hưng Thới (579 người), Mỹ Xuyên (5.392 người), Tài Công (2.086 người), Tân Hội (883 người), Tân Lịch (1.734 người), Thạnh Thới (609 người). Làng có số dân đông nhất là làng Mỹ Xuyên (5.392 người). Sở dĩ làng này có số dân đông như vậy vì làng này là sự kết hợp của ba làng Hòa Mỹ, Vĩnh Xuyên, Thạnh Lợi theo nghị định ngày 18-4-1893. Làng Mỹ Xuyên còn bao gồm cả chợ Bãi Xàu. Tổng Định Hòa gồm 11 làng. Bảy trên số mười một làng này được ghi là gốc hoàn toàn do người Kinh thiết lập. Tổng Định Khánh gồm 16 làng, Tổng Định Mỹ gồm 10 làng, Tổng Thạnh An có 7 làng, Tổng Thạnh Lợi gồm 7 làng.

2.1. Bộ máy hành chính Sóc Trăng đầu thế kỷ XX

Sau khi chiếm Nam Kỳ, thực dân Pháp rất muốn những người làm việc trước đây, ở mọi cấp phủ, huyện, xã, thôn, ở lại tiếp tục làm việc trong bộ máy hành chính mới do thực dân Pháp thành lập và điều khiển. Tuy nhiên, tình hình xảy ra lại không như thực dân Pháp mong muốn. Những người làm việc trước đây phần đông hoặc đã tham gia kháng Pháp, bị Pháp bắt và xử tử, hoặc đã bỏ về không chịu cộng tác với Pháp. Thực dân Pháp buộc phải sử dụng những người mới. Những người mới này và cả những người trước đây chấp nhận ở lại làm việc cho thực dân Pháp thường bị đánh giá là dốt nát, vô học và xu thời. Các quan đầu tỉnh, liên tiếp trong các báo cáo của họ trước Hội

1. Xem: *Monographie de la Province de Sóc Trăng*, Publications de la Société des Études Indo-Chinoises, Saigon, 1904, tr. 66.

đồng Quản hạt, mãi đến năm 1895, đều than phiền là tầng lớp quản trị mới người Kinh này đã làm mất uy tín của chính quyền thuộc địa không ít. Tình trạng này đã trở nên khá phổ biến và là một trong những khó khăn lớn thực dân Pháp phải đương đầu khi muốn ổn định và khai thác vùng đất thực dân mới chiếm được.

Khi phân tích tình hình này, các quan đầu tỉnh đã đổ lỗi cho chính chính sách cai trị của thực dân Pháp. Chính sách cai trị này, một mặt, đã phá vỡ tổ chức làng mạc cũ của người Kinh bằng cách tước đoạt sự tự do và tự quản của hệ thống cũ; mặt khác, tạo nên sự cai trị trực tiếp và do đó tạo cơ hội để quan trên hiếp đáp quan dưới. Tình hình khó khăn không chỉ do làng bị tước mất sự tự do, mà còn do cách xử sự của người Pháp. Các hương chức thường bị các quan Tây đối xử tàn tệ. Chẳng hạn, trong việc thu thuế, làng xã nào nộp không đủ thì hương chức làng đó sẽ bị phạt tù hay nhiều hình phạt khác, đến độ quan chủ tỉnh tỉnh Bạc Liêu, trong báo cáo năm 1894, đã phải đề nghị bỏ cách cư xử này. Báo cáo năm 1904 còn cho biết tình trạng tan rã càng ngày càng trầm trọng của hệ thống làng xã tại Nam Kỳ dưới quyền cai trị của thực dân Pháp.

Đây cũng là tình hình chung của tỉnh Sóc Trăng vào thời điểm những thập niên cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Tại Sóc Trăng, Bertaux sau khi chiếm được vùng đất này, không tin tưởng người Kinh và theo chính sách sẵn có của nhà Nguyễn, đã bắt giữ các quan và lính người An Nam, đồng thời đưa Trần Ung, con trai Phủ Sóc (đã chết năm năm trước đó) tạm cai quản vùng này. Thực dân Pháp cũng tìm cách tiến hành việc thay đổi tất cả chánh tổng người Kinh bằng viên chức người Khmer. Sau đó, việc hành chính tỉnh Sóc Trăng đã hoàn toàn nằm trong tay người Pháp, người dân bản địa chỉ có vai trò và chức năng thừa hành như tại các nơi khác ở Nam Kỳ thuộc Pháp.

Vào đầu thế kỷ XX, bộ máy hành chính tỉnh Sóc Trăng thuộc Pháp gồm một quan hành chính tỉnh. Ông này có dưới quyền mình một phụ tá hành chính, một thư ký và hai nhân viên kế toán, trong đó một người phụ trách việc thu thuế. Sóc Trăng có một tòa án sơ thẩm gồm bốn quan tòa, một lục sự (thư ký tòa án) có hai người trợ giúp. Sở Y tế do một y sĩ ngạch thuộc địa phụ trách. Sở Thương chánh do một giám sự đại diện, một trưởng kho với 3 phụ tá, có dưới quyền mình 5 nhân viên được phân bổ tới các trạm khác nhau trong tỉnh. Về địa chính có chín viên chức trắc địa phụ trách việc đo đạc và định ranh giới. Về giáo dục, Sóc Trăng có một trường tỉnh do một giáo viên người Âu phụ trách. Sóc Trăng cũng có một người phụ trách các công trình công cộng và một viên giám sát hệ thống đường liên xã. Tại tỉnh lỵ có một trạm bưu điện dưới quyền điều khiển của một giám thu và một giám thị người Âu phụ tá.

Ở cấp huyện, Sóc Trăng có năm quan huyện, bốn trong số này là người Kinh và một người là người Khmer. Các quan huyện này làm việc tại trụ

sở, thỉnh thoảng di chuyển tới địa bàn để thực hiện các cuộc giám sát, điều tra do chủ tỉnh hay tòa án giao. Vào lúc có làm xâu hay lao dịch như đào kênh hay làm đường, các quan huyện cũng được cử đi để giám sát.

Ở cấp tổng, có một chánh tổng với một hay hai phó tổng phụ tá có trách nhiệm quản lý một phần các vấn đề của các làng và phụ trách các việc điều tra hành chính hay tòa án. Các chánh tổng này, nhất là các chánh tổng người Khmer, thường không biết chữ quốc ngữ, nên thường sử dụng những người Kinh trẻ học dở dang để làm thư ký, tức các biện. Các biện này thường là những người do công việc của họ, có rất nhiều ảnh hưởng. Mọi người đều biết rằng mọi chuyện đều là do báo cáo của những người biện này, do đó tìm mọi cách để lấy lòng họ và nạn tham nhũng cũng bắt nguồn từ đây.

Làng, trên nguyên tắc, vẫn do các hương chức cai quản, được quyền thêm bớt người vào hội đồng hay để phụ trách các vị trí đòi hỏi do tầm quan trọng của làng gia tăng. Hội đồng hương chánh, dân gian gọi là hương tề gồm có hương cả, hương chủ, hương thân phụ trách tổ chức nhân sự, hương hào lo về tài chính, hương quản phụ trách an ninh, quân sự. Tuy nhiên, trong quy chế mới, làng đã mất đi cái tính cách độc lập của nó như đã đề cập ở trên.

Ở cấp tỉnh chỉ mở tới cấp tiểu học. Ở quận chỉ có trường sơ học yếu lược hay gọi là sơ đẳng tiểu học (tức là dạy không đủ 5 lớp). Ở làng hầu như không có lớp học, chỉ có một vài nơi mở lớp Năm, lớp Tư, muốn học lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhất phải ra quận, tỉnh học. Thời gian này nội dung giáo dục là nhằm nhồi sọ hòng làm cho học sinh phải "trung thành" và biết ơn mẫu quốc đã "khai hóa văn minh", phải tận tụy với nước Pháp. Thực dân Pháp còn lập một số trường tiểu học tỉnh lỵ và ở một số quận nhằm đào tạo lớp người phục vụ cho chính sách cai trị thuộc địa của họ.

2.2. Dân số Sóc Trăng đầu thế kỷ XX

Năm 1878, dân số của hạt Sóc Trăng là 56.877 người, gồm 11 tổng (trong đó 7 tổng người Khmer), 135 làng, 1 đồn Pháp (ở tỉnh lỵ), 4 đồn dân quân, 3 chợ, 5 trạm, 1 trường sơ cấp[1].

Đầu thế kỷ XX, người Pháp sống tại Sóc Trăng là 62 người, trong số đó có 15 phụ nữ và 10 trẻ em. Tất cả người Pháp này đều thuộc các gia đình công chức. Một số công chức này còn là nhà canh tác. Còn lại là 57.000 người Kinh hay lai Kinh - Hoa; 38.000 người Khmer hay lai Hoa - Khmer và 10.000 người Hoa. Tổng cộng dân số Sóc Trăng đầu thế kỷ XX là 105.062 người, cộng thêm khoảng 30 người Ấn Độ và mấy người Tagal hay Malaixia[2].

Theo kiểm tra dân số năm 1931, Sóc Trăng có 206.000 người. Như vậy, dân số Sóc Trăng không phải là lớn so với các tỉnh và thành khác, chỉ đứng thứ 10, trên Tân An, Hà Tiên, Vĩnh Long, Gò Công, Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Bà Rịa, Sài Gòn, Chợ Lớn…

1, 2. Theo *Cochinchine francaise en 1878*, Comité Agricole et industriel de la Cochinchine. Paris, Libr. Challamel Ainé, 1878, tr. 66.

Người Kinh ở Sóc Trăng sống tập trung hơn người Khmer, trong những ngôi nhà thường là nhà lá, chỉ tại các trung tâm mới có nhà gạch. Trang bị trong nhà rất sơ sài, thường gồm một cái phản, một bàn thờ, mấy cái ghế đẩu bằng tre, người Kinh phần lớn thời gian sống trên ghe, trên thuyền, nên vấn đề quan trọng là phải gần sông hay kênh, rạch.

Trong khi đó, người Khmer thường làm nhà sàn, chuộng đất giồng hơn là đất trũng, nhưng nhà cửa không tập trung như người Kinh.

Những người Chà Và trong tỉnh đều sống tại Bãi Xàu. Tại đây còn một cây cầu sắt được dân chúng gọi là cầu Chà Và. Người Chà Và là những người bán vải hay cho thuê xe và đôi khi cũng là những thông tín viên cho các chetty tại Sài Gòn để đầu tư vào việc cho vay mặc dù có sự khác biệt về giai cấp và tôn giáo.

Người châu Âu tại Sóc Trăng sống tập trung tại tỉnh lỵ. Tỉnh lỵ Sóc Trăng chia thành hai khu cư trú bởi con rạch cùng tên: khu phía bắc dành cho người bản xứ, khu phía nam dành cho người châu Âu. Tuy nhiên, cũng có một số nhà người Kinh xuất hiện trong khu này, phía đông của con đường đi Bạc Liêu.

3. Kinh tế Sóc Trăng thời Pháp thuộc

Ngay từ khi việc xâm chiếm Nam Kỳ còn đang tiếp diễn, thực dân Pháp đã bắt tay vào việc khai thác vùng đất này. Trước hết, thực dân Pháp tổ chức xuất khẩu lúa gạo và bắp, bán đất đô thị và kế đó là đất nông thôn. Sau chiến tranh thế giới lần nhất (1914 - 1918) cho tới năm diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới năm 1930, thực dân Pháp đã đưa ra một chương trình khai thác rộng lớn hơn nhằm chủ yếu gia tăng diện tích canh tác với quy mô lớn. Giá các nguyên liệu như cao su và giá gạo trên thế giới gia tăng khiến người ta quan tâm tới lĩnh vực nông nghiệp và việc thành lập các đồn điền lớn, trồng lúa gạo và cao su để xuất khẩu. Năm 1928, chính quyền thực dân Pháp ban hành quyết định bãi bỏ mọi giới hạn về diện tích đất đai được chuyển nhượng cho một chủ đất.

Trong khi cây cao su xem ra chỉ thích hợp với vùng đất xám của các tỉnh miền Đông thì các tỉnh miền Tây Nam Kỳ lại đặc biệt thuận lợi đối với việc phát triển nền nông nghiệp trồng lúa.

3.1. Kinh tế nông nghiệp

Sài Gòn và Nam Kỳ là vựa lúa không chỉ nuôi người dân tại Đồng bằng sông Cửu Long mà cả người dân tại các tỉnh khác. Do đó, sau khi ổn định được vùng đất mới chiếm, người Pháp nghĩ tới việc khai thác kinh tế. Mặt khác, chính quyền Pháp ở Nam Kỳ cũng muốn chứng minh với mẫu quốc vốn đang do dự trong việc nắm hay thả Nam Kỳ rằng thuộc địa có thể tự túc được mà không cần đến sự trợ giúp về mặt tài chính của mẫu quốc. Lĩnh vực khai thác mà người Pháp nhắm tới trước tiên là lĩnh vực nông nghiệp, chủ yếu nông nghiệp trồng lúa nước.

Một trong những biện pháp phát triển nông nghiệp tại vùng đất Tây Nam Kỳ buổi đầu này là gia tăng diện tích canh tác, đặc biệt tại vùng hữu ngạn sông Hậu, vùng đất còn thưa dân, diện tích chưa được khai phá còn rất rộng. Thực dân Pháp có tham vọng thực hiện ở đây một nền nông nghiệp hiện đại, được cơ giới hóa, với tính khoa học cao và theo chế độ tư bản chủ nghĩa.

Để có thể đáp ứng các đòi hỏi của việc xuất khẩu lúa gạo trên thị trường quốc tế, việc khai thác nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long phải được đặt trên những cơ sở vững chắc của khoa học. Chính quyền thực dân Pháp chú ý trước tiên tới việc thiết lập các phòng, ban có nhiệm vụ nghiên cứu các điều kiện về đất đai, khí hậu, chế độ nước, giống, phân bón của việc trồng lúa tại Nam Kỳ: vườn Bách thảo được thiết lập năm 1864, Hội Nông nghiệp và Kỹ nghệ Nam Kỳ được thành lập năm sau đó. Hội này sau đổi thành Hội Nghiên cứu Đông Dương Sài Gòn (Société des études indochinoises de Saigon), nhằm phát triển các kiến thức cần thiết cho nông nghiệp. Kế đó là Nha Canh nông và Thương mại Đông Dương (Direction de l'Agriculture et du Commerce de l'Indochine) ra đời vào năm 1898, Nha Canh nông Nam Kỳ (Direction de l'Agriculture de la Cochinchine) năm 1899. Phòng thí nghiệm phân tích hóa học nông nghiệp và kỹ nghệ (Laboratoire d'analyses chimiques, agricoles et industrielles) tại Sài Gòn năm 1898; Sở Khí tượng (Service Météorogique) năm 1897. Các cơ quan này được lập ra với nhiệm vụ giải quyết và nghiên cứu, thí nghiệm những vấn đề kỹ thuật do việc khai thác nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long nêu lên, hướng dẫn việc khai thác nói chung, việc trồng tỉa nói riêng đi dần vào con đường khoa học để nâng cao năng suất.

Tại mỗi tỉnh, Pháp còn đặt ra những trạm thí nghiệm. Năm 1927, tại Nam Kỳ có 7 trạm thí nghiệm đặt tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Gò Công, Trà Vinh, Mỹ Tho và 2 trạm gây giống tại Thạnh Mỹ An và Tân Sơn Nhất. Tháng 8-1938, chính quyền thực dân Pháp ra nghị định chia Nam Kỳ thành bốn khu vực nông nghiệp. Mỗi khu vực được đặt dưới quyền điều hành về mặt nông nghiệp của một số kỹ sư. Khu vực Đông gồm Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh. Khu vực Trung gồm Chợ Lớn, Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre. Khu vực sông Hậu gồm Vĩnh Long, Trà Vinh, Sa Đéc, Long Xuyên, Châu Đốc. Tỉnh Sóc Trăng nằm trong khu vực được gọi là bên kia sông Hậu gồm Sóc Trăng, Rạch Giá, Bạc Liêu và Hà Tiên.

Việc khai thác kinh tế nông nghiệp tại Sóc Trăng nói riêng cũng như tại Nam Kỳ nói chung có thể được nhìn từ hai phía: việc khai thác do người Âu, chủ yếu là người Pháp và do người bản xứ.

Để có thể khai thác đúng mức Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng thực dân Pháp cho rằng cần phải lôi kéo nhiều nhà canh tác và cư dân nói chung tới vùng đất này. Đến năm 1940, mặc dù gặp phải những thất bại liên tiếp trong việc đưa người vào Đồng bằng sông

Cửu Long, nhưng thực dân Pháp vẫn còn dự định đưa khoảng một triệu dân vào khai phá các vùng đất ở phía Nam bờ sông Hậu[1].

Để thực hiện kế hoạch định cư người khai thác nông nghiệp tại vùng đất phía Nam Hậu Giang này, những người đầu tiên được chính quyền thực dân nghĩ tới là các nhà trồng tỉa người Pháp. Ngay từ những năm đầu thực dân Pháp xâm chiếm Nam Kỳ, người ta đã thấy xuất hiện tại Pháp nhiều tác phẩm ca ngợi sự giàu sang, tiềm lực, mức phì nhiêu của Đồng bằng sông Cửu Long, phần để cổ vũ cho chủ trương chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa, phần để chiêu dụ người Pháp tới khai phá vùng đất này. Charles Lemire viết năm 1884: "Lục tỉnh có 440.000ha ruộng, trong khi đó các cơ sở của chúng ta tại Ấn Độ chỉ có 16.097ha. Hằng ngày, những thửa ruộng mới ra đời tại Nam Kỳ. Mặt khác, còn một diện tích lớn trước đây được canh tác nay bị bỏ hoang và chỉ chờ có hạt giống để sinh hoa trái và một người chủ để gặt hái"[2].

Nhưng theo thống kê, số người Pháp tới Đông Dương và hoạt động trong ngành nông nghiệp chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Số người Pháp hiện diện tại Đông Dương vào năm 1913 là 24.000 người, năm 1921 là 25.000 người và năm 1937 là 42.245 người, trong số này có 16.084 người ở tại Nam Kỳ. Và chỉ có 705 người trong số những người này (tức 3,4% của người có nghề) làm việc trong lĩnh vực rừng và nông nghiệp. Theo Niên giám thống kê Đông Dương, trong số 705 người Pháp được ghi là làm nghề rừng và nông nghiệp tại Đông Dương thì chỉ có 404 người ở tại Nam Kỳ vào thời gian này[3], trong khi đó có tới 4.700 người Âu là công chức, một con số khổng lồ bởi nó tương đương với số công chức người Anh tại Ấn Độ trước một dân số là 350 triệu người, tức nhiều hơn gấp mười lần dân số Việt Nam vào thời này.

Nhưng trong số ít ỏi người Pháp được ghi là làm nông nghiệp này, nhiều người chỉ là chủ đất và làm nông nghiệp bằng cách cho thuê đất lấy tô. Ngay cả khi viên thanh tra Philippe Empis, trong một bản báo cáo gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp năm 1937, quả quyết rằng, Đồng bằng sông Cửu Long từ một vùng hoang vu cách đây 50 năm đã trở thành một ruộng lúa mênh mông, một vựa lúa đích thực của châu Á là do công của những nhà khai phá người Pháp, thì những người Pháp đã thực sự góp phần khai phá trực tiếp Đồng bằng sông Cửu Long chỉ có thể kể ra được một số tên tuổi như Gressier, Labasthe… ngoại trừ trong lĩnh vực trồng cây cao su[4].

1. Xem: Pierre Gourou: *L'Utilisation du sol en Indochine francaise* (Việc sử dụng đất tại Đông Dương thuộc Pháp), P. Hartmann, Paris, 1940, tr. 326.

2, 3. Charles Lemire: *Cochinchine francaise, royaume de Cambodge, Royaume d'Annam et Tonkin* (Nam Kỳ thuộc Pháp, Vương quốc Cao Miên, An Nam và Bắc Kỳ), xuất bản lần 3, Challamel, Paris, 1884, tr. 70.

4. Philippe Empis: *La colonisation et ses perspectives d'avenir en Indochine* (Việc khai thác đất đai và viễn tượng của nó tại Đông Dương), Nxb. A. Pedone, Paris, 1940, tr. 34.

Một số tên tuổi người Pháp làm nông nghiệp được kể tên trong báo cáo này là các nhà trồng tỉa tại tỉnh Sóc Trăng. Thực chất, vùng tập trung nhiều đồn điền khai thác lúa của người Âu là vùng nằm giữa kênh Rạch Giá, ngang qua kênh Thốt Nốt, kênh Xà No, kênh Long Mỹ tới kênh Saintard trong cánh đồng Long Xuyên - Sóc Trăng - Rạch Giá - Cần Thơ, một vùng tương đối thấp và dễ bị ngập nước, nhưng lại là vùng tiếp nối với vùng đã được khai thác từ thời trước khi thực dân Pháp xâm chiếm Nam Kỳ và là vùng trung gian giữa các tỉnh Trung Nam Kỳ với các tỉnh cực Tây. Ngay vào năm 1904, ở đây đã có tới 37 đồn điền và nhiều đồn điền có diện tích trên 1.000ha. Chính quyền thực dân và các chủ đồn điền người Pháp tại đây đã thử nghiệm lần đầu tiên việc sử dụng các công nhân được chiêu mộ từ Bắc Kỳ và Trung Kỳ vào.

Riêng tại Sóc Trăng, số người Âu và các công ty của người Pháp làm chủ đất được ghi nhận năm 1945, gồm có:

(1). Gia đình Jourdan, khai thác 950ha tại Tuân Tức. Chủ đất này ở tại chỗ và tự khai thác lấy.

(2). Gia đình Gressier có 4.725ha tự khai thác lấy tại Thạnh Trị, Châu Hưng, Châu Thới, Vĩnh Hưng, Vĩnh Lợi.

(3). Công ty Crédit foncier de l'Indochine ở tại Sài Gòn, có 1.481ha tại Mỹ Phước, Mỹ Tú, Hòa Tú, Đào Viên... và được giao cho Trần Văn Hữu quản lý.

(4). Société Rizicole de TraTha ở tại Sài Gòn, do Langlet làm quản lý, có 1.321ha tại Hòa Tú, Kế Sách, Lịch Hội Thượng, Tà Liêu, Đào Viên, Thạnh Thới An, Mỹ Xuyên.

(5). Linh mục Keller, đại diện các họ đạo ở Sóc Trăng, thừa sai tại Sóc Trăng, đứng tên 6.894ha tại 26 thôn, xã của các họ đạo (Thuận Hưng, Châu Khánh, Nhâm Lăng, Mỹ Xuyên, Tuân Tức, Lâm Kiết, Nhơn Mỹ, Phú Hữu, An Thạnh, An Thạnh Nhì, Đại Ân, Thạnh Phú, Hòa Tú, Liêu Tú, Trung Bình, Mỹ Hương, Châu Hưng, Ba Trinh, Kế Sách, Kế An, Tân Hưng, Thạnh Quới, Thiện Hương, Xuân Hòa, Thạnh Thới An, Tham Đôn, Long Phú).

(6). Robert Labaste, làm chủ 3.329ha tại Kế Sách, Ba Trinh, Thuận Hòa.

Trong danh sách những người Pháp làm chủ đất tại các tỉnh miền Tây Nam Kỳ, tỉnh có đông người Pháp làm chủ đất nhất là các tỉnh Bạc Liêu, Rạch Giá, Châu Đốc. Sóc Trăng đứng hạng trung bình, trên Trà Vinh… Trên đây là danh sách những người Âu hoặc ở tại chỗ hoặc ở nơi khác làm chủ đất tại tỉnh Sóc Trăng vào một thời kỳ không còn mấy thuận lợi cho việc khai thác nông nghiệp trồng lúa. Vào những năm cuối thập kỷ 10 và thập kỷ 20 của thế kỷ XX, những năm đỉnh điểm của nền kinh tế thuộc địa tại Đông Dương, đặc biệt là trong ngành canh tác lúa gạo, chúng ta còn phải thêm vào danh sách những người Âu làm việc tại Sóc Trăng nhưng làm chủ đất tại các tỉnh mới được khai phá như tỉnh Rạch Giá. Người ta được biết Savary là một người Pháp vốn là môn lại tại tòa án Sóc Trăng, vào năm 1917, đã nộp đơn

xin 1.548ha tại làng Vĩnh Phú, tổng Thanh Bình (Rạch Giá) và được chấp thuận cho làm chủ 1.082ha.

Việc trồng lúa của người Âu chiếm một diện tích lớn: 300.000ha năm 1931, trong đó 218.000ha tại Nam Kỳ. Ở đây, chế độ sở hữu trung và đại cũng chiếm ưu thế nhiều diện tích khai thác thuộc các công ty vô danh. Các sở hữu chủ người Pháp thường bằng lòng với việc khai thác theo kiểu của giai cấp tư sản người Việt, đặc biệt theo "chủ nghĩa vắng mặt": họ sống tại các trung tâm đô thị và cho thuê đất cấy cày.

3.2. Chính sách đất đai của chính quyền thực dân Pháp

Khởi đầu, chính quyền thực dân Pháp áp dụng một chính sách ưu đãi cho các nhà khẩn hoang. Ngày 11-11-1878 chính quyền thực dân Pháp ban hành nghị định cho phép canh tác và chuyển nhượng trong vòng 4 năm, sau đó người xin phải làm chủ thực thụ, bằng không số đất này sẽ bị mang ra bán đấu giá. Vào thời điểm này, Sóc Trăng có diện tích là 450.000ha, trong đó mới chỉ có 60.000ha được trồng trọt. Báo cáo năm 1894, nhân việc có một số người dân Rạch Giá, Bạc Liêu và Sóc Trăng xin lập làng Vĩnh Quới nằm trên ranh giới Sóc Trăng, cho biết đây là một vùng đất hoang vu, người bản xứ không ai dám tới vì ở đây voi sống từng bầy.

Do đó, để khuyến khích khẩn hoang, đất phải được cấp không cho dân. Nghị định năm 1882 có phần mở rộng: đất ruộng cho không người tới xin khẩn hoang và khai thác. Quan tỉnh có thể cấp không diện tích từ 10ha trở xuống, không cần phải có họa đồ, hay chỉ rõ ranh giới. Người khai thác sẽ phải nộp thuế từ năm thứ hai, không nộp thuế, đất sẽ về lại nhà nước. Có thể xảy ra trường hợp người xin đất làm quá số diện tích xin, chính quyền cũng chấp nhận cho, vì mục tiêu của chính quyền là phát triển nông nghiệp.

Từ năm 1892, chính quyền thuộc địa Pháp không còn dễ dãi như vậy nữa, tức chủ trương bán chứ không cho không như trước đây, vì đất bắt đầu có giá. Sang năm 1893, các quan đầu tỉnh cho biết đơn xin đất được nộp rất nhiều, giải quyết không xuể, trong số này có nhiều đơn xin của người châu Âu. Sở dĩ có tình trạng này là vì đất tốt đã bắt đầu hiếm, người dân bắt đầu tới khẩn hoang tại những vùng đất nằm ở phía tây mà từ trước đến nay vẫn bị coi là xấu, không khai thác. Năm 1894, đất tốt tại tỉnh Bạc Liêu đã bắt đầu hiếm, nông dân phải đi tới các tỉnh kế cận là Rạch Giá và Sóc Trăng để khẩn hoang.

3.3. Các kỹ thuật hỗ trợ khẩn hoang và khai thác đất

a) Đào kênh

Việc mở rộng diện tích canh tác tại Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt tại vùng phía nam sông Hậu, vốn là vùng đất trũng và ngập phèn, đòi hỏi trước hết phải có các con kênh tháo nước và dẫn nước. Kênh đồng thời cũng là phương tiện xâm nhập vào những vùng còn hoang vu không có đường bộ. Chính quyền thực dân Pháp tiếp tục

đường lối cũ của triều đại nhà Nguyễn là tổ chức đào kênh. Việc đào kênh này, từ sau năm 1890, tức thời điểm Pháp chú trọng tới việc khai thác vùng phía nam sông Hậu, được triển khai với quy mô lớn và theo từng kế hoạch 4 năm, 8 năm và 10 năm được giao cho các hãng thầu thực hiện với những phương tiện cơ giới lớn.

Hai công ty lớn đã nối tiếp nhau thầu công việc đào kênh và vét rạch này là Société A. Montvenoux et cie và Société francaise d'Entriprise de Dragages et de travaux publics. Tính đến năm 1936, 1.360km kênh chính và 2.500km kênh phụ đã được đào với hàng nghìn cây số kênh nhỏ. Xét đến sự đồ sộ của công trình này, về khối lượng đất được đào, thường vẫn được đem ví với công trình đào kênh Suez[1]. Bốn con kênh lớn được đào trong thời kỳ này ở phía nam sông Hậu có tầm quan trọng lớn đối với việc khai thác vùng đất này là: kênh Hà Tiên nối Hà Tiên với Châu Đốc, kênh Rạch Giá nối Rạch Giá với Long Xuyên, kênh Xà No từ sông Cái Lớn tới Cần Thơ và kênh từ Cà Mau tới Bạc Liêu, rồi nối với rạch Bạc Liêu, rạch Ba Xuyên, ngang qua Bãi Xàu và đổ vào sông Hậu, phía Đại Ngãi. Với hệ thống kênh đào này, lúa gạo của vùng cực Nam của đất nước, như Rạch Giá, Bạc Liêu, Cà Mau, được chuyển bằng đường thủy về các nhà máy xay xát ở Chợ Lớn, Sài Gòn một cách dễ dàng.

1. Xem: Charles Robequain: *L'évolution économique de l'Indochine francaise* (Sự chuyển biến kinh tế tại Đông Dương thuộc Pháp), Nxb. Paul Hartman, Paris, 1939.

Riêng tại Sóc Trăng, ngay từ năm 1888, thực dân Pháp đã cho đào hai con kênh, kênh Lớn và Cái Quanh. Năm sau, Sóc Trăng lại xin đào tiếp hai kênh Nouet và Saintard. Năm 1895, hai con kênh Tiếp Nhựt và Ba Rinh được đào ngang qua các cánh đồng bưng rộng lớn. Năm 1897, Sóc Trăng còn dùng kinh phí riêng của tỉnh kéo dài con kênh từ Bãi Xàu tới Tiếp Nhựt trên một chiều dài 4,5km, kéo dài kênh Phú Đức, đào kênh từ Bố Thảo tới rạch Tam Sóc, đào kênh Bãi Xàu tới rạch Cái Trầu chiều dài 4,6km. Ngoài ra vào thập kỷ cuối thế kỷ XIX, việc đào các con kênh nối Bạc Liêu với Cà Mau, kênh Bocquillon nối Cần Thơ tới Sóc Trăng được nối với rạch Cái Răng bởi một con kênh 3m chiều rộng làm đường giao thông và thoát nước cho các cánh đồng ngập nước trong vùng. Con kênh mới (năm 1896) nối Ba Láng với Rạch Gòi có chiều dài 8km. Các con kênh này đã hỗ trợ rất đắc lực cho việc khẩn hoang, khai thác một diện tích rộng lớn và nhiều người dân đã tới định cư tại vùng đất mới này. Nhờ vậy, ngay cả vào những thời điểm khó khăn tại Đồng bằng sông Cửu Long, vùng đất nay nằm trong các tỉnh Bạc Liêu, Cần Thơ, Long Xuyên và Sóc Trăng vẫn tiếp tục được khẩn hoang. Năm 1889, tại miền Tây Nam Kỳ, 2/5 số mùa màng bị mất, gạo tăng giá tới mức chưa từng thấy (theo báo cáo), nhiều tỉnh thiếu gạo và người dân lâm cảnh túng thiếu, song vùng đất này vẫn phát triển.

Các con kênh này còn là đường giao thông rất thuận lợi đối với một đồng

bằng chằng chịt sông, rạch, góp phần tạo nên những vùng định cư mới, thu hút người dân các nơi khác tới khai phá và cũng do đó mà diện tích canh tác tăng dần.

Kết quả của việc khẩn hoang tại Sóc Trăng: năm 1898, Sóc Trăng đã có khoảng 140.000ha ruộng trồng lúa. Một phần khá lớn diện tích trong số này là ruộng mới. Các ruộng này trong sổ sách còn ghi là bưng. Một số làng mới mọc lên như Châu Hưng, Châu Thới, Tuân Tức… Diện tích canh tác theo báo cáo của quan đầu tỉnh người Pháp trước Hội đồng Quản hạt là còn gia tăng, vì còn nhiều đất chưa được khai hoang và chính quyền đã nhận được đơn xin khẩn hoang, tổng cộng trên 30.000ha cho cả vùng.

Điều này chỉ có thể có lợi cho chính quyền thực dân Pháp vì diện tích canh tác gia tăng cũng có nghĩa là thuế gia tăng. Thuế ở đây không chỉ đánh trên diện tích được khai thác, mà còn đánh trên sản phẩm được xuất cảng. Sóc Trăng vốn là một vùng đất thường có dư lúa gạo để xuất khẩu ra ngoài tỉnh và ngoài nước.

b) Cơ khí hóa việc canh tác lúa

Người Pháp tìm cách giải quyết vấn đề nhân công trong việc canh tác lúa bằng cách cơ khí hóa nông nghiệp trên diện tích họ làm chủ. Vào thập kỷ đầu của thế kỷ XX, tại Nam Kỳ, một hội mới được thành lập lấy tên là Association Rizicole Indochinoise (Hiệp hội Nông nghiệp trồng lúa Đông Dương), gồm đa số là các nhà trồng trọt Nam Kỳ với mục đích nghiên cứu và thực hiện việc sử dụng máy móc trong trồng lúa. Nhiều loại máy cày đã được nhập từ Pháp, Mỹ để thử nghiệm tại đồng bằng Nam Kỳ. Năm 1907 - 1908, lãnh sự Hoa Kỳ đề nghị tổ chức một cuộc triển lãm các máy đang thịnh hành tại Texas và Louisiana. Nhưng các loại máy này không thành công, phần vì tiêu hao quá nhiều nhiên liệu, phần vì không thích hợp với loại đất ruộng ở Nam Kỳ. Cụ thể: năm 1922, giá thành một hécta ruộng cày bằng máy thay đổi từ 20$42 đến 5$7, tùy theo loại đất, độ cày sâu và tùy theo máy được sử dụng. Năm 1923, giá thành của việc cày máy một hécta ruộng ở Cầu An Hạ (Chợ Lớn) là 28$50 và tại Mỹ Tho là 23$. Năm 1924, giá thành tính theo loại máy như Bảng 11.1.

Nỗ lực cơ khí hóa việc trồng lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long để giải quyết vấn đề thiếu nhân công đã không

Bảng 11.1: Giá thành tính theo loại máy năm 1924

Máy sử dụng	Diện tích cày	Giá thành/ha
Renault	92ha	12$80
Fordson	28ha	12$21
Caterpiller	5,33ha	36$49
Renault có bánh xe	1,7ha	22$52

vượt quá giai đoạn thử nghiệm. Việc trồng lúa tiếp tục theo phương thức con trâu đi trước cái cày theo sau. Và người ta tiếp tục nhập trâu, bò từ Campuchia để làm sức kéo.

3.4. Các biện pháp thúc đẩy khai thác khác

Tại Sóc Trăng, những nỗ lực đem lại một phần rất nhỏ kết quả về việc cải thiện kỹ thuật canh tác trong nông nghiệp của một số địa chủ người Pháp như các ông Gressier, Labasthe…, cũng chỉ là tìm cách làm chủ chế độ nước trong ruộng của mình bằng cách dựng nên các bờ dốc, đào kênh thủy lợi và đặt máy bơm nước với công suất cao.

a) Nhập giống và phân bón

Phòng Thương mại cũng đã dành ngân sách lớn để mua lúa giống từ Miến Điện, Nhật Bản… và phân bón để phân phối cho các tỉnh. Nhưng vì không được thực hiện một cách liên tục và kịp thời vụ, nên không được nông dân các tỉnh hưởng ứng.

Tóm lại, các báo cáo đều khẳng định những cố gắng cải thiện kỹ thuật canh tác tại Đồng bằng sông Cửu Long dưới thời thuộc Pháp bằng nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, cải thiện giống, cải thiện đất bằng phân bón hóa học và bằng việc sử dụng cơ khí đã không đem lại kết quả mong muốn vì nhiều lý do. Viên Tổng thanh tra nông nghiệp đã phải nhận định như sau: "Trong lĩnh vực cải thiện các ruộng lúa, chúng ta hoàn toàn thiếu các cuộc học hỏi về chế độ nước lên, nước xuống, về sự lưu thông của nước trong các kênh đào. Trong lĩnh vực phân bón, không có một sự thử nghiệm đúng đắn, đúng cách, không có một công trình toàn diện hoặc từng phần về cách cấu tạo của đất. Trong lĩnh vực lúa giống, thành quả rất giới hạn. Trong lĩnh vực tìm hiểu bệnh và sâu rầy, chúng ta mới chỉ thực hiện được một vài cuộc nghiên cứu không ăn khớp với nhau ở phòng thí nghiệm…"[1].

Việc trồng lúa trở lại với con đường cổ truyền và tiếp tục lệ thuộc vào số nhân công và thời tiết. Năm 1915, theo báo cáo trình bày trước Hội đồng Quản hạt cho thấy trước năm 1913, hạn hán mất mùa đã khiến các nhà canh tác châu Âu và Việt Nam phải bỏ xứ đi làm ăn nơi khác. Điều này cũng có nghĩa là đồng ruộng bị bỏ hoang. Nhưng những kết quả tốt đẹp trong nông nghiệp sau đó đã tạo nên những luồng nông dân trở lại vùng đất phía tây, trong đó có Sóc Trăng. Tuy nhiên, báo cáo cũng cho biết những biến động diễn ra tại châu Âu đã làm tê liệt phần nào sự đầu tư của người Pháp vào việc khai thác nông nghiệp trồng lúa tại miền Tây Nam Kỳ.

b) Vấn đề nhân công

Việc canh tác lúa đòi hỏi phải có nhiều nhân công. Với mức độ khẩn hoang tăng nhanh như đã nêu trên, Đồng bằng sông Cửu Long không đủ nhân công để đáp ứng nhu cầu. Để bù đắp sự thiếu hụt này về nhân công, chính quyền thực dân nghĩ đến việc sử dụng người Hoa, vốn dưới con mắt của chính quyền thực dân Pháp, được đánh giá với nhiều thuận lợi: "Họ là những

1. P. Bernard: *Le problème économique indochinois* (Vấn đề kinh tế Đông Dương), Paris, 1934, tr. 107.

người đã định cư trong xứ, nắm trong tay những thương điếm chính, thờ ơ đối với vấn đề chính trị hoặc đối với việc chính quyền nằm trong tay ai, mải mê theo đuổi công việc khai thác vật chất và làm giàu, không tỏ ra quan tâm tới vấn đề chính trị hoặc yêu nước, những người Hoa này phải là những dụng cụ để chúng ta cắm rễ sâu tại một nước mới được chinh phục và không thể biến đổi ngày một ngày hai những người lính bại trận thành những công nhân dễ dạy"[1]. Nhưng rồi người Pháp cũng đã tỏ ra dè dặt đối với sự hiện diện của người Hoa tại Nam Kỳ. Mặc dù nông dân người Hoa được mộ từ các hội nông nghiệp của người Hoa thường được đánh giá là thông minh hơn, kinh nghiệm hơn, năng nổ hơn nông dân người Kinh, nhưng lại vô kỷ luật và hỗn láo đối với chủ Tây và nhất là vì các hoạt động của các hội kín quy tụ người Hoa, việc người Hoa không chịu nộp thuế tại tỉnh Bạc Liêu, hay coi đất Nam Kỳ như thuộc quyền mình[2]... đã khiến người Pháp bỏ dần ý định tổ chức đưa người Hoa vào khai phá Nam Kỳ.

Cuối cùng, người Pháp buộc phải bằng lòng với giải pháp tuyển mộ người từ đồng bằng Bắc Kỳ và Trung Kỳ vốn đã bắt đầu lâm cảnh người đông mà đất canh tác lại không tăng bao nhiêu vào khai thác vùng đất nam sông Hậu. Nhưng số người chính quyền thực dân Pháp đưa được vào phía nam không nhiều. Theo thống kê, những người này có mặt ở Nam Kỳ vào năm cao nhất không quá 40.000 người. Hầu hết số người này được sử dụng tại các đồn điền trồng cao su tại các tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Một số ít ỏi những người này được chính quyền thực dân đưa vào khai thác vùng Cần Thơ những năm 1908 và 1940 là khoảng 350 người. Nhưng những người này cũng đã không ở đây lâu, xem ra không thích hợp với công việc khẩn hoang và với công việc tập trung trong một đồn điền. Có thể có những người từ Bắc và Trung Kỳ đã vào khai phá Đồng bằng sông Cửu Long dưới thời thuộc Pháp với tính cách độc lập, tự phát, nghĩa là không do chính quyền tổ chức đưa vào. Chúng ta không có được con số chính xác, nhưng chắc là không nhiều lắm vì các cuộc điều tra dân số, nhất là cuộc điều tra được thực hiện năm 1921 cho thấy những người gốc Bắc Kỳ và Trung Kỳ trên tất cả các tỉnh Nam Kỳ chỉ có 23.000 người. Tại Sóc Trăng chỉ có 540 người, tương đối ít so với các tỉnh khác[3].

Thực hiện giải pháp chiêu mộ người đi khẩn hoang của chính quyền thực dân Pháp, tháng 8-1907, khoảng 200 công nhân Bắc Bộ đã được đưa vào

1. *Rapport au Conseil Colonial,* 1880, tr. 242.

2. Xem: *Monographie de la province de Sóc Trăng*, 1904, tr. 77.

3. *Niên giám thống kê Đông Dương*, tập I, 1913 - 1921: Bạc Liêu: 1.330 người; Bà Rịa: 690 người; Bến Tre: 820 người; Biên Hòa: 1.650 người; Cần Thơ: 1.700 người; Châu Đốc: 500 người; Chợ Lớn: 300 người; Gia Định: 750 người; Gò Công: 140 người; Hà Tiên: 450 người; Long Xuyên: 410 người; Mỹ Tho: 600 người; Rạch Giá: 610 người; Sóc Trăng: 540 người; Tân An: 80 người; Tây Ninh: 80 người; Thủ Dầu Một: 4.120 người; Trà Vinh: 930 người; Vĩnh Long: 1.250 người; Cap St Jacques: 4.570 người; Côn Đảo: 270 người.

khai thác cánh đồng Cần Thơ - Sóc Trăng, trên một diện tích 200ha nằm trong khu rừng Phụng Hiệp. Các công nhân này đã khai thác diện tích trên dưới sự điều khiển của nhân viên đặc trách văn phòng khẩn hoang. Nhưng cuộc thí nghiệm này không đem lại kết quả nào vì quá muộn và nhất là vì các công nhân này được chiêu mộ một cách phải chăng hay chớ nên không chịu làm việc. Số người này đã được đưa đi làm việc ở các công trường ở Cần Thơ, một số khác được giao cho các nhà trồng trọt người Âu khác và hai bên thỏa thuận những điều kiện thuận lợi hơn nhưng kết quả vẫn không khả quan và họ được gửi trả lại cho văn phòng khẩn hoang.

Nhà nước thực dân lại tiếp tục rút kinh nghiệm của năm 1907, lần này, số công nhân được chiêu mộ kỹ lưỡng hơn; 84 gia đình nông dân gồm 328 người do chính quyền tỉnh Thái Bình chiêu mộ. Các công nhân này được chở tới và được định cư ở cánh đồng Cần Thơ - Sóc Trăng. Cánh đồng này được chia thành những lô nhỏ, 4ha một lô. Họ sẽ được miễn thuế trong vòng 3 năm sau đó làm chủ thực thụ và họ chỉ phải trả với giá rất rẻ. Ngoài ra, họ lại còn được bán chịu tất cả những gì cần thiết cho việc làm đồng ruộng như nông cụ, vật liệu để cất chòi và được phân phối lương thực cho tới vụ mùa.

Tuy với những ưu đãi như trên, thực dân Pháp cũng không chiêu mộ được đủ số người tới khai phá vùng đất mới phía nam sông Hậu để biến thành một ruộng lúa mênh mông trong một thời gian ngắn như mong muốn. Cuối cùng vấn đề nhân công và sức kéo tiếp tục là vấn đề nan giải và không những thế còn trở nên trầm trọng với đà khai hoang như đang diễn ra. Việc phát triển nông nghiệp, chủ yếu là canh tác lúa, tại Đồng bằng sông Cửu Long bằng biện pháp khẩn hoang và mở rộng diện tích trồng trọt đòi hỏi phải có số nhân công tương ứng với sự phát triển này. Nạn thiếu nhân công cản trở không ít tới việc mở rộng diện tích canh tác. Con số các báo cáo của Hội đồng Quản hạt năm 1909 cho thấy: tính tới ngày 31-12-1907, ở miền Tây có 3.110 chủ đất với diện tích là 220.915ha, trong số này chỉ có 59.811ha được canh tác. Ngày 31-12-1908, có 3.549 chủ ruộng với 236.175ha, nhưng chỉ có 69.738ha được canh tác. Báo cáo năm 1908 còn cho biết diện tích chung của Nam Kỳ là 3,5 triệu hécta nhưng mới chỉ có 1,5 triệu hécta được canh tác.

3.5. Sản xuất lúa gạo tại Sóc Trăng

Theo Chuyên khảo về tỉnh Sóc Trăng của Vương Hồng Sển, đầu thế kỷ XX Sóc Trăng là một trong những tỉnh quan trọng nhất về mặt kinh tế của Nam Kỳ. Hằng năm, Sóc Trăng đóng góp cho ngân sách địa phương và vùng hơn nửa triệu đồng, một số tiền lớn vào thời đó. Nhưng tất cả nguồn lợi tức của Sóc Trăng là do nông nghiệp, đúng hơn là do việc canh tác lúa gạo. Tập Chuyên khảo khẳng định: "Sóc Trăng sống bằng ruộng lúa của mình và chỉ bằng ruộng lúa của mình"[1]. Đầu thế kỷ XX, đất đai

1. Xem: *Monographie de la province de Sóc Trăng*, 1904, tr. 49.

của Sóc Trăng vào chỉ thích hợp với cây lúa. Do đó, những vùng đất được khẩn hoang một cách ồ ạt tại một số làng như Châu Thới, Châu Hưng, Tuân Tức cũng chỉ là để trồng lúa. Tuy nhiên, người ta vẫn có thể tìm thấy những vườn chuối, vườn dừa hay mít ở dọc bờ sông Bassac và những vườn cây ăn trái, hay dâu, bông vải, bắp, mía, măng cụt… của người Hoa hay người Khmer trên các giồng, nhưng các loại canh tác này không đáng kể so với những ruộng lúa mênh mông.

Tại đây, lúa có năng suất từ 10 đến 12 tạ/ha. So với năng suất tại các tỉnh Trung Nam Kỳ, vốn đã được khai thác lâu đời, thì năng suất lúa như vậy là tương đối thấp, nhưng nó lại bằng và có khi cao hơn so với các tỉnh ở nam sông Hậu. Biểu đồ của Niên giám thống kê các năm 1943 - 1946 cho chúng ta một cái nhìn chung về năng suất của việc trồng lúa tại Nam Kỳ vào thời gian này (tính theo tạ/ha) (Bảng 11.2).

Năng suất lúa của Sóc Trăng đạt được là nhờ ở độ phì nhiêu của đất hơn là do kỹ thuật canh tác hay do sự chăm sóc của người nông dân, hay do việc chọn giống lúa. Việc canh tác ở đây, vào thời điểm này, được đánh giá là khá sơ sài. Người nông dân đã sẵn sàng gieo, trồng, khi mới phạt cỏ xong. Do đó, trong những năm đầu lúa mọc chung với cỏ. Chỉ sau bốn đến năm năm, người nông dân khẩn hoang mới có được một thửa ruộng thực sự. Tính cách sơ sài trong kỹ thuật trồng lúa này tại vùng phía nam sông Hậu và Sóc Trăng, dưới thời thuộc Pháp, càng rõ rệt hơn khi đem so sánh với kỹ thuật trồng lúa tại đồng bằng Bắc Kỳ. Trong khi việc canh tác một hécta ruộng tại đồng bằng Bắc Kỳ đòi hỏi 200 ngày lao động của người và 18 ngày lao động của súc vật, thì tại Đồng bằng sông Cửu Long, một hécta ruộng gieo trực tiếp chỉ có 68 ngày lao động của người (trong đó 23 ngày lao động của nữ) và 14 ngày lao động của súc vật và một hécta ruộng cấy chỉ có 85 ngày lao động của người và 15 ngày lao động của súc vật. Đó là không kể tại những nơi mới được khai thác như tỉnh Rạch Giá, công việc chuẩn bị đất thường chỉ là phát cỏ, đốt rồi gieo.

Tại Sóc Trăng, không giống như tại các vùng canh tác lâu đời khác, chủ đất cho nông dân thuê đất đồng thời lại ứng trước cho nông dân thuê đất cho họ có cái ăn để làm mùa. Nếu không may thu hoạch không cao, thay vì ra sức cải thiện đất ruộng, người nông dân thuê đất sẽ bỏ đất thuê và chạy trốn, quỵt luôn cả số chủ đất đã ứng trước. Tình trạng này xảy ra ở cả những nơi chủ đất là người Việt lẫn chủ đất là người châu Âu.

Đầu thế kỷ XX, diện tích Sóc Trăng là 2.387km^2, nằm giữa các tỉnh Trà Vinh phía đông, Bạc Liêu phía nam, Rạch Giá phía tây nam và Cần Thơ phía tây bắc. Từ Sóc Trăng tới tỉnh lỵ của các tỉnh kế cận, người ta có thể đi đường bộ và đường thủy. Vào thời điểm này, có khoảng 1.410km^2 đất đã được đưa vào canh tác và 764km^2 có thể được canh tác. Số còn lại, khoảng 200km^2 là diện tích của kênh, rạch, đầm và đường

Bảng 11.2: Năng suất trồng lúa tại Nam Kỳ vào những năm 1943 - 1946

(Đơn vị: tạ/ha)

	1943	1944	1945	1946
Các tỉnh miền Đông				
Bà Rịa	10	8	8	8
Biên Hòa	13	12	11	8
Thủ Dầu Một	11	11	10	8
Tây Ninh	10	8	8	10
Gia Định	16	18	10	10
Các tỉnh miền Trung Nam Kỳ				
Chợ Lớn	15	13	13	12
Mỹ Tho	15	13	13	12
Vĩnh Long	12	12	12	13
Trà Vinh	14	13	12	15
Sa Đéc	13	12	12	13
Tân An	13	11	13	12
Bến Tre	13	13	16	13
Gò Công	18	14	16	14
Các tỉnh miền Tây				
Cần Thơ	12	11	13	12
Bạc Liêu	9	9	9	9
Rạch Giá	9	8	10	11
Sóc Trăng	**11**	**11**	**11**	**13**
Long Xuyên	13	11	11	12
Châu Đốc	14	11	13	12
Hà Tiên	8	8	8	6

sá. Sóc Trăng là một tỉnh nghèo nhất về lâm sản. Sóc Trăng hầu như hoàn toàn dành cho những đồng lúa bát ngát và được ví là xứ Beauce của Nam Kỳ. Sự phồn thịnh của Sóc Trăng chủ yếu dựa vào lúa gạo. Năm 1930, diện tích toàn tỉnh là 2.397km^2 (đứng thứ 10 trong 24 tỉnh); trong đó diện tích đất ruộng là 195.200ha (đứng thứ 3 trong 24 tỉnh). Diện tích ruộng tính theo đầu người là: 0,947ha/người (đứng thứ 2 trong 24 tỉnh). Mật độ dân số là 86 người/km^2 (đứng hàng thứ 9).

Báo cáo năm 1916 cho biết kết quả vụ mùa năm 1915 - 1916 của Sóc Trăng như sau: gặt được 316.179 tấn, nhiều nhất trong tất cả các tỉnh Nam Kỳ, trong khi Rạch Giá chỉ gặt được 250.000 tấn, Cần Thơ là 245.000 tấn. Trừ đi số tiêu thụ tại chỗ là 79.000 tấn, Sóc Trăng còn có thể dành cho xuất khẩu là 237.179 tấn và cũng là tỉnh đứng đầu trong các tỉnh về xuất khẩu. Vụ mùa 1916 - 1917: 200.787 tấn (xếp sau Rạch Giá, Cần Thơ), nhưng cũng xuất khẩu được 124.450 tấn. Vụ mùa 1917 - 1918:

130.424 tấn (bằng Rạch Giá, Cần Thơ); xuất khẩu 65.144 tấn. Sóc Trăng trở thành vùng đất dư lúa gạo do dân ít mà mức sản xuất lại cao. Tình hình này cho phép người nông dân Sóc Trăng không những tự đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm trong thời bình mà sau này, trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn có thể cung cấp cho một số tỉnh bạn, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

3.6. Thương mại

Ngay từ trước khi thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ, Sóc Trăng đã là một trung tâm buôn bán sầm uất với các thương cảng Đại Ngãi (trước kia gọi là Vàm Tấn), Bãi Xàu và chợ Khánh Hưng, là tụ điểm giao lưu trong nước và các nước phía nam châu Á từ bao đời nay.

Vào đầu thế kỷ XX, tỉnh Sóc Trăng, không kể thị trấn, có tất cả mười trung tâm tương đối quan trọng về mặt thương mại: Bãi Xàu, Đại Ngãi, Phú Lộc, Bố Thảo, Bang Long, Vũng Thơm, Kế Sách, Rạch Vọp, Rạch Gòi và Ngan Rô. Quan trọng nhất là tỉnh lỵ Sóc Trăng với thương cảng Bãi Xàu.

Tỉnh lỵ Sóc Trăng nằm trên con rạch mang cùng tên. Con rạch này chia tỉnh lỵ thành hai khu vực khác nhau: phía bắc là khu vực chủ yếu dành cho người bản xứ, khu vực phía nam chủ yếu là khu vực của người Âu. Tỉnh lỵ Sóc Trăng vào thời điểm này có khoảng 1.400 người châu Á sinh sống gồm người Kinh là 771 người, người Hoa là 600 người và khoảng 30 người Ấn Độ, tập trung ở làng Khánh Hưng và khoảng 50 người Âu.

Bãi Xàu là một khu chợ quan trọng nhất của cả tỉnh. Quanh năm, đặc biệt trong ba hay bốn tháng sau mùa gặt, các ghe chài lớn và nặng từ Chợ Lớn kéo tới khá nhiều, để mua gạo được đem đến đây từ khắp các địa điểm của vùng và được châu Á coi như là thứ gạo ngon nhất của cả Nam Kỳ. Các thương gia đã bỏ dần chợ cũ vì ghe lớn không tới được và đổ tới chợ mới nằm dọc rạch Ba Xuyên. Trung tâm này, vào mùa gặt, mang một sắc thái nhộn nhịp khiến người ta nghĩ đến một Chợ Lớn nhỏ. Dân số gia tăng hằng năm, nhà cửa tiếp tục mọc lên một cách nhanh chóng

a) Xuất khẩu:

Lúa gạo là mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

Như được mô tả trên về kinh tế của Sóc Trăng vào đầu thế kỷ XX, thương mại xuất khẩu của Sóc Trăng có tính thuần lúa gạo. Do đó, sự tấp nập của ngành buôn bán này cũng theo nhịp của vụ mùa. Vào những tháng từ tháng 2 đến đầu tháng 7, tức là những tháng sau vụ mùa của các loại lúa, nhiều thuyền, ghe đã rời Sóc Trăng tới các tỉnh lân cận và nhất là tới Sài Gòn, Chợ Lớn. Như vậy, vào nửa năm đầu, hằng tháng có khoảng 200 ghe rời Bãi Xàu, chở theo trung bình 11 tấn lúa. Các ghe chở chủ yếu là lúa, vì máy xay xát ở đây chỉ đủ cho mức tiêu thụ tại chỗ.

Tới Bãi Xàu (huyện Mỹ Xuyên ngày nay), người ta thấy ngay đây là một

vùng còn nhiều di tích lịch sử: dòng sông, bờ kè, cây cầu sắt được gọi là cầu Chà Và, dãy phố với ngôi nhà hai tầng được kể là nhà hội đồng Giáp, chủ nhà máy xay lúa, nay làm trụ sở công an, vết tích của nhà máy rượu. Theo người địa phương kể lại, nhà máy rượu có làm máng để hèm từ nhà máy rượu đổ xuống sông cho nguội và người dân tới múc về chăn nuôi heo. Có ngày cả hai trăm người vào nhà máy làm việc khuân vác để được cho ăn. Cũng tại con đường này còn có hai cửa hàng xăng dầu, một của Xí Hỏa, mệnh danh vua xăng dầu, một của Cẩm Thái, một ngôi nhà hai tầng. Tới Bãi Xàu, du khách ngày nay còn có thể nghe nhắc lại hai câu thơ:

"Lầu nào cao bằng lầu Cẩm Thái

Gái nào đẹp bằng gái Mỹ Xuyên".

Vùng này có người Pháp, người Kinh và người Hoa, người Kinh lai Hoa ở.

Người Hoa có gốc từ Phúc Kiến, Quảng Đông và Triều Châu, người gốc Triều Châu chiếm số đông, có ba bang, mỗi bang đều có chùa hay trụ sở riêng: chùa Sếu Cón, nay là Phi Động Diện thờ Quảng Trạch Thiên Tôn của bang Phúc Kiến; chùa Thiên Hậu của bang Quảng Đông và trường Quốc Quang hay hội quán của Triều Châu.

Tại Bãi Xàu cũng có nhà buôn lớn, từng đi Xingapo, Hồng Kông làm ăn buôn bán, biết tiếng Pháp, tiếng Ấn Độ. Ghe chở hàng trước khi ra sông Cái phải chạy vào một cái vịnh tại Bãi Xàu. Vịnh mang tên một nhà buôn bán lớn tại đây là vịnh Bà Bang. Các ghe hàng do hai tàu thay phiên nhau kéo. Một trong hai tàu này là tàu Nguyễn Văn Kiệu. Tàu kéo tới hai chục ghe làm thành một chuỗi dài. Khi vào vịnh, tàu kéo nổi còi để các ghe ở đoạn chót canh chừng không va vào bờ kè. Người trên bờ cũng được huy động cầm sào đẩy ghe ra ngoài nếu có ghe nào vào sát bờ. Hai bờ của con sông này, một bên bồi, bên đối diện với nhà máy và một bên lở. Thực dân Pháp đã xây kè để chống lở.

Chủ của nhà máy xay xát trong vùng, Vương Thủy Nhiên, là người có xe hơi đầu tiên ở Nam Kỳ. Khi ấy chưa có phà, nên xe qua sông bằng ghe chài của nhà.

Ngoài xuất khẩu lúa, gạo, Sóc Trăng còn sản xuất cá tươi, hay khô hoặc mắm cá để xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu ước tính là 10.000$.

b) Nhập khẩu

Mặc dù xuất khẩu được lúa, gạo, mắm cá,... song, Sóc Trăng cũng phải nhập khoảng 2.000$ nước mắm và cá tươi. Ngoài ra, Sóc Trăng phải nhập các mặt hàng khác cần thiết cho cuộc sống thường ngày của người dân. Khoảng 250 thuyền, ghe cập bến Bãi Xàu hằng tháng chở theo trầu, cau, dừa, chuối, xoài, măng cụt, thơm, bắp, thuốc lá, bông vải, diêm, trà, đồ sành sứ, thuốc bắc và những mặt hàng khác xuất xứ từ Trung Quốc. Mặt khác, thỉnh thoảng cũng thấy người Malaixia tại Châu Đốc mang vải tới bán.

3.7. Kỹ nghệ

Ngoài việc trồng lúa hay làm nông nghiệp nói chung, người dân Sóc Trăng cũng tìm cách phát triển kỹ nghệ như làm gạch, ngói, lò vôi, đánh cá, làm ghe, thuyền. Người Âu cũng tham gia vào lĩnh vực này cũng như họ đã tích cực và hăng hái tham gia trong lĩnh vực nông nghiệp. Vào những năm đầu thế kỷ XX, một người Pháp tên là Julien có mở tại Sóc Trăng một lò gốm, nhưng Julien đã nhường lò gốm này cho Roland Massari khai thác. Lò gốm này không đem lại kết quả như mong muốn. Hầu như các nơi khác cũng vậy, người Âu không thành công trong lĩnh vực kỹ nghệ này.

Vào những ngày diễn ra cuộc Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), Sóc Trăng được xem như một trong các tỉnh vùng phía nam sông Hậu có một số cơ sở công nghiệp quy tụ một số tương đối đông công nhân như 24 nhà máy xay gạo, 10 xưởng cưa gỗ, 5 xưởng sửa chữa cơ khí, một nhà máy rượu[1].

Nhìn chung, dưới thời thực dân Pháp, Sóc Trăng cũng như các tỉnh khác trong khu vực, không có những phát triển đáng kể trong lĩnh vực công nghiệp. Một số ngành nghề truyền thống như đan lát, dệt chiếu, làm bánh pía (Vũng Thơm), lạp xưởng,… tiếp tục tồn tại và được duy trì tới ngày nay.

4. Đời sống xã hội của cư dân Sóc Trăng thời thuộc Pháp

4.1. Về kinh tế

Gạo là nguồn lợi chính của Nam Kỳ, đặc biệt là của vùng đất nằm bên kia sông Hậu. Năm 1938, Nam Kỳ sản xuất được 6.312.000 tấn gạo. Chính quyền thực dân Pháp cũng đã có những nỗ lực đáng kể trong việc phát triển nông nghiệp tại Sóc Trăng. Sóc Trăng cũng đã được xếp vào hàng các tỉnh có khả năng xuất khẩu gạo.

Các chính sách khẩn hoang và làm chủ đất đai được áp dụng trong suốt thời kỳ thuộc địa, không chủ yếu nhằm nâng cao mức sống của người dân bản xứ mà nhằm làm giàu trước tiên cho chính quyền thuộc địa, cho các nhà tư sản người Âu và bản xứ, các con buôn và người cho vay lãi. Các chính sách của Pháp theo đuổi hai mục tiêu: tạo thuận lợi cho việc khai thác nông nghiệp theo phương thức tư bản chủ nghĩa, tạo nên một lớp địa chủ sản xuất lúa gạo trên diện tích càng lớn càng tốt, đồng thời khuyến khích người nông dân làm chủ những mảnh đất nhỏ để ổn định xã hội. Nhưng trong thực tế, do am hiểu đường lối, chính sách của nhà nước, nhất là do biết cách luồn lách và vận dụng các chính sách này, tầng lớp địa chủ người Âu và người bản xứ đã tập trung đất đai từ tay người nông dân nghèo vào tay mình, đã tạo nên một lịch sử dài - đau thương và nhiều khi đẫm máu - một trong những nét đặc biệt của công cuộc khẩn hoang tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Riêng tại Sóc Trăng, quá trình tập trung ruộng đất đã diễn ra với tốc độ khá nhanh. Số địa chủ nhỏ giảm mạnh,

1. Xem: *Cách mạng Tháng Tám* (Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội và các địa phương), do Tổ Lịch sử Cách mạng Tháng Tám biên soạn, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1960, tr. 282, phần chú thích.

số địa chủ chiếm hữu từ 1.000ha trở lên tăng nhanh. Đây là thời kỳ các đồn điền và địa chủ lớn ở Sóc Trăng tập trung nhiều ruộng đất nhất. Đến năm 1936 đã có 70 điền chủ người Âu, chiếm 29.052ha, gần bằng 15% đất canh tác, số điền chủ bản xứ chiếm 177.000ha, gần bằng 85%, chỉ còn 8.000ha là của nông dân.

Số phận của người làm công trong nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long thời thuộc Pháp cũng không sáng sủa gì hơn, vẫn trôi nổi trong cái bấp bênh của một nền nông nghiệp còn phải "trông nắng, trông mưa", của một thị trường lúa gạo tính khí thất thường. Người dân Nam Kỳ sống chủ yếu dựa vào việc trồng lúa và việc trồng lúa tại các vùng này tùy thuộc rất nhiều vào thị trường lúa gạo thế giới. Giá lúa gạo trên thị trường thế giới không chỉ ảnh hưởng đến các nhà trồng trọt mà cả những người làm thuê. Pierre Gourou cho biết, tại Nam Kỳ vào thời điểm này, có bốn loại người làm nông nghiệp. Loại thứ nhất là thợ làm công. Loại này gồm có thợ thường trực thuê theo năm và thợ thuê theo thời vụ, thuê theo ngày hay khoán. Người lĩnh canh hay tá điền, người quản lý, chủ nhân hay chủ sở hữu, hai loại đầu dĩ nhiên là những nạn nhân đầu tiên và trực tiếp của khủng hoảng giá cả trên thị trường lúa, gạo trong nước và thế giới.

Thợ được mộ theo mùa, thường là ở các tỉnh cũ như Chợ Lớn, Mỹ Tho, Tân An, Vĩnh Long, Sa Đéc và các tỉnh có chủ sở hữu nhỏ như Cần Thơ, Sóc Trăng. Các tỉnh cực Tây như Bạc Liêu, Rạch Giá, Châu Đốc, Long Xuyên, chỉ có đủ nhân công cho việc làm đất và cấy, còn mùa gặt phải thuê thêm thợ ngoài tỉnh, 3/5 hay 4/5 số nhân công phải mộ từ các tỉnh nêu trên. Sở dĩ có tình trạng "nhân công nông nghiệp lưu động" này là vì mùa lúa chín diễn ra tuần tự từ nơi này đến nơi kia. Mùa màng thường tới sớm tại các tỉnh cực Tây[1].

Theo khảo sát của Pierre Gourou, lương thợ trung bình từ 50 đến 80$/năm, tức 4 đến 6,5$/tháng. Nhưng ở ba tỉnh cực Tây - Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá - lương thợ cao nhất. Vào các năm 1928, 1929, 1930, lương tối thiểu của một người thợ phải là 80$, nhiều khi còn lên đến 100$/năm, trong số này có 20$ ứng trước. Tiền công của một người thợ là phụ nữ phải là 40 đến 50$. Trẻ em giữ trâu: từ 30 đến 40$/năm. Ngoài lương ra, những người thợ nông nghiệp này còn được nuôi ăn, có chỗ ở và được phát ba bộ quần áo/năm. Thức ăn, thuốc hút và trầu ăn của người phụ nữ lên tới 5 hay 6$/tháng. Tuy nhiên, đó là lương vào những năm thịnh vượng.

Vào những năm khủng hoảng, việc xuất khẩu lúa gạo trở nên khó khăn, nhiều diện tích canh tác phải bỏ hoang, do đó giá thuê nhân công cũng giảm rất nhiều. Nếu lương công nhật của thợ nông nghiệp tăng không ngừng từ năm 1920 đến năm 1930, thì từ năm 1931 trở đi, tiền lương đã giảm xuống: từ 80$ xuống còn 60$ tại Trà Vinh; từ 70 - 80$ xuống còn

1. Pierre Gourou: *Les paysans du delta tonkinois*, Paris, 1936. tr. 48.

40$ tại Bến Tre; tại Sóc Trăng và Bạc Liêu, lương từ 60 - 100$ giảm xuống còn 30 - 50$, tức giảm một nửa.

Trong những năm 1929 - 1933, cuộc khủng hoảng kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa làm cho đời sống của nhân dân vô cùng khó khăn. Giá lúa rẻ mạt, nhưng thuế thì lại tăng từ 20% đến 50%, người dân lao động không có đủ tiền để đóng thuế thân, lại phải đóng góp tiền mua công trái... Tình hình trên không những làm cho tầng lớp tiểu nông bị phá sản mà cả các tầng lớp tiểu, trung địa chủ cũng bị phá sản.

Mặt khác, cuộc khủng hoảng kinh tế thời kỳ 1929 - 1933 tác động trên Đông Dương đã cho thấy sự mong manh của một vùng đất sản xuất lương thực như gạo và bắp đặc biệt nhạy cảm với những biến động của giá cả trên thị trường thế giới[1]. Mặc dù các con số có thể nói lên thành quả của những nỗ lực khai thác Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng đây cũng là lĩnh vực có nhiều bấp bênh, làm cho cuộc sống không ổn định. Thêm vào đó, chính quyền thực dân Pháp tại thuộc địa đã không ngần ngại vơ vét của cải của người dân bản xứ để hỗ trợ, cứu trợ mẫu quốc mỗi khi mẫu quốc gặp tai họa như chiến tranh, khủng hoảng kinh tế.

4.2. Về chính trị

Chế độ chính trị mà thực dân Pháp áp đặt cho người dân Nam Kỳ là một gánh nặng. Đây là một chế độ giám hộ được áp dụng trên toàn Đông Dương và được thực thi bằng biện pháp mật vụ và cảnh sát trị. Dưới sự cai quản của mật vụ và cảnh sát là một chế độ của sự tùy tiện, của bất bình đẳng và của "bí mật" trong hành pháp[2]. Thực dân Pháp đặt ra cái gọi là chế độ cho người bản xứ cũng chỉ là để giành cho chính quyền thực dân toàn quyền ra lệnh bỏ tù và tạm giữ của cải của người dân "không được lòng chính quyền" trong vòng mười năm vì lý do an ninh. Không có quyền tự do đi lại: mọi người dân khi ra khỏi "xứ" của mình buộc phải có giấy và còn có thể bị chính quyền địa phương trục xuất. Không tự do ý kiến, bí mật thư từ thường xuyên bị vi phạm. Không có tự do báo chí, vốn bị lệ thuộc vào việc xin phép trước và tiền ký quỹ, những điều kiện để tái lập sự kiểm duyệt ngay cả sau khi chế độ kiểm duyệt bị bãi bỏ vào năm 1936; việc đình bản, cấm đoán, con số và tính cách mập mờ của các tội danh là một đe dọa thường trực đối với tự do xuất bản[3]. Chế độ xin phép cũng áp dụng đối với quyền hội họp và lập hội. Và dĩ nhiên, không có chế độ tự do nghiệp đoàn.

Các điều kiện không tưởng tượng nổi này tồn tại suốt thời gian tồn tại của chế độ bảo hộ. Một số cải thiện do Mặt

1. Ibid và A. Touzet: *L'économie indochinoise et la grande crise universelle* (Nền kinh tế Đông Dương và cuộc đại khủng hoảng thế giới), Paris, 1934, tr. 123 - 165.

2. R. Pinto: *Aspects de l'évolution gouvernementale de l'Indochine francaise* (Các khía cạnh của sự biến đổi của nhà nước tại Đông Dương thuộc Pháp), Sài Gòn, 1946, tr. 66.

3. J. Chabas: *Le régime de la presse en Indochine* (Chế độ báo chí tại Đông Dương), RI, 1938, tr. 670 và 1939, tr. 106.

trận bình dân đưa ra thi hành vào năm 1936 chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Từ năm 1939, chính quyền Đông Dương, viện cớ chiến tranh tại châu Âu, bãi bỏ các quyền tự do và thiết lập lại chế độ áp bức cũ. "Đông Dương là một nhà tù" và một người như Phạm Quỳnh cũng phải tuyên bố: "Chúng tôi cảm thấy xa lạ ngay trên chính đất nước của mình".

II. CÁC PHONG TRÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC[1]

1. Một số phong trào chống thực dân Pháp trước khi Đảng Cộng sản ra đời

Mặc dù thực dân Pháp chiếm và làm chủ được toàn bộ Nam Kỳ, nhưng nhiều người đã tự động tập họp xung quanh một số sĩ phu yêu nước như Trương Định, Nguyễn Hữu Huân, Nguyễn Trung Trực tổ chức các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Cuộc kháng chiến của Nguyễn Trung Trực đã gây tổn thất không nhỏ cho thực dân Pháp tại Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt tại Long An và Rạch Giá.

Người dân Sóc Trăng đã tham gia các cuộc kháng chiến này. Đặc biệt, họ còn tổ chức chống thực dân Pháp ngay trên mảnh đất Sóc Trăng. Người dân nơi đây còn truyền tụng nhau câu chuyện một người nông dân tên Chương quy tụ được cả nghìn nghĩa quân, tập trung ở Duy Hòa (Hòa Tú, Gia Hòa, huyện Mỹ Xuyên ngày nay) đánh thực dân Pháp. Thực dân Pháp kéo lính mã tà từ Rạch Chùa vào đàn áp. Nghĩa quân dưới sự chỉ huy của ông Chương đã dũng cảm xông lên giết giặc. Thực dân Pháp đã thất bại vì bị đánh bất ngờ… Người dân Sóc Trăng đã hưởng ứng phong trào chống thực dân Pháp của hai anh em Đỗ Thừa Luông và Đỗ Thừa Tự từ vùng U Minh Hạ đến Sóc Trăng.

Tại Sóc Trăng, giáo viên, học sinh và nhân dân lao động tham gia lễ truy điệu Phan Châu Trinh. Sau lễ truy điệu, họ đã tổ chức cuộc tuần hành biểu tình từ đường Đại Ngãi qua cầu Quay đến nhà thờ. Đám tang Phan Châu Trinh đầu tháng 4-1926 "được kể như một trong những bước khởi đầu quan trọng của truyền thống công khai bày tỏ thái độ, ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của mình trước các quyền lực cai trị, trên đường phố, qua các cuộc bãi công, bãi khóa, bãi nghiệp, v.v.".

2. Phong trào cách mạng và kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản (1930 - 1945)

2.1. Các chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ra đời tại Sóc Trăng (1930 - 1935)

Các nhóm yêu nước chịu ảnh hưởng tư tưởng cách mạng vô sản đã xuất hiện khá sớm ở Sóc Trăng. Tại tỉnh lỵ, tiệm thợ bạc Ngô Tôn Đường là nơi một số thanh niên đã dùng làm địa điểm lui tới gặp gỡ và tuyên truyền tư tưởng yêu nước, hay để vận động bạn bè quyên tiền hỗ trợ việc in ấn sách báo tiến bộ, như Phan Văn Hoành ở quận Kế Sách là người đã tích cực hoạt động trong phong trào ủng hộ tài chính cho báo chí tiến bộ từ năm 1926.

1. Tư liệu của phần này phần lớn dựa vào *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, tập 1 (1930 - 1954)*, xuất bản năm 2002.

Trong thập kỷ 20 của thế kỷ XX, xuất hiện nhiều loại sách báo, thơ ca yêu nước tiến bộ như: "Hai chữ nước nhà", "Hải ngoại huyết thư", "Việt Nam hồn", "Tiếng chuông rè", đặc biệt là Bản yêu sách của Nguyễn Ái Quốc gửi Hội nghị Vécxây đòi Chính phủ Pháp và các cường quốc phải thừa nhận quyền tự do, bình đẳng của dân tộc Việt Nam. Tiếp theo là những bài viết của Nguyễn Ái Quốc đăng trên báo "Người cùng khổ", đặc biệt là "Bản án chế độ thực dân Pháp", mở rộng tầm nhìn cho nhân dân ta thấy rõ kẻ thù, khích lệ mạnh mẽ lòng yêu nước, nêu cao tinh thần đoàn kết quốc tế giữa các dân tộc bị áp bức trên thế giới, cùng đứng lên đấu tranh đập tan xiềng xích nô lệ.

Việc phổ biến tuyên truyền tư tưởng cách mạng có thể được ví như việc dọn đất cho tổ chức của Đảng Cộng sản cắm rễ tại Sóc Trăng. Vì vậy, khi một số đảng viên Đảng Cộng sản trong Xứ ủy Nam Kỳ, Đặc ủy Hậu Giang và cán bộ, đảng viên từ các tỉnh khác như Vĩnh Long, Bến Tre… được bố trí về Sóc Trăng hoạt động, họ đã tìm thấy ở đây một môi trường thuận lợi để xây dựng những nền móng đầu tiên của Đảng tại đây.

Trong những năm từ năm 1930 đến năm 1935, đã có năm chi bộ Đảng Cộng sản được thành lập tại Sóc Trăng, quy tụ 19 đảng viên. Chi bộ đầu tiên của Sóc Trăng được thành lập là Chi bộ làng Mỹ Quới, ra đời vào giữa năm 1930. Từ năm 1928, Mỹ Quới đã có Chi bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Cuối năm 1929, các hội viên của Hội được xét chuyển thành đảng viên An Nam Cộng sản Đảng và năm 1930 trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam khi 3 tổ chức Đảng Cộng sản trong nước được hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ thứ hai được thành lập là Chi bộ Cù Lao Dung (quận Long Phú) do đồng chí Đặng Văn Quang, đảng viên cộng sản từ Vĩnh Long và Bộ Thuần, một quần chúng ở Bến Tre có cảm tình với cách mạng, đến hoạt động tại làng Đại Ân (Cù Lao Dung) và thành lập Chi bộ Cù Lao Dung vào đầu năm 1931. Cũng vào thời điểm này, đồng chí Trần Thạnh Mậu, đảng viên cộng sản hoạt động ở quận Càng Long và quận Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long, bị địch truy lùng, đã đến ấp Mỹ Thanh, làng Lạc Hòa quận Vĩnh Châu tiếp tục hoạt động cách mạng và vận động, bồi dưỡng quần chúng, hội viên tích cực. Tháng 6-1931 trong các đồng chí được ông bồi dưỡng có hai đồng chí là Ngô Hòa Hện và Trần Kim Phẹn được kết nạp vào Đảng, đồng thời thành lập Chi bộ làng Lạc Hòa. Cuối năm 1932, Chi bộ ghép làng Trường Khánh - Châu Khánh ra đời gồm có các đồng chí: Thanh, Sanh, Hoành, do đồng chí Dương Kỳ Hiệp làm Bí thư. Sau đó Chi bộ kết nạp thêm đồng chí Tám Huy (quê ở Phú Hữu). Năm 1935, Chi bộ An Lạc Thôn (quận Kế Sách) được thành lập.

Sau khi được thành lập, các chi bộ đã tích cực lãnh đạo các cuộc đấu tranh của nhân dân chống thực dân Pháp và tầng lớp địa chủ bóc lột. Các cuộc đấu tranh diễn ra rất đa dạng nhưng tựu chung vẫn là gây ý thức cách mạng trong quần chúng và giúp giải quyết các khó khăn trước mắt về đời sống

của tầng lớp nghèo. Nông dân Châu Khánh - Trường Khánh (quận Long Phú) nổi dậy bắt trâu, bò, phá kho lúa của địa chủ để chia cho nông dân nghèo. Cuộc nổi dậy của nông dân làng Lạc Hòa năm 1932, đấu tranh đòi địa chủ không tăng tô, chống địa chủ cấu kết với thầu khoán thông đồng với bọn tề làng đến vùng biển Mỹ Thanh tùy tiện khai thác cát để bán, không kể gì đến việc sạt lở bờ biển, thiệt hại nhà cửa của dân. Cuộc đấu tranh này đã giành thắng lợi.

Một hình thức khác của cuộc đấu tranh của nhân dân dưới sự lãnh đạo của các chi bộ là thành lập các tổ chức hợp pháp và nửa hợp pháp, các Hội Ái hữu, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Cứu tế đỏ… nhằm quy tụ quần chúng để một mặt giúp đỡ nhau trong sản xuất, giải quyết các khó khăn trong cuộc sống thường ngày, cổ vũ tinh thần tương thân tương ái, mặt khác, để học hỏi và nâng cao tinh thần cách mạng, lòng yêu nước, yêu đồng bào, chống áp bức, bóc lột, từ đó đi vào con đường cách mạng…

2.2. Cuộc vận động dân chủ và sự ra đời của Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng (1936 - 1939)

Ngày 26-7-1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tại Thượng Hải (Trung Quốc) quyết định nhấn mạnh vào mục tiêu trực tiếp trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân, đấu tranh cho tự do và dân chủ. Hình thức và phương pháp hoạt động là phải tận dụng khả năng công khai hợp pháp, nửa hợp pháp để phát triển tổ chức của Đảng và tổ chức Mặt trận dân chủ. Trung ương Đảng kêu gọi cả nước thành lập Ủy ban hành động để tập hợp lực lượng trong các tầng lớp nhân dân, vận động họ bầu cử đại biểu tham dự Đại hội Đông Dương[1].

Trong suốt ba năm, từ năm 1936 đến khi nổ ra Chiến tranh thế giới thứ hai (năm 1939), Sài Gòn nói riêng và Nam Kỳ nói chung là nơi diễn ra những hoạt động chính trị sôi nổi hướng tới việc nhóm họp một Đại hội Đông Dương có nhiệm vụ soạn thảo những yêu sách quốc gia để đệ trình lên Ủy ban điều tra về các thuộc địa mà Chính phủ Pháp đang chuẩn bị thành lập vào tháng Giêng năm 1937. Các Ủy ban hành động nhằm "làm bản nguyện vọng của dân" dấy lên khắp nơi. Trong hai tháng đầu, riêng tại Nam Kỳ đã có hơn 600 Ủy ban hành động được thành lập[2].

---

1. Nội dung của các yêu cầu: tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do xuất bản; trả tự do cho tất cả tù chính trị; bỏ chế độ phân biệt đối xử giữa người Đông Dương với người Pháp, cải tổ hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương, các viện dân biểu, Hội đồng quản hạt, Hội đồng thành phố thành những cơ quan kinh tế và chính trị; thực hiện luật lao động ngày làm 8 giờ, định lương tối thiểu và cứu tế nghề nghiệp; bỏ thuế thân, giảm các thứ thuế khác, xóa nạn cho vay nặng lãi; bỏ độc quyền rượu, muối, nước mắm, cấm bán thuốc phiện; thải hồi những công chức Pháp ăn hối lộ và đàn áp nhân dân; truyền bá giáo dục, bắt buộc học tiếng Việt trong trường; nam nữ bình đẳng.

2. Xem: Franchini (Chủ biên): *Saigon 1925 - 1945*, Éd. Autrement - Série Mémoires số 17, tr. 179.

Nhân dân Sóc Trăng đã tích cực tham gia phong trào đấu tranh đòi triệu tập Đại hội Đông Dương, đòi dân sinh, dân chủ. Sóc Trăng đã thành lập được hơn 20 Ủy ban hành động từ tỉnh lỵ đến các quận Châu Thành, Kế Sách, Long Phú, Vĩnh Châu. Thông qua các Ủy ban hành động, các chi bộ tổ chức thu thập ý kiến và nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, lập bản dân nguyện, lấy chữ ký của nhân dân gửi cho phái đoàn Quốc hội Pháp.

Ở Sóc Trăng, đây cũng là thời kỳ phong trào quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ diễn ra tại nhiều nơi. Tại tỉnh lỵ, năm 1936, Phan Văn Hoành tổ chức thêm Hội Ái hữu thợ bạc, tích cực tuyên truyền giác ngộ, hướng dẫn anh em thợ bạc đấu tranh cho quyền lợi người lao động. Phan Văn Hoành liên hệ với Phan Văn Tấn ở tiệm vàng "Thủy Xoàn" và phối hợp với nhau trong các hoạt động của ngành kim hoàn nhằm bảo vệ quyền lợi của công nhân.

Ở các quận, công tác phát triển đảng viên, tổ chức chi bộ được đẩy mạnh. Chi bộ Mỹ Quới phân công đảng viên tuyên truyền xây dựng cơ sở, hình thành thêm các chi bộ Ninh Quới, Vĩnh Phú, Bàu Xàng, Rọc Lá, Mỹ Lộc. Trên cơ sở đó, năm 1936 Quận ủy Phước Long được thành lập tại làng Mỹ Quới. Ở quận Vĩnh Châu, năm 1936, Chi bộ Lạc Hòa đã phát triển thêm một số đảng viên. Các chi bộ ở các huyện Châu Thành, Kế Sách, Long Phú đều được củng cố và phát triển.

Tuy nhiên, bầu không khí sinh hoạt chính trị sôi sục của người dân thuộc mọi tầng lớp xã hội Việt Nam đã khiến chính quyền thực dân lo sợ. Chính quyền thực dân Pháp tại Đông Dương đã làm mọi cách để ngăn cản Bộ trưởng thuộc địa thực thi các quyết định Chính phủ Pháp đã đề ra. Ngày 9-9-1936, Marius Moutet đã buộc phải cho phép chính phủ thuộc địa cấm tổ chức đại hội. Ngày 15-9-1936, chính quyền thực dân Pháp tại Đông Dương ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động, cấm tổ chức hội họp, tịch thu các báo chí, sách vở tuyên truyền cho Đại hội Đông Dương, bắt giam những người đã tích cực hoạt động trong phong trào đòi Đại hội Đông Dương.

Để xoa dịu phong trào đấu tranh của quần chúng, ngày 11-10-1936, toàn quyền Đông Dương ra nghị định quy định một số quyền lợi của công nhân và lao động làm thuê, trong đó nêu rõ thời gian lao động trong một ngày không quá 10 giờ, ngày chủ nhật được nghỉ…

Phong trào Đại hội Đông Dương ở Sóc Trăng mặc dù chỉ tồn tại hơn hai tháng (tháng 8, 9-1936) nhưng đã khơi dậy trong nhân dân tinh thần đoàn kết đấu tranh với kẻ thù và nhận thức được vai trò lãnh đạo của những người cộng sản trong cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân lao động.

Trong thời gian này, chính quyền thực dân cho phép thành lập nghiệp đoàn nhưng lại tăng cường kiểm soát gắt gao, nên Liên Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo phải biết lợi dụng các cuộc đấu tranh hợp pháp với khẩu hiệu đòi "tự do tổ chức nghiệp đoàn" và các quyền

dân sinh, dân chủ khác. Từ những năm 1937 - 1938, Đảng chủ trương thay đổi tên gọi các tổ chức quần chúng bí mật như Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Thanh niên cộng sản Đoàn, Cứu tế đỏ, v.v., bằng những tên gọi các tổ chức có tính công khai và bán công khai như: Công hội, Nông hội, Thanh niên phản đế đoàn, Hội Ái hữu, Hội Thể thao v.v.; đổi tên Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương thành Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận dân chủ Đông Dương) để tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào cách mạng.

Mặt khác, để đáp ứng yêu cầu về tổ chức đảng trong tình hình mới, Xứ ủy Nam Kỳ và Liên Tỉnh ủy Cần Thơ chỉ đạo củng cố, phát triển các chi bộ Đảng ở các tỉnh làm hạt nhân lãnh đạo phong trào quần chúng, đồng thời, năm 1937, Liên Tỉnh ủy điều các đồng chí Nguyễn Thế Ngọc (Sáu Cò), Phạm Hồng Thám, Bùi Thị Trường… và nhiều đồng chí khác về Sóc Trăng hoạt động. Kết quả là Sóc Trăng đã thành lập được các nghiệp đoàn và các Hội Ái hữu quy tụ thợ bạc, thợ may, thợ hớt tóc, thợ sửa chữa ôtô, thợ mộc, v.v., được một số đông quần chúng tham gia. Chẳng hạn, Nghiệp đoàn Kim hoàn gồm 85 hội viên, Hội Ái hữu Liên đoàn giáo chức gồm 25 ủy viên, Hội Ái hữu Liên đoàn công chức gồm 50 hội viên, Hội Ái hữu Liên đoàn phụ nữ, Hội Tương tế nhà vàng gồm 50 hội viên. Ở quận Vĩnh Châu Nghiệp đoàn xe đò được thành lập. Ở nông thôn, nhiều tổ chức công khai của quần chúng cũng đã được thành lập như: Hội Ái hữu thợ mộc, Hội Đá banh của thanh niên, Vạn cấy, Vạn nhổ mạ, v.v..

Các nghiệp đoàn và Hội Ái hữu này đã tổ chức đấu tranh dưới nhiều hình thức và các mục tiêu đấu tranh cũng rất đa dạng. Ngày 14-2-1938, Nghiệp đoàn Kim hoàn do Phan Văn Hoành và Phan Văn Tấn lãnh đạo, phát động phong trào đấu tranh đòi tăng lương. Ngày 17-2-1938, tại tỉnh lỵ Sóc Trăng, đại biểu công nhân thợ bạc các tỉnh Sóc Trăng, Cần Thơ, Rạch Giá, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Vĩnh Long đã triệu tập cuộc họp thống nhất đưa ra các yêu sách của công nhân, trong đó nêu rõ: tăng 25% lương cho công nhân, ngày làm việc 8 giờ, chủ nhật được nghỉ, làm thêm ngoài giờ thì chủ phải trả lương gấp đôi. Hội Ái hữu Liên đoàn giáo chức do đồng chí Dương Tấn làm chủ tịch đưa kiến nghị yêu cầu chủ tỉnh phải giải quyết các trường hợp bất hợp lý trong ngành, tăng lương giáo viên, có biện pháp đối với những việc làm bất công của Đốc học người Pháp đối với giáo viên người Việt Nam, chống việc đuổi học tùy tiện, đòi dạy chương trình tiếng Việt ở bậc tiểu học và một nửa thời gian trong chương trình ở bậc trung học. Nhà cầm quyền đã phải nhượng bộ, chấp nhận một số yêu sách của nghiệp đoàn và Hội Ái hữu.

Tại nông thôn, từ năm 1937 đến năm 1938, nhiều cuộc đấu tranh của nông dân đã diễn ra. Năm 1938 nhân dân quận Vĩnh Châu bị mất mùa nặng, chi bộ đã hướng dẫn cho nông dân làm đơn gửi tỉnh trưởng Bạc Liêu và Thống đốc Nam Kỳ đòi giảm thuế và cứu đói,

song thực dân Pháp đã làm ngơ. Ngày 13-9-1938, chi bộ huy động hàng trăm nông dân, ghe xuồng đậu chật cả khúc sông, đòi phải mở kho lúa cho nông dân mượn. Tên ký Đảnh, tuần khạo của địa chủ Lê Văn Châu hoảng sợ hứa với nhân dân sẽ cho mượn lúa, nhưng lại ngầm báo cho chủ tỉnh Bạc Liêu. Viên chủ tỉnh liền phái lính cò đến giải tán cuộc biểu tình và bắt giam nhiều người, gán cho họ tội cầm đầu gây rối trật tự, trị an. Cuộc đấu tranh hợp pháp dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng tuy chưa đạt được kết quả nhưng có ảnh hưởng lớn về chính trị.

Song song với cuộc đấu tranh trên, các đảng viên ở Vĩnh Châu còn vận động nhân dân Lai Hòa làm đơn xin cứu đói. Ban hội tề cho người đi điều tra và lập danh sách những hộ nghèo để phát phiếu lãnh lúa. Sau đó vài ngày, họ tổ chức phân phát lúa cho dân nghèo, sau khi đã chia nhau ăn chặn hàng trăm giạ lúa cứu đói. Biết được tình hình này, chi bộ hướng dẫn nhân dân làm đơn gửi Chủ tỉnh Bạc Liêu và Chủ quận Vĩnh Châu kiện tề làng Lai Hòa. Kết quả một số người trong Ban Hội tề Lai Hòa bị cách chức và số lúa trên được thu hồi phát đủ cho dân nghèo. Đây là thắng lợi có tiếng vang lớn, được một số báo công khai đăng tin.

Tại quận Phước Long, dưới sự lãnh đạo của Quận ủy, ngày 3-8-1938 nhân dân làng Mỹ Quới cùng với các làng Vĩnh Lợi, Vĩnh Phú, Ninh Quới, gồm hơn 500 người kéo ra quận lỵ Phước Long gặp chủ quận đòi trợ cấp lúa gạo trong những tháng không có việc làm, giảm thuế thân cho dân nghèo, v.v.. Trước khí thế đấu tranh quyết liệt của quần chúng, chủ quận đành phải chấp nhận một số yêu sách của nhân dân. Cuộc đấu tranh cơ bản đạt yêu cầu đề ra và đã có tác động sâu rộng đến các vùng lân cận.

Ở làng Hòa Tú (thuộc quận Châu Thành), 300 tá điền đã đấu tranh đòi địa chủ Trương Vĩnh Khánh không được tăng tô và tăng mức lãi suất vay lúa. Ở các làng Đại Ân, Châu Khánh (quận Long Phú), Trường Khánh (quận Châu Thành), Thới An Hội, Ba Trinh (quận Kế Sách) đều có phong trào đấu tranh của nông dân, trong đó có nông dân Khmer chống lại địa chủ và tề làng đòi đáp ứng các quyền lợi thiết thân của nông dân.

Phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ bùng lên mạnh mẽ từ thành thị đến nông thôn đã làm cho chính quyền thực dân Pháp ở Sóc Trăng bị động và có những bước nhượng bộ, chấp nhận một số yêu sách của nhân dân. Trước những thành quả này, người công nhân và nông dân phấn khởi, thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, ý thức giác ngộ cách mạng, tinh thần đoàn kết đấu tranh chống áp bức, bóc lột của thực dân, phong kiến.

Các cuộc đấu tranh của các tổ chức công khai và bán công khai của quần chúng nhân dân tại tỉnh lỵ cũng như tại nông thôn cũng đã góp phần vào việc củng cố và phát triển các tổ chức của Đảng ở Sóc Trăng. Năm 1938, Chi bộ Hòa Tú được thành lập. Chi bộ đồn điền Labasthe (quận Kế Sách) đã được thành lập vào giữa năm 1938. Các chi

bộ ở các quận Châu Thành, Kế Sách, Long Phú được duy trì và phát triển.

Ở Sóc Trăng, các chi bộ và đông đảo quần chúng lấy báo chí công khai làm công cụ tuyên truyền cách mạng và vũ khí đấu tranh với địch. Các tổ chức quần chúng ở nhiều địa phương góp tiền mua báo Đảng, ủng hộ báo Đảng, tổ chức các tổ đọc báo. Ngoài ra, các đồng chí Dương Kỳ Hiệp và Phan Văn Chiêu còn được giao nhiệm vụ quyên góp tài chính để chuẩn bị xuất bản tờ Tạp chí Đông Phương. Nhờ số tiền quyên góp được, Tạp chí Đông Phương ra mắt bạn đọc đúng kế hoạch (tháng 9-1938). Ngoài các tạp chí công khai, ở Sóc Trăng còn có nhiều loại sách giới thiệu về chủ nghĩa Mác - Lênin, các loại sách văn học tiến bộ của thế giới và trong nước. Các sách báo tiến bộ này đã thu hút được nhiều người đọc.

2.3. Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng được thành lập

Cuối năm 1938, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong tỉnh phát triển mạnh. Mặt trận dân tộc dân chủ Đông Dương ngày càng phát triển, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Qua thực tiễn hoạt động cách mạng từ năm 1936 đến năm 1938, các chi bộ Đảng ở Sóc Trăng từng bước trưởng thành về trình độ, năng lực lãnh đạo khiến phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Yêu cầu cấp bách của cách mạng vào thời điểm này đòi hỏi phải có tổ chức đảng cấp tỉnh để thống nhất lãnh đạo phong trào và nâng phong trào của quần chúng tới quy mô tỉnh. Do đó, cuối năm 1938, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Thế Ngọc, đại diện Liên Tỉnh ủy Cần Thơ, một cuộc họp quan trọng được bí mật tổ chức tại căn nhà lá nhỏ ở sân banh cũ (nay là miếu Bà Hỏa, phường 4, thành phố Sóc Trăng) để thành lập Tỉnh ủy lâm thời. Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời gồm 5 người: đồng chí Dương Minh Quan, Bí thư; đồng chí Phan Minh Gương, Phó Bí thư; các đồng chí Phan Văn Tấn, Nguyễn Trung Tỉnh, Nguyễn Văn Thơ là Tỉnh ủy viên.

Việc Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng được thành lập đã đánh dấu một bước ngoặt lịch sử về sự phát triển và trưởng thành của tổ chức đảng tại tỉnh.

Tuy nhiên, trước các phong trào đấu tranh ngày càng mở rộng và quyết liệt của quần chúng, trước những thắng lợi to lớn và căn bản các tổ chức đảng đã thu thập được trong việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh qua các phong trào đấu tranh hợp pháp và bán hợp pháp, chính quyền thực dân Pháp đã tìm mọi cách để đối phó. Tại Sóc Trăng, ngày 15-4-1939, thực dân Pháp bắt đồng chí Nguyễn Trung Tỉnh và Nguyễn Văn Thơ, Tỉnh ủy viên và kết án 1 năm tù giam. Tháng 9-1939, thực dân Pháp sai mật thám đến lục soát và ra lệnh đóng cửa "Thanh niên thư quán", bắt đồng chí Dương Kỳ Hiệp, kêu án 1 năm tù, kế đó bắt Châu Ngọc Lân, một thanh niên có cảm tình với cách mạng cộng tác với Phan Văn Chiêu vận động thanh niên yêu nước vào năm 1935 tại

tỉnh lỵ. Phan Văn Chiêu lúc này đang làm quản lý tờ Tạp chí Đông Phương tại Mỹ Tho, cũng bị địch đón bắt tại ga xe lửa Mỹ Tho.

2.4. Khởi nghĩa Nam Kỳ ở Sóc Trăng ngày 23-11-1940

Khoảng trưa ngày 22-11-1940, Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng nhận được lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy. Lệnh khởi nghĩa nhanh chóng được phổ biến đến các chi bộ và cơ sở đảng trong tỉnh. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã nổi dậy khởi nghĩa.

Tại làng Khánh Hưng, tỉnh lỵ Sóc Trăng, Đảng tổ chức treo cờ, rải truyền đơn… tập họp quần chúng ở ngã tư Cột Lồng Đèn để phổ biến chủ trương khởi nghĩa và kêu gọi đồng bào hưởng ứng. Ở Trường Khánh (quận Châu Thành), kế hoạch đốt cầu Saintard vào đêm 24-11-1940 để cắt đứt đường giao thông của địch bị bại lộ nên không thực hiện được. Tại quận Long Phú, quần chúng hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, phá lộ, đốn cây làm chướng ngại vật trên đường Long Phú - Sóc Trăng ngăn chặn giao thông của địch. Ở An Lạc Thôn, quận Kế Sách, nhân dân treo cờ, rải truyền đơn. Ba lá cờ kích thước nhỏ được bí mật dán ở 3 cây cầu Cái Trâm, Cái Cui và An Lạc Thôn. Truyền đơn kêu gọi đánh đổ thực dân Pháp, phát xít Nhật được rải từ cầu Cái Trâm lên gần đến chợ An Lạc Thôn, tổ chức đốn cây ngăn cản giao thông trên tuyến đường từ Ba Rinh đi Sóc Trăng, đồng thời tổ chức đốt cầu Cái Trâm. Kế hoạch nổi dậy tại Mỹ Quới bị địch phát hiện vì vậy cuộc khởi nghĩa ở đây không nổ ra. Kế hoạch nổi dậy ở quận Vĩnh Châu cũng bị lộ nên địch đưa lực lượng đến bắt một số cán bộ và quần chúng nòng cốt, tăng cường canh gác ở những trọng điểm trong quận. Vì vậy cuộc khởi nghĩa ở đây cũng không được tiến hành theo kế hoạch.

Đáng ghi nhớ nhất là cuộc nổi dậy tại làng Hòa Tú, quận Châu Thành (nay thuộc huyện Mỹ Xuyên). Vào hồi 20 giờ ngày 23-11-1940, hơn 100 quần chúng trong các tổ chức phản đế ở Xóm Đình, Chợ Kinh, Bàu Gòn, Trà Thê được trang bị giáo, mác, kích, phảng, gậy gộc… kéo tới tập trung tại Xóm Đình. Đông đảo các tầng lớp nhân dân yêu nước, các tín đồ của đạo Cao Đài, Thiên Chúa giáo đã được lực lượng khởi nghĩa tập hợp tại khoảng sân trống trước nhà đồng chí Văn Ngọc Chính và sẵn sàng chờ lệnh xuất quân. Đồng chí Văn Ngọc Chính, thay mặt Ban Chỉ huy khởi nghĩa tuyên bố: "Xứ ủy Nam Kỳ quyết định lãnh đạo nhân dân Nam Kỳ đứng lên giành chính quyền. Ở Hòa Tú trong đêm nay chi bộ sẽ cùng nhân dân đánh chiếm đồn Cổ Cò, bắt bọn tề và địa chủ gian ác, giành chính quyền về tay nhân dân, giành lại ruộng đất cho dân cày. Chúng tôi là những người cộng sản thề cùng nhân dân chiến đấu đến giọt máu cuối cùng và cương quyết hoàn thành nhiệm vụ của Đảng giao". Lời tuyên bố vừa dứt, quần chúng đồng thanh hô vang lời thề quyết chiến đấu vì độc lập, tự do của quê hương.

Vào khoảng 22 giờ đêm, lệnh xuất quân được ban hành, đoàn quân bắt đầu

tiến về hướng Cổ Cò và giành thắng lợi trọn vẹn theo kế hoạch: giải tán bộ máy tề làng Hòa Tú, thiêu hủy toàn bộ hồ sơ, sổ sách của hội tề và địa chủ, thu 7 súng và một số đạn dược.

Trên đường về, đồng bào gia nhập lực lượng khởi nghĩa ngày càng đông. Khi đến xóm Ba Chùa (nay là ấp Huỳnh Công Đê), Ban Chỉ huy khởi nghĩa ra lệnh cho đoàn quân khởi nghĩa dừng chân nghỉ ngơi. Chi bộ và Ban Chỉ huy khởi nghĩa họp rút kinh nghiệm, bàn kế hoạch cho bước tiếp theo. Cuộc họp đi đến thống nhất: cử liên lạc xin ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết tiến đánh ra Nhu Gia, Bãi Xàu, tỉnh lỵ... Ban Chỉ huy khởi nghĩa yêu cầu Giáo Vàng và Tuần Ngọ hướng dẫn cho nghĩa quân cách sử dụng súng vừa thu được. Đồng bào ở đây từ già, trẻ, gái, trai, người gánh, kẻ bưng cơm nước, thức ăn đến khao quân. Mọi người vô cùng phấn khởi trước thắng lợi vẻ vang.

Vào trưa 24-11-1940, sau khi nhận được tin cấp báo, chủ tỉnh Sóc Trăng đã cùng viên hiến binh (người Pháp) và viên sĩ quan (người Việt) chỉ huy khoảng 20 tên lính được trang bị vũ khí đầy đủ, cấp tốc tiến về Tầm Lon và Ba Chùa để đàn áp cuộc khởi nghĩa. Khoảng 2 giờ chiều thì toán lính này tới xóm Ba Chùa.

Trước một đội quân nhà nghề, được trang bị vũ khí tối tân, lực lượng nổi dậy tuy đông, nhưng phần lớn chỉ được trang bị vũ khí thô sơ, súng đạn lại quá ít, nên để bảo toàn lực lượng, Ban Chỉ huy ra lệnh cho đại bộ phận rút lui, đồng thời bố trí một tổ nghĩa quân ở lại chiến đấu do đồng chí Văn Ngọc Chính chỉ huy. Mặc dù lúc này thực lực của địch mạnh hơn ta nhiều lần, nhưng nghĩa quân vẫn bình tĩnh đợi địch đến gần rồi nổ súng làm một số tên bị thương. Khi giặc tràn tới, các nghĩa quân vẫn dũng cảm chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, anh Nguyễn Văn Lời trước lúc hi sinh đã đập gẫy súng, không để súng lọt vào tay giặc, 2 nghĩa quân khác Nguyễn Văn Giai và Trương Đại Lùn bị địch bắt. Địch tiếp tục càn đến chiều tối và bắt thêm 10 người nữa đưa về tỉnh lỵ Sóc Trăng.

Đồng thời, địch lập đồn ở đình Hòa Tú, ráo riết củng cố hội tề làng, liên tiếp mở các cuộc càn quét, lùng bắt quân khởi nghĩa, bắn vào nhà cửa của nhân dân làng Hòa Tú, lập trạm gác trên sông, khám xét gắt gao không cho nhân dân ra khỏi làng, hãm hiếp phụ nữ... Số người bị bắt ở vùng Hòa Tú lên đến hàng trăm người, trong đó có ba anh em Văn Ngọc Chính, Văn Ngọc Tố, Văn Ngọc Nhụy, đồng chí Lương Đơn Quế và nhiều quần chúng tích cực. Hàng trăm ngôi nhà và một thánh thất Cao Đài đã bị thiêu hủy. Các đồng chí Nguyễn Văn Thạnh (Tư Bối), Nguyễn Tấn Đạt, Hà Thành Nguyên, Võ Thị Thiện cùng một số nghĩa quân và gia đình cơ sở phải chuyển về Bạc Liêu, Cà Mau, v.v.. ẩn náu nhưng vẫn liên lạc với tổ chức đảng để hoạt động. Tại An Lạc Thôn, Ba Trinh, Xuân Hòa (quận Kế Sách), địch bắt 12 người trong đó

có 5 người bị kết án tù và đày ra Côn Đảo. Tiếp đó, các đồng chí Dương Minh Đệ, Hoài, Đức và Hai Mụng cũng bị địch bắt. Cơ quan Tỉnh ủy ở ngoại ô Châu Thành bị địch phát hiện, đồng chí Siểng, cán bộ Tỉnh ủy bị bắt tại cơ quan. Đồng chí Dương Kỳ Hiệp, đồng chí Nguyễn Trung Tỉnh cũng bị địch bắt giữ.

Tính đến ngày 30-12-1940, trong toàn xứ Nam Kỳ, thực dân Pháp đã bắt 5.848 người, trong đó tỉnh Sóc Trăng có 187 người. Qua nhiều lần xét xử tại Tòa án quân sự Sài Gòn và Tòa án tiểu hình Sóc Trăng, 36 đảng viên và quần chúng Sóc Trăng bị kết án đày đi Côn Đảo, trong đó có 16 người hi sinh tại ngục tù vô cùng khắc nghiệt này. Riêng Giáo Vàng và Tuần Ngọ, thực dân Pháp kết tội là: "cầm đầu quân khởi nghĩa" bị xử bắn tại tỉnh lỵ Sóc Trăng vào ngày 5-6-1941.

Cuộc khởi nghĩa Hòa Tú đã thể hiện tinh thần quyết thắng, ý thức tổ chức kỷ luật cao của Đảng bộ, nghiêm túc thực hiện sự chỉ đạo chuyển hướng chiến lược, chuẩn bị khởi nghĩa của Đảng và nghị quyết khởi nghĩa của Xứ ủy, Liên Tỉnh ủy. Cuộc khởi nghĩa không giành được thắng lợi quyết định trong toàn tỉnh là do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan. Riêng ở làng Hòa Tú lực lượng cách mạng đã giành thắng lợi theo kế hoạch, mặc dù không tránh khỏi tổn thất. Cuộc khởi nghĩa đã thể hiện truyền thống đoàn kết chặt chẽ của các tầng lớp nhân dân, ý thức tự lực, tự cường nổi dậy khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, để lại cho lịch sử tỉnh Sóc Trăng niềm tự hào về truyền thống yêu nước, chí căm thù giặc sâu sắc của ông cha góp phần cổ vũ toàn thể nhân dân, tiếp tục chiến đấu quét sạch bọn cướp nước và bè lũ tay sai, giành độc lập, tự do cho dân tộc.

3. Tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền (1941 – 8 -1945)

Sau khi đầu hàng phát xít Đức, Chính phủ Pháp cố giữ các thuộc địa. Bọn cầm quyền ở Đông Dương, nhất là ở Việt Nam vừa đàn áp phong trào cách mạng vừa ban bố "chính sách dân tộc" để xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân, vừa đối phó với phát xít Nhật đang cố nhảy vào nắm quyền làm chủ Đông Dương.

Ở Nam Kỳ, chính quyền thực dân Pháp tổ chức các hoạt động "chấn hưng văn hóa dân tộc", tổ chức phong trào thanh niên Đuyacôroa (Ducoroy) với chiêu bài "khỏe để phụng sự". Các hoạt động thể thao được đẩy mạnh để lôi kéo thanh niên, làm cho thanh niên xa rời cách mạng, quên nỗi nhục mất nước. Chúng còn khôi phục nghệ thuật Khmer, kích động mâu thuẫn giữa người Kinh, người Khmer, người Hoa. Để ngăn cản thanh niên hướng về Việt Minh hoặc theo phát xít Nhật, chúng thành lập nhiều tổ chức "Hội thanh niên công giáo", "Hội thanh niên sinh viên công giáo",... đồng thời dùng nhiều thủ đoạn đầu độc thanh niên. Các tổ chức thân Nhật đã xuất hiện rất nhiều. Chúng tăng đủ thứ thuế, độc quyền ngành muối, đánh cá…

Trước tình hình trên, ngày 29-1-1941, Liên Tỉnh ủy Hậu Giang[1] tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, đồng thời chấn chỉnh lại tổ chức cơ sở đảng. Hội nghị đề ra chủ trương tích cực chuẩn bị mọi mặt, xây dựng thực lực cách mạng, tổ chức các lực lượng quần chúng để khi có thời cơ nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Hội nghị quyết định tổ chức hệ thống công tác địch vận, hệ thống giao liên, thành lập ban kinh tế và cơ sở sản xuất vũ khí, xây dựng căn cứ địa Liên Tỉnh ủy ở Rạch Giá và Cà Mau. Hội nghị bầu Liên Tỉnh ủy mới, đồng chí Phan Văn Bảy được cử làm Bí thư, đồng chí Ngô Tám làm Phó Bí thư, ủy viên phụ trách tỉnh Sóc Trăng là đồng chí Lưu Kim Phong (Bảy Quới).

Đầu tháng 2-1941, Hội nghị đại biểu Xứ ủy được triệu tập, quyết định thành lập đội du kích, sản xuất vũ khí, tiếp tục nhiệm vụ chống xâm lược Nhật - Pháp, giành chính quyền về tay nhân dân. Hội nghị đã bầu lại Xứ ủy do đồng chí Phan Văn Khỏe làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Bảy làm Phó Bí thư.

Ở Sóc Trăng, sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, nhiều chi bộ bị khủng bố, tổn thất nặng nề. Công việc khôi phục các cơ sở đảng đang được tiến hành khẩn trương thì lại phải đương đầu với một khó khăn mới: tháng 4-1941, do gián điệp chui vào hàng ngũ cách mạng, các đồng chí trong Liên Tỉnh ủy bị địch bắt, nơi sản xuất, cất giữ vũ khí đều bị lộ. Mười đồng chí trong Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy bị địch bắt và tử hình, nhiều đồng chí khác bị tù chung thân. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn sau lần tổn thất của cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ ở các tỉnh miền Tây.

- Sóc Trăng chuẩn bị tổng khởi nghĩa

Trong khi đó, ở miền Tây Nam Kỳ, để khống chế phong trào cách mạng, phát xít Nhật xây dựng sân bay tại Sóc Trăng, cất thêm 10 lẫm lúa trên đường Sóc Trăng ra Sung Đinh để thu vét lúa gạo của nông dân.

Từ những năm 1942 - 1944, cuộc chiến tranh thế giới biến chuyển theo chiều hướng ngày càng có lợi cho phe đồng minh. Ở Thái Bình Dương, Nhật Bản bị phản công và thất bại liên tiếp. Tình hình đó đã ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng của Việt Nam.

Năm 1942, đồng chí Dương Kỳ Hiệp ra tù đã khôi phục Chi bộ Trường Khánh và phát triển thêm đảng viên mới. Năm 1943, đồng chí xây dựng được cơ sở ở tỉnh lỵ tại ngã tư Cột Lồng Đèn, làm điểm liên lạc với đảng viên và quần chúng yêu nước trong tỉnh.

Tại tỉnh lỵ và các quận, qua khủng bố của địch, một số đồng chí chuyển địa bàn hoạt động nay cũng trở lại bám dân khôi phục tổ chức, phát triển phong trào cách mạng. Năm 1943, đồng chí Dung Văn Phúc, Ủy viên Liên Tỉnh ủy đến Sóc Trăng gặp các đồng chí Phan Văn Hoành, Phan Văn Tấn và một số đồng chí khác để nắm tình hình về tổ chức đảng, chuẩn bị tiến tới thành lập lại Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng.

1. Liên Tỉnh ủy Cần Thơ được đổi tên gọi là Liên Tỉnh ủy Hậu Giang và gồm các tỉnh: Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Long Xuyên, Châu Đốc, Sa Đéc, Rạch Giá, Hà Tiên.

Năm 1944, đồng chí Nguyễn Văn Tây, Ủy viên Xứ ủy Nam Kỳ đến Sóc Trăng gặp đồng chí Dương Kỳ Hiệp trao đổi và thống nhất kế hoạch xây dựng cơ sở của Đảng tại tỉnh lỵ Sóc Trăng để hoạt động. Đến cuối năm 1944, dưới hình thức hoạt động hợp pháp, đồng chí Dương Kỳ Hiệp đã mở "Quán cơm Thanh niên" tại phố Đại Ngãi, làm địa điểm liên lạc của Đảng tại tỉnh lỵ và cũng là nơi tập hợp giác ngộ quần chúng, là cơ sở tạo nguồn kinh phí hoạt động cách mạng.

Với tài liệu Việt Minh nhận được từ Cần Thơ, đồng chí Dương Kỳ Hiệp đã thành lập các đoàn thể Cứu quốc ở Sóc Trăng. Ở các quận Châu Thành, Kế Sách, Long Phú, Phú Lộc, cơ sở đảng dần dần được khôi phục và có thêm đảng viên mới. Tháng 3-1945, tại nhà đồng chí Phan Văn Hoành, bên cạnh rạp hát Thiên Tứ Lộc, một cuộc họp đã được tổ chức, có đại diện Liên Tỉnh ủy Hậu Giang đến dự, chỉ định Ban Chấp hành Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng lần III gồm 5 đồng chí, do đồng chí Dương Kỳ Hiệp làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Tấn làm Phó Bí thư, các đồng chí: Phan Văn Hoành, Nguyễn Trung Tỉnh, Lê Văn Lợi là Tỉnh ủy viên.

- Nhật lật đổ Pháp ở Sóc Trăng

Ngày 11-3-1945, Đài Phát thanh Sài Gòn đưa tin: "Chính phủ Nhật Bản tuyên bố kể từ nay toàn cõi Đông Dương được độc lập, dưới quyền bảo hộ của nước Đại Nhật". Thực dân Pháp ở Sóc Trăng chở toàn bộ xăng dầu, alcool (rượu cồn), sắt thép ở Vọng Thoàng đem giấu chỗ khác, đồng thời trưng dụng các phương tiện vận tải và cướp lấy rượu, thuốc lá, đường sữa, đồ hộp ở các tiệm buôn tìm đường chạy trốn. Đêm 12-3-1945, tên chủ tỉnh Bạcten (Bartel) lấy hết tiền bạc trong ngân khố của tỉnh, bí mật trốn khỏi Sóc Trăng.

Sáng 14-3-1945, quân Nhật tiến hành cuộc đảo chính Pháp ở Sóc Trăng, chiếm các công sở, bắt giam những người Pháp chưa kịp chạy trốn và truy kích những người Pháp trên đường chạy xuống Bạc Liêu.

Sau cuộc đảo chính, phát xít Nhật vẫn giữ nguyên bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở cấp tỉnh, quận làm công cụ tay sai cho chúng, tô lên một lớp sơn độc lập giả hiệu. Võ Văn Đảnh trước đây cộng tác với thực dân Pháp nay được phát xít Nhật cử làm Tỉnh trưởng Sóc Trăng.

Trong lúc tình hình diễn biến phức tạp, các tổ chức thân Pháp, thân Nhật ráo riết hoạt động như phong trào thanh niên Đuyacôroa (Ducoroy) do thực dân Pháp thành lập trước đây, nay phát xít Nhật tiếp tục lôi kéo củng cố và phát triển. Nhóm Nguyễn Bảo Toàn (thân Nhật) từ Sài Gòn đến diễn thuyết về thuyết "Đại Đông Á", kích động tinh thần bài Pháp như: "Người da vàng cùng nhau đoàn kết đuổi người da trắng. Nhật sẽ ủng hộ Việt Nam độc lập…". Địch đã tổ chức Việt Nam quốc gia độc lập đảng. Phong trào nghĩa sĩ Đảng của Huỳnh Khai và Lý Tài ở Cần Thơ xuống Sóc Trăng hoạt động, dựa vào người Nhật, tổ chức cướp giật tài sản của nhân dân, gây rối loạn trật tự... Những hoạt động này làm cho tình hình chính trị ở Sóc Trăng càng thêm phức tạp.

Tuy nhiên, một số công chức trong bộ máy chính quyền thực dân Pháp trước đây có ý thức yêu nước đã tập hợp thanh niên yêu nước, thành lập Đội Thanh niên bảo an. Ngày 17-3-1945, Đội Thanh niên bảo an tổ chức míttinh, tuyên bố: đội là lực lượng bảo vệ an ninh trật tự của tỉnh lỵ, kiên quyết đấu tranh bãi bỏ những tên tay sai thân Pháp, giương cao khẩu hiệu độc lập. Trước tình hình trên, Tỉnh ủy Sóc Trăng đã giải thích sự thật chính sách lừa bịp, mị dân của phát xít Nhật, đồng thời hướng dẫn cho thanh niên đi theo đường lối của Đảng. Nhờ đó Đội Thanh niên bảo an đã tham gia nhiều phong trào như: bắt trộm cướp, vận động đời sống mới, đấu tranh bài trừ mê tín dị đoan, tẩy chay rượu chè, cờ bạc.

Sáng ngày 25-3-1945, được sự đồng ý của Tỉnh ủy, Đội Thanh niên bảo an tổ chức míttinh lớn với hàng chục nghìn người tham dự, tại quảng trường Hai hình và diễu hành qua các đường phố của thị xã, hô vang khẩu hiệu "Đả đảo thực dân Pháp", "Việt Nam độc lập muôn năm". Sau đó, tượng Hai hình đã bị anh em kéo cho đổ xuống. Trước khí thế sôi nổi và hoạt động tích cực của Đội Thanh niên bảo an, phát xít Nhật lo sợ, lập tức đàn áp và giải tán Đội. Đội phải tránh mặt để tiếp tục tồn tại.

Sau khi phát xít Nhật đảo chính Pháp, một số đảng viên cộng sản vượt tù trở về, liên lạc với các đồng chí ở Sài Gòn và các tỉnh miền Tây. Các đồng chí Trần Văn Giàu, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Tây,... khẩn trương triệu tập hội nghị thành lập Xứ ủy, đề ra chủ trương nhanh chóng khôi phục và xây dựng lực lượng cách mạng để kịp thời cùng cả nước đón thời cơ giành chính quyền.

Thực hiện nghị quyết của Xứ ủy, tháng 4-1945, Liên Tỉnh ủy miền Tây được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Tây làm Bí thư. Liên Tỉnh ủy chủ trương các tỉnh phải nhanh chóng thành lập Tỉnh ủy, gấp rút xây dựng lực lượng vững mạnh từ thành thị đến nông thôn, đưa phong trào cách mạng của miền Tây tiến lên để cùng cả nước chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Đồng chí Dương Kỳ Hiệp, Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng được bầu làm Ủy viên Liên Tỉnh ủy miền Tây.

Tại tỉnh lỵ Sóc Trăng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, công tác vận động và tổ chức quần chúng phát triển mạnh, lực lượng công nhân của các nghiệp đoàn được khôi phục, các đoàn thể Cứu Quốc như Hội Phụ nữ Cứu Quốc, Nông dân Cứu Quốc ở các quận được thành lập thu hút đông đảo bà con tham gia. Ngoài ra, Sóc Trăng còn có những tổ chức bán công khai như Liên đoàn Công chức, Liên đoàn Công nhân thợ máy.

- Tổ chức Thanh niên Tiền Phong tại Sóc Trăng

Tháng 5-1945, tổ chức Thanh niên Tiền Phong Nam Kỳ do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm thủ lĩnh ra mắt tại Sài Gòn. Xứ ủy chỉ thị cho các Đảng bộ ở các địa phương chọn người tốt, có cảm tình với Đảng làm thủ lĩnh Thanh niên Tiền Phong, đưa hội viên và đoàn viên các đoàn thể Cứu Quốc vào làm nòng

cốt cho các tổ chức Thanh niên Tiền Phong ở các cơ sở.

Ở Sóc Trăng, tháng 6-1945, Thanh niên Tiền Phong tỉnh cũng được thành lập do anh Dương Văn Đen, người của tổ chức Thanh niên Dân chủ Nam Bộ làm thủ lĩnh. Đảng bộ Sóc Trăng coi Thanh niên Tiền Phong là lực lượng công khai hợp pháp của Đảng. Mặc dù Sóc Trăng không đưa được người mình dự kiến làm thủ lĩnh Thanh niên Tiền Phong cấp tỉnh, nhưng ta đã đưa nhiều cán bộ, đảng viên hoạt động trong tổ chức này, bố trí người của ta làm thủ lĩnh Thanh niên Tiền Phong ở các địa phương.

Được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, phong trào Thanh niên Tiền Phong phát triển mạnh mẽ, thu hút các tầng lớp, các giới: tiểu tư sản, trí thức, học sinh, sư sãi Khmer, linh mục Thiên Chúa giáo cùng đông đảo tín đồ hăng hái tham gia. Thanh niên Tiền Phong tham gia tuần tra canh gác, bảo vệ an ninh trật tự cho khu phố, xóm, làng, kiểm soát đường giao thông, luyện tập quân sự, mở các lớp bình dân học vụ dạy cho mọi lứa tuổi, tổ chức nhiều buổi văn nghệ, vận động phong trào y tế vệ sinh, chống mê tín dị đoan.

Những hoạt động sôi nổi của Thanh niên Tiền Phong cùng các hoạt động sâu rộng của các đoàn thể Cứu Quốc đã tạo điều kiện cho Đảng bộ xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng trong quần chúng, trong lực lượng bảo an, cảnh sát, nhân viên các công sở của chính quyền địch. Tỉnh ủy còn tập trung củng cố, xây dựng lại cơ sở đảng ở các quận trước đây bị địch khủng bố tan vỡ hoặc tạm thời lắng xuống. Nhờ đó, đa số các chi bộ đã được khôi phục và hoạt động mạnh mẽ. Toàn Đảng bộ có 6 chi bộ với tổng số 28 đảng viên. Các chi bộ tích cực vận động, tổ chức quần chúng rèn vũ khí, luyện tập quân sự, chuẩn bị sẵn sàng khởi nghĩa khi có lệnh.

Sang tháng 6-1945, truyền đơn của cách mạng đã bắt đầu xuất hiện trên đường phố tại tỉnh lỵ và chợ Khánh Hưng. Lực lượng vũ trang dưới sự chỉ huy của Lưu Khánh Đức, Nguyễn Thảo Hiền cũng đã tích cực luyện tập quân sự, đồng thời tuần tra canh gác những khu vực trọng yếu và làm công tác địch vận trong lực lượng cảnh sát, hiến binh, tranh thủ số người tiến bộ.

- Sóc Trăng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Sáng 18-8-1945, truyền đơn của Mặt trận Việt Minh đã xuất hiện ở các nơi tại Sóc Trăng. Ngày 20-8-1945, Tỉnh ủy tổ chức cuộc họp tại "Quán cơm Thanh niên", đề ra nhiệm vụ trước mắt của Đảng bộ Sóc Trăng: đưa đại bộ phận quần chúng công nông vào các tổ chức cách mạng theo từng giới, giai cấp, từng ngành, tạo ý thức cho công nhân (nòng cốt là công nhân Cứu Quốc) và viên chức chuẩn bị tiếp thu bảo vệ các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội khi giành được chính quyền, tích cực vận động gia đình binh sĩ ở các trại lính tập, lính mã tà đi theo cách mạng, mua súng đạn của lính Pháp và lính Nhật trang bị cho lực lượng cách mạng.

Ngày 22-8-1945, Thanh niên Tiền Phong tổ chức biểu tình tuần hành. Đêm 23-8-1945, ngay khi họp Xứ ủy về, đồng chí Dương Kỳ Hiệp đã triệu tập cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng phổ biến các văn kiện của Trung ương, quy định về nguyên tắc tổ chức chính quyền mới.

Ngày 24-8-1945, được Tỉnh ủy nhất trí, các cán bộ Thanh niên Cứu Quốc, Thanh niên Tiền Phong cùng nhiều cốt cán thống nhất tổ chức cuộc míttinh lớn ở sân vận động tỉnh để lực lượng Thanh niên Tiền Phong tuyên thệ sẵn sàng chiến đấu vì Tổ quốc. Chiều 24-8-1945, Tỉnh ủy lâm thời họp tại "Quán cơm Thanh niên" để thành lập Ủy ban Giải phóng dân tộc tỉnh và đề cử Ủy ban Hành chính lâm thời của tỉnh.

Tối 24-8-1945, Tỉnh ủy bố trí các ông Nguyễn Văn Nghĩa, Thanh tra giáo dục tỉnh, Vương Hồng Sển, Thư ký (commis) Tòa bố là những người có cảm tình với cách mạng, đang giữ những trọng trách ở chính quyền địch, có uy tín với tỉnh trưởng, cùng với ông Dương Văn Đen, thủ lĩnh Thanh niên Tiền Phong đến gặp Tỉnh trưởng Võ Văn Đảnh. Trước xu thế phát triển của phong trào cách mạng, cùng với việc vừa thuyết phục, vừa tác động của các ông, tên Đảnh buộc phải chấp nhận giao chính quyền cho cách mạng.

Sáng sớm 25-8-1945, quần chúng ở các làng ven tỉnh lỵ Sóc Trăng gồm các giới, các dân tộc và tôn giáo hàng ngũ chỉnh tề, giương cao cờ đỏ sao vàng và biểu ngữ rầm rập tiến vào tỉnh lỵ. Đoàn người vừa đi vừa hô vang các khẩu hiệu "Việt Nam độc lập muôn năm", "Chính quyền về tay nhân dân" và tiến về quảng trường "Hai hình" cùng với lực lượng quần chúng tỉnh lỵ lên đến hàng chục nghìn người tiến hành cuộc míttinh. Cuộc míttinh đã diễn ra theo đúng kế hoạch của Ủy ban khởi nghĩa.

Trên khán đài, Tỉnh trưởng Võ Văn Đảnh tuyên bố giao chính quyền cho Việt Minh và xin được tha tội. Đồng chí Dương Kỳ Hiệp thay mặt Ủy ban Giải phóng Dân tộc tỉnh Sóc Trăng thông báo cuộc tổng khởi nghĩa đã thành công trong cả nước. Chính quyền cách mạng được thành lập ở khắp ba miền Bắc - Trung - Nam. Đồng chí Dương Kỳ Hiệp tuyên bố: "Kể từ ngày 25-8-1945, bãi bỏ chính quyền thực dân, phong kiến từ cấp tỉnh, quận đến tổng, làng. Bãi bỏ mọi chính sách của chính quyền Pháp, Nhật". Tiếp theo, đồng chí công bố danh sách Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký Ủy ban hành chính tỉnh do Mặt trận Việt Minh đề cử.

Sau đó, quần chúng xếp thành hàng nối tiếp nhau đi diễu hành qua những đường phố chính, vừa đi vừa hô vang các khẩu hiệu. Đoàn người kéo qua "Cầu Bon" theo đường Đại Ngãi (nay là đường Hai Bà Trưng) đến phía sông cầu Quay (kênh Maspéro), qua khu chợ Khánh Hưng rồi trở về khu vực hành chính. Lực lượng diễu hành ngày càng đông. Từng bộ phận của đoàn diễu hành được hướng dẫn tiếp thu từng cơ quan, bắt đầu là Tòa án rồi đến Tòa bố (tức Tòa hành chính), Bốt cảnh sát, Khám lớn, Trại hiến binh, Trại lính tập, các cơ quan bách phần

(Trước bạ), Kho bạc, Trị thủy (thủy lợi), Giáo dục, Bưu điện, Công chánh (Giao thông), Quan thuế (Đoan)... sau cùng là cơ quan Bảo an (tức Sở Mật thám). Tại đây, bọn chỉ huy và nhân viên đã bỏ trốn, để lại hồ sơ, giấy tờ và một vài khẩu súng ngắn.

Dưới sự lãnh đạo thống nhất của Tỉnh ủy, các quận, các làng đồng loạt phối hợp tiến hành khởi nghĩa, chỉ trong 2 ngày 25 – 26-8-1945, chính quyền các cấp trong tỉnh Sóc Trăng đã hoàn toàn về tay nhân dân.

Cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng Tháng Tám của nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã giành thắng lợi rực rỡ.

Ngày 28-8-1945, Ủy ban hành chính tỉnh tổ chức cuộc họp tại sân Trường Tiểu học Nam để ra mắt Ủy ban hành chính tỉnh. Cuộc họp có đồng chí Nguyễn Văn Tây, đại diện Ủy ban hành chính Nam Bộ và đại diện các tổ chức, đoàn thể quần chúng cấp tỉnh, Ủy ban hành chính các quận tham dự. Sau khi được cấp trên công nhận Ủy ban hành chính tỉnh, đồng chí Dương Kỳ Hiệp, Chủ tịch Ủy ban hành chính, thay mặt Ủy ban đọc diễn văn, công bố danh sách Ủy ban, đồng thời nêu lên chương trình hoạt động của Ủy ban theo chính sách của Mặt trận Việt Minh, bao gồm nội dung: tịch thu tài sản của thực dân Pháp và bọn tay sai sung vào công quỹ; trả tự do cho tù chính trị, phóng thích những người bị Pháp - Nhật bắt giữ, xây dựng chính quyền nhân dân các cấp vững mạnh, củng cố các đoàn thể cách mạng Công - Nông - Thanh - Phụ; xây dựng lực lượng công an, lực lượng vũ trang bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền dân chủ nhân dân; cải tạo và trấn áp bọn phản động; xây dựng đời sống mới, bài trừ mê tín dị đoan, cờ bạc,... phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

4. Sóc Trăng sau ngày giành độc lập

Ở Sóc Trăng, do hậu quả của chế độ thực dân, nên sau khi giành được chính quyền, nhân dân lao động phải sống trong cảnh thiếu thốn, đói rách, bệnh tật, ruộng đất bị bỏ hoang, nông dân bỏ làng kéo ra tỉnh lỵ làm đủ mọi việc để kiếm sống, có khoảng 90% nhân dân lao động trong tỉnh mù chữ.

Để khắc phục hậu quả trên, Đảng bộ và chính quyền tỉnh phát động phong trào chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm. Nông dân được giúp đỡ gia tăng sản xuất, tá điền tiếp tục được canh tác trên ruộng đất đang làm mà không phải đóng tô. Toàn bộ tài sản của đồn điền Gressier gồm các nhà máy xay xát, xưởng sửa chữa máy nông nghiệp, các kho chứa lúa, gạo, tấm, muối và nhiều loại hàng hóa khác… bị tịch thu để trợ cấp cho dân nghèo, giải quyết gạo ăn, lúa giống, chính quyền cách mạng tổ chức sản xuất alcool ở đồn điền Gressier để làm nhiên liệu cung cấp cho miền Tây và trong tỉnh.

Hưởng ứng tuần lễ vàng (17 – 24-9-1945), Sóc Trăng đã đóng góp được 5kg vàng trong tổng số 370kg quyên góp được trên cả nước. Ngoài ra, chính quyền địa phương còn phát động "Tuần lễ đồng, chì, thau" để thu gom các đồ dùng trong gia đình bằng các kim loại trên cung cấp cho các

công binh xưởng sản xuất vũ khí, đạn dược"[1]. Các công binh xưởng được thành lập ngay tại tỉnh, đầu tiên ở chùa Minh Sư, rồi miếu Ông Chước, miếu Thợ Bạc và ở Châu Khánh, Long Phú[2]. Các công binh xưởng này bắt đầu từ tháng 11-1945 được chuyển về Bố Thảo được trang bị máy tiện, máy phay, máy khoan và các loại máy khác tịch thu được từ các đồn điền của thực dân Pháp. Với đội ngũ công nhân giỏi được tuyển từ các xưởng máy trong vùng, tỉnh đã sản xuất được lựu đạn, sửa được súng…đáp ứng nhu cầu vũ khí của bước đầu kháng chiến chống thực dân Pháp[3].

Phong trào xóa nạn mù chữ cũng được phát động rộng rãi trong tỉnh với các lớp bình dân học vụ được mở hầu như khắp nơi trong vùng tự do, huy động đông đảo học sinh trình độ lớp Ba, lớp Nhì, linh mục, sư sãi… tham gia dạy chữ cho những người chưa biết chữ.

Sóc Trăng được Xứ ủy Nam Bộ giao tổ chức đón rước các chiến sĩ cách mạng bị giam ở Côn Đảo trở về đất liền. Tỉnh đã huy động được một đoàn tàu gồm 29 chiếc, một phần là tàu tư nhân chạy tuyến Sóc Trăng - Nam Vang, một phần là tàu mượn của các quận Long Phú, Vĩnh Châu của tỉnh Trà Vinh, Gò Công và tàu Phú Quốc của Ủy ban nhân dân Nam Bộ. Ngày 23-9-1945, đoàn tàu chở hơn 1.800 tù nhân từ Côn Đảo cập bến Đại Ngãi. Trong số các tù nhân này, có các đồng chí Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Lê Văn Lương… Cũng vào ngày này, một chiếc canô chở các đồng chí Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Phan Trọng Tuệ… cập bến Mỹ Thanh, thuộc quận Vĩnh Châu.

III. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP TRỞ LẠI XÂM LƯỢC (9-1945 – 7-1954)

Thực dân Pháp không dễ dàng để mất Việt Nam. Ngày 2-9-1945, trong lúc nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn, cùng với nhân dân cả nước míttinh mừng ngày độc lập thì thực dân Pháp đã nổ súng khiêu khích làm nhiều người chết và bị thương. Đêm 22 rạng 23-9, quân Pháp được Anh trang bị vũ khí tấn công một loạt các mục tiêu quan trọng tại Sài Gòn. Tiếp đó, sau khi được tăng viện, từ ngày 22-10, quân Pháp đã lần lượt chiếm lại các tỉnh miền Đông và miền Tây Nam Bộ. Sáng 23-9-1945, Xứ ủy Nam Bộ họp khẩn cấp để nhận định tình hình và quyết định kiên quyết kháng chiến; đồng thời điện xin ý kiến Trung ương. Ngày 26-9, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào Nam Bộ, nói rõ cuộc kháng chiến ở Nam Bộ được Chính phủ và đồng bào cả nước ủng hộ.

Ngày 30-10-1945, sau khi phá vỡ vòng vây Sài Gòn, quân Pháp chiếm tỉnh Cần Thơ để làm bàn đạp chiếm lại các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Tỉnh Sóc Trăng, một mặt hợp lực với Cần Thơ chống thực dân Pháp, một mặt chuẩn bị

1, 3. Xem: Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (1930 - 1954)*, 2002, t. I, tr. 97.

2. Ibid và A. Touzet: *L'économie indochinoise et la grande crise universelle* (Nền kinh tế Đông Dương và cuộc đại khủng hoảng thế giới), Paris, 1934, tr. 98, chú thích 2, tr. 102 - 103.

chống trả quân Pháp tấn công vào tỉnh. Tháng 11-1945, Sóc Trăng thành lập Ủy ban kháng chiến từ tỉnh đến quận, làng; lực lượng vũ trang được trang bị 50 khẩu súng với gươm, dao găm, mã tấu, lựu đạn. Cũng vào thời điểm này, các tổ chức đảng rút vào hoạt động bí mật, chuẩn bị đối phó với việc thực dân Pháp tái chiếm Sóc Trăng, bằng chiến thuật "tiêu thổ kháng chiến": chuyển gạo từ các nhà máy xay xát tại tỉnh lỵ về vùng nông thôn, vận động nhân dân bất hợp pháp với địch, đốn cây, đắp ụ, phá đường để ngăn chặn bước tiến của địch, chuẩn bị đốt nhà lồng chợ, nhà việc Khánh Hưng, các trụ sở cơ quan, nhân dân tản cư khỏi tỉnh lỵ, ngưng buôn bán, thành lập các vùng căn cứ Bố Thảo, Xẻo Gừa và Mỹ Phước, thiết lập các mặt trận chủ yếu ở Đại Ngãi, Văn Cơ, cầu Saintard, Bố Thảo, Nhu Gia.

Mặc dù cuối năm 1945, ta khẩn trương tập trung chuẩn bị kháng chiến nhưng để thực hiện quyền làm chủ đất nước của nhân dân lao động và khẳng định sự tồn tại, phát triển của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 23-12-1945 Sóc Trăng tiến hành tổ chức tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước. Kết quả, cử tri đi bầu đạt khoảng 90% tổng số cử tri trong toàn tỉnh. Như vậy, tỉnh Sóc Trăng có 3 đại biểu Quốc hội là ông Phan Văn Chiêu, ông Dương Kỳ Hiệp, ông Lê Thành Phiên. Kết quả trên là một thắng lợi lớn về tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí của nhân dân, là niềm cổ vũ, động viên nhân dân nỗ lực chuẩn bị kháng chiến bảo vệ quê hương, đất nước.

Ngày 3-1-1946, Tỉnh ủy Sóc Trăng phát lệnh thực hiện "tiêu thổ kháng chiến" thì ngày 4-1-1946, quân Pháp từ Cần Thơ tiến đánh Sóc Trăng bằng hai ngả: ngả thứ nhất đổ bộ lên cảng Đại Ngãi tiến theo kênh Saintard, ngả thứ hai từ Phụng Hiệp theo lộ Đông Dương (nay là quốc lộ 1A) tiến vào tỉnh lỵ Sóc Trăng. Quân và dân Sóc Trăng chống trả quyết liệt, nhưng vì cuộc chiến diễn ra không cân sức, cuối cùng, tối 4-1-1946, thực dân Pháp đã chiếm được tỉnh lỵ Sóc Trăng và các ngày sau đó, đánh chiếm các vùng lân cận. Mặc dù không được trang bị vũ khí một cách đầy đủ và tối tân bằng địch, nhưng nhân dân Sóc Trăng và lực lượng vũ trang của cách mạng cũng đã chống cự một cách quyết liệt, xứng đáng được cùng với nhân dân Nam Bộ được nhận danh hiệu vẻ vang "Thành đồng Tổ quốc" do Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng.

Trước tình hình khó khăn của cả nước nói chung và Nam Bộ nói riêng, ngày 6-3-1946, Chính phủ Việt Nam đã ký với Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ, theo đó, Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước tự do, có Chính phủ, có nghị viện, có quân đội, có tài chính riêng, ở trong Liên bang Đông Dương và trong khối Liên hiệp Pháp, đồng thời cũng thừa nhận việc quyết định của cuộc trưng cầu dân ý về vấn đề thống nhất ba miền. Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thỏa thuận cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc Việt Nam, thay thế 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch rút về nước. Hai bên thỏa thuận ngừng bắn để mở đàm phán chính thức. Nhưng thực dân Pháp

không tuân thủ Hiệp định đã ký kết. Tại Nam Bộ, thực dân Pháp tiếp tục đẩy mạnh các cuộc hành quân lấn chiếm, thi hành chính sách bình định và lập ra chính phủ bù nhìn "Nam Kỳ tự trị" do Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng.

Giữa tháng 4-1946, hầu hết lực lượng kháng chiến đã trở về Sóc Trăng, bám địa bàn, xây dựng lại cơ sở để cùng với nhân dân và lực lượng vũ trang tấn công địch tại nhiều nơi trong tỉnh, không cho địch lấn đất giành dân. Ngày 25-6-1946, bộ đội Sóc Trăng được biểu dương và được mang tên Hồ Chí Minh.

Cuộc chiến đấu của dân, quân Nam Bộ chống thực dân Pháp ngày càng trở nên quyết liệt. Để hạn chế sự đổ máu, ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước gồm một số khoản tạm thời về kinh tế, văn hóa và đình chỉ chiến sự ở miền Nam. Bản Tạm ước tuy đã được ký kết, nhưng chiến sự vẫn cứ tiếp diễn: thực dân Pháp đã chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, rồi thủ đô Hà Nội vào giữa tháng 12-1946. Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Sang năm 1947, thực dân Pháp phải rút dần lực lượng lính Âu - Phi ở chiến trường Nam Bộ để tập trung cho chiến trường Bắc Bộ, cứu nguy đồng bọn đang bị quân ta vây hãm trong các thành phố lớn. Đồng thời, chúng mở những cuộc hành quân đánh lên Việt Bắc hòng tiêu diệt cơ quan đầu não và quân chủ lực của ta.

Ở Sóc Trăng, để thay thế cho lực lượng lính viễn chinh, chúng tăng cường bắt lính đôn quân, dựng lên nhiều đồn bốt, trang bị vũ khí cho các phum, sóc Khmer ở các quận Châu Thành, Thạnh Trị, Long Phú, Vĩnh Châu (địch gọi những phum, sóc ở đây là vùng bất khả xâm phạm). Về chính trị, thực dân Pháp thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc, lương giáo, kích động những phần tử phản động người Khmer chống phá cách mạng. Chúng dùng mọi thủ đoạn thâm độc tuyên truyền lừa mị với danh nghĩa "chống Việt Minh để bảo vệ Đạo" nắm tín đồ, lôi kéo một số chức sắc phản động lợi dụng tôn giáo chống phá cách mạng, gây không ít khó khăn cho phong trào cách mạng địa phương.

Được sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy Sóc Trăng đã chủ trương đẩy mạnh tiến công địch cả về quân sự, chính trị, phát triển chiến tranh nhân dân ở nông thôn và thành thị, đặc biệt là những vùng xung yếu, đập tan âm mưu, thủ đoạn mới của địch, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và phát triển lực lượng của ta trên mọi mặt. Đồng thời, nâng cao vai trò Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, tập hợp các giai cấp, các tầng lớp nhân dân không phân biệt tôn giáo, dân tộc, đoàn kết xung quanh Mặt trận, tạo thành sức mạnh toàn dân kháng chiến. Trên lĩnh vực quân sự, tiếp tục củng cố, phát triển phong trào du kích chiến tranh, xây dựng lực lượng quân sự tập trung đủ sức chiến đấu trên các địa bàn của tỉnh.

Với tinh thần sẵn sàng tấn công địch, ngày 1-1-1947, Đại đội Hồ Chí Minh phối hợp với du kích quận Châu

Thành, phục kích đánh xe địch trên lộ Đông Dương (nay là quốc lộ 1A) tại Ba Rinh, làng Đại Hải, tiêu diệt 11 tên (có 1 tên chỉ huy người Pháp), thu 2 khẩu súng. Cũng trong tháng 1-1947, địch tập trung quân mở trận càn vào quận Châu Thành trên tuyến kênh xáng Tân Lập - Búng Tàu. Quân địch bị một đơn vị do đồng chí Huỳnh Hữu Nghĩa chỉ huy phục kích chặn đánh tiêu diệt hơn 20 tên, thu 15 khẩu súng (có 1 khẩu trung liên).

Tháng 3-1947, Tỉnh ủy Sóc Trăng triệu tập cuộc họp mở rộng tại Rạch Già, làng An Thạnh Nhất, quận Long Phú để tổng kết tình hình hoạt động trong tỉnh những tháng đầu năm, đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho những tháng còn lại của năm 1947. Trong hội nghị này, đồng chí Trần Học Hải (từ Côn Đảo về) được Khu ủy chỉ định làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời.

Thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, phong trào du kích chiến tranh dần dần được phát triển. Trong tháng 5-1947, du kích các làng Châu Hưng, Châu Thới, phối hợp với bộ đội công binh Bạc Liêu đánh một đoàn xe địch 12 chiếc trên đoạn lộ Trà Hắt - Cầu Trâu. Kết quả là hai xe bị đánh lật và nhiều tên địch bị tiêu diệt.

Tháng 6-1947, Hội nghị Tỉnh ủy họp tại làng Phú Hữu, quận Long Phú, gồm đại diện các quận, tỉnh lỵ, ban, ngành cấp tỉnh để triển khai nhiệm vụ cấp bách trước mắt: tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động, xây dựng cơ sở mới, củng cố các tổ chức đã có, từng bước xây dựng hậu phương vững mạnh, bảo đảm công cuộc kháng chiến thắng lợi. Hội nghị bầu đồng chí Phan Văn Chiêu làm Bí thư Tỉnh ủy thay đồng chí Trần Học Hải được điều động về về khu.

Từ ngày 2-8 đến ngày 7-10-1947, công an xung phong phối hợp với du kích diệt địch ở nhiều nơi. Tại đồn Văn Cơ, làng Trường Khánh, công an xung phong và du kích mật diệt một sếp Tây, thu súng. Tại tỉnh lỵ, công an xung phong và du kích mật tìm cách tiếp cận tên Lương Đình Giáp (là tay sai đế quốc) tại tiệm thuốc tây, ta nổ súng trừng trị và đặt bản án tử hình lên ngực hắn, rồi rút lui an toàn. Ngày hôm sau công an xung phong và du kích mật tiêu diệt tên Prăngxít - sếp chợ Khánh Hưng, khét tiếng gian ác, đánh phá cơ sở cách mạng, hãm hại dân lành và dán bản án tử hình trên ngực hắn.

Với những thắng lợi bước đầu của các lực lượng vũ trang đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần nhân dân ở vùng nông thôn và thành thị, tạo điều kiện đưa phong trào cách mạng phát triển. Công tác tuyên truyền vận động đông đảo quần chúng tham gia đấu tranh chống bắt lính, nhất là ở vùng ven tỉnh lỵ, xây dựng phát triển cơ sở thuận lợi hơn. Tổ chức Mặt trận, đoàn thể Cứu Quốc ngày càng được mở rộng, chất lượng hoạt động ngày càng được nâng lên và phát triển vững mạnh. Trong cuộc vận động lạc quyên ủng hộ kháng chiến năm 1947, nhân dân Sóc Trăng đã ủng hộ 1.553.359đ73... Ngoài ra, nhân dân còn đóng góp nhiều vải, thuốc trị bệnh, dụng cụ văn phòng và các vật dụng

khác, trong đó tinh thần ủng hộ kháng chiến của thương gia người Hoa được Tỉnh ủy đánh giá cao.

Ngày 21-6-1947, Ủy ban kháng chiến Nam Bộ ra Chỉ thị số 404/TV, nhằm phát động phong trào bất hợp tác với địch, nêu cao uy tín của Chính phủ cách mạng, tạo cơ hội cho công chức yêu nước tham gia kháng chiến. Sau thời gian phát động, trên 70 công chức, trí thức, nhất là giáo viên ra bưng biền tham gia kháng chiến (trong số này có người là đốc học, bác sĩ, giáo viên, nhân sĩ…) góp phần vào sự nghiệp giải phóng quê hương, đất nước.

Để tạo nguồn tài chính phục vụ cho kháng chiến lâu dài, Ủy ban kháng chiến tỉnh đã thành lập các trạm thu thuế xuất nhập thị ở Giồng Đá, kênh Saintard và rạch Lâm Kiết. Số tiền thu được, Ủy ban cho nông dân vay để làm vốn sản xuất và cung cấp lên cấp trên. Đồng thời, Ủy ban còn khuyến khích nông dân khai phá đất hoang, mở rộng diện tích trồng trọt. Trong vụ mùa năm 1947 - 1948, tổng sản lượng cây lương thực và hoa màu tăng lên đáng kể, không những bảo đảm tự túc về lương thực, thực phẩm cho bộ đội, cán bộ và nhân dân mà còn để bán hoặc dự trữ.

Ngày 12-7-1947, Ủy ban kháng chiến tỉnh quyết định thành lập Ty Thông tin Sóc Trăng do đồng chí Trần Quang Liệu làm Trưởng ty. Từ đó, công tác thông tin tuyên truyền càng phát triển, có nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú: lập phòng thông tin (dùng để dán tranh ảnh, ápphích, tin tức, báo chí, thông cáo, thông báo, các chủ trương của Ủy ban kháng chiến, Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt…), dàn Thủy Lục, cụm panô, tờ tin tức, báo, tiếng loa truyền tin cổ động và lưu động trên sông, rạch… Cũng thời gian này, các Ty Y tế, Ty Giáo dục lần lượt được thành lập.

Về bộ máy chính quyền, thực hiện theo Sắc lệnh số 91/SL của Chính phủ ký ngày 1-10-1947, Ủy ban hành chính và Ủy ban kháng chiến sáp nhập lại, gọi là Ủy ban kháng chiến hành chính để điều hành thống nhất các công việc phục vụ cho công cuộc kháng chiến.

Bị thất bại ở Việt Bắc, thực dân Pháp thấy rằng không thể thực hiện được chiến lược đánh nhanh, thắng nhanh, buộc chúng phải chuyển sang chiến lược đánh lâu dài với chính sách "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" và chuyển hướng chiến lược từ mở rộng vùng chiếm đóng sang củng cố vùng chiếm đóng, tổ chức những cuộc hành quân nhỏ đánh phá cơ sở chính trị, kinh tế của ta. Đối với Nam Bộ, thực dân Pháp coi đây là chiến trường trọng điểm, nơi dự trữ nhân, vật lực chủ yếu cho chiến tranh, nên chúng đã đẩy mạnh bình định, chiếm đóng.

Tháng 1-1948 thực dân Pháp cho Bôledô (Blaizot) sang thay Valuy (Valluy), cầm đầu quân viễn chinh Đông Dương, tăng cường quân cơ động ở Nam Bộ. Thực hiện ý đồ trên, Đờ Latua (De Latour), Tư lệnh quân Pháp ở Nam Bộ đưa ra chiến thuật hệ thống tháp canh dày đặc, hy vọng có thể giữ được những vùng đã chiếm và kiểm soát được những đường giao thông huyết mạch.

Ở Sóc Trăng, địch tăng cường khủng bố nhân dân ở các vùng, thực hiện chính sách "Tằm ăn dâu" để mở rộng khu vực hoạt động, đồng thời chúng sửa chữa các đường giao thông phục vụ chiến tranh, đưa nhiều do thám, gián điệp vào vùng tự do, đóng thêm đồn bốt, tháp canh, tăng cường bắt lính, cướp phá mùa màng của nhân dân và tuyên truyền tạo uy tín cho chính phủ bù nhìn tay sai.

Tháng 2-1948, được sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy Khu 9, Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức tại ấp Hòa Lợi, làng Xuân Hòa, quận Kế Sách. Đây là hội nghị rất quan trọng của Đảng bộ tỉnh những năm đầu kháng chiến. Hội nghị nhấn mạnh nhiệm vụ chung trong toàn tỉnh là: "Không ngừng ra sức củng cố và phát triển các tổ chức cách mạng từ tỉnh đến cơ sở, trước hết là các vùng căn cứ và vùng du kích dưới sự kiểm soát của ta. Riêng đối với các vùng bị tạm chiếm, kể cả các quận lỵ, đặc biệt là tỉnh lỵ Sóc Trăng, cần phải nỗ lực phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, xây dựng tổ chức cơ sở cách mạng ở nhiều nơi. Đặc biệt là xây dựng cơ sở đảng vững mạnh, đủ sức lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng. Đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, giữ vững và phát triển vùng tự do, chống địch đánh phá cơ sở chính trị, kinh tế của ta. Xúc tiến việc tuyên truyền vận động nông dân phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và tinh thần. Tích cực thực hiện công tác chống giặc dốt, mở những lớp bình dân học vụ, bổ túc văn hóa, cùng với nhân dân xây dựng các trường, lớp ở những nơi có điều kiện cho các em thiếu nhi đi học. Cố gắng phát động rộng rãi phong trào vệ sinh phòng bệnh đi đôi với bài trừ dịch bệnh, bước đầu mở các nhà bảo sanh, xây dựng các trạm y tế ở các quận, làng để chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh cho nhân dân. Từng bước mở rộng cuộc vận động thực hiện "Đời sống mới" ở nông thôn, bài trừ các tệ nạn xã hội như trộm cướp, cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan và mọi hủ tục lạc hậu khác...". Hội nghị bầu đồng chí Phan Văn Chiêu làm Bí thư, đồng chí Dương Kỳ Hiệp làm Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh.

Năm 1948, phong trào dân quân du kích tiếp tục đẩy mạnh hoạt động. Ở hai quận Thạnh Trị và Châu Thành, dân quân du kích liên tiếp đánh phá giao thông ngăn chặn đường hành quân của địch trên các tuyến lộ Bà Lui - Bố Thảo, Ngã Năm - Phú Lộc. Du kích làng Tân Long bao vây, bắn tỉa đồn Đầu Voi - Ngã Năm, đồn Bàu Còn. Ở quận Long Phú, dân quân du kích hoạt động mạnh, nổi nhất là du kích làng An Thạnh Nhứt. Ở tỉnh lỵ, công an xung phong phối hợp với du kích mật diệt ác, trừ gian làm cho bọn địch rất lo sợ. Trước sức tấn công liên tục của quân dân ta, quân địch ở Ngã Năm phải rút chạy. Vùng tự do của ta được mở rộng, liên hoàn giữa hai quận Châu Thành, Thạnh Trị, nhân dân phấn khởi tích cực tham gia xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh về mọi mặt.

Để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển trên mặt trận chính trị, tư tưởng, tháng

10-1948, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Tuyên huấn tỉnh, phân công đồng chí Đỗ Đình Nhẫn làm Trưởng ban và một số cán bộ phụ trách các bộ phận huấn học, thông tin, văn nghệ, tờ tin… Sau đó, ở các quận, tỉnh lỵ Ban Tuyên huấn được hình thành, trưởng ban do đồng chí Ủy viên Thường vụ hoặc Quận ủy viên phụ trách.

Tại các vùng tự do, hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động diễn ra rất sôi nổi, tờ báo "Tiếng súng kháng địch" của Quân khu 9, các bản tin của tỉnh và các quận phát hành rộng rãi. Do yêu cầu công tác tuyên truyền cần phổ biến chủ trương được sâu rộng hơn nên Tỉnh ủy cho ra tờ báo "Lửa Hồng", đây là tờ báo đầu tiên của Đảng bộ, xuất bản mỗi tháng một số. Nhiều làng, xóm tổ chức các nhóm đọc báo, tổ phát loa để phổ biến tin tức cho nhân dân. Truyền đơn, biểu ngữ in bằng chữ Việt, Khmer, Hoa được phát hành rộng rãi ở các vùng tạm chiếm, tỉnh lỵ, quận lỵ, thị tứ và các phum, sóc. Các phòng thông tin tuyên truyền được xây dựng để thường xuyên thông báo tin tức, trình bày tranh ảnh phục vụ nhân dân. Những ấp vùng ven, các phòng thông tin đơn giản cũng được dựng lên để tuyên truyền đường lối của Đảng và phục vụ cho công tác địch ngụy vận. Mặc dù hoạt động của các phòng thông tin gặp nhiều khó khăn, bị địch liên tục đốt, phá, ta phải xây dựng lại để kịp thời phục vụ công tác tuyên truyền.

Để lãnh đạo sâu sát, kịp thời phong trào cách mạng của quần chúng ở các quận, Tỉnh ủy bố trí các đồng chí Tỉnh ủy viên chỉ đạo các quận hoặc trực tiếp làm Bí thư Quận ủy. Thi hành sắc lệnh của Chính phủ, tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, hình thức bầu cử là phổ thông đầu phiếu, nhân dân có quyền lựa chọn những cán bộ có đạo đức, phẩm chất, năng lực, đủ sức đảm đương nhiệm vụ được bầu vào cơ quan quyền lực địa phương. Nhân dân phấn khởi tham gia bầu cử và trở thành ngày hội của nhân dân trong vùng tự do.

Ủy ban Mặt trận Việt Minh các cấp thường xuyên được chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức, thu hút đông đảo nhân sĩ, chức sắc các tôn giáo yêu nước tham gia, linh mục Hồ Thành Biên, linh mục Trần Quang Nghiêm tham gia Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh. Nhiều nhà trí thức trong tỉnh lỵ và một số công chức làm việc trong bộ máy ngụy quyền đã ủng hộ kháng chiến. Uy tín của Mặt trận Việt Minh trong các tầng lớp nhân dân tăng lên, góp phần củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo thêm sức mạnh tổng hợp cho kháng chiến.

Các đoàn thể Cứu Quốc và các tổ chức Cứu Quốc tiếp tục phát triển rộng khắp từ vùng tự do đến các vùng tạm chiếm. Ban vận động Cao Miên tự do của tỉnh được thành lập, ở các quận lần lượt được thành lập và hoạt động tích cực. Cuối năm 1948, Ban vận động Cao Miên tự do đổi tên là Hội ủng hộ Ixarắc (HUHI) do ông Liêu Te làm Hội trưởng. Cũng trong thời gian này, tổ chức "Hoa kiều Liên hiệp Hội" gọi tắt là "Hội Hoa liên" tỉnh Sóc Trăng được thành lập do đồng chí Trương Đức phụ trách.

Trong năm 1948, vùng tự do của ta ngày càng được mở rộng. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tiếp tục tịch thu đất của địa chủ phản động, Việt gian, đồn điền của thực dân Pháp giao cho nông dân sản xuất. Số đất địa chủ vắng mặt ta tạm quản lý, cho nông dân mượn để trồng trọt. Chính quyền, các đoàn thể hướng dẫn, động viên bà con nông dân đào kênh dẫn nước, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Kết quả năm 1948, nông dân thu hoạch được mùa, đời sống được cải thiện, nông dân càng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, gắn bó với chính quyền và các đoàn thể cách mạng.

Đi đôi với đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh chủ trương mở rộng thương nghiệp, khôi phục các chợ cũ, xây dựng thêm các chợ mới, củng cố các cửa khẩu xuất nhập thị ở các đầu mối giao thông tiếp giáp giữa vùng tự do của ta với vùng tạm chiếm của địch, tiêu biểu như: tại kênh Saintard, chợ Huỳnh Hữu Nghĩa, Giồng Đá, Lâm Kiết, Phú Hữu, Long Đức. Tỉnh đã tổ chức thu mua sản phẩm của nông dân, chủ yếu là lúa với giá cả do Ủy ban kháng chiến hành chính Nam Bộ quy định. Sau đó, thông qua tư thương người Hoa có cảm tình với cách mạng bán ra tỉnh lỵ Sóc Trăng, Bãi Xàu. Đồng thời, bằng con đường này ta mua các loại dụng cụ y tế, thuốc men, văn phòng phẩm, máy móc, hóa chất cho cơ quan và công binh xưởng, mua những mặt hàng nhu yếu phẩm cần thiết trong sinh hoạt hằng ngày như vải, dầu lửa, xà bông, bán lại cho nhân dân trong vùng tự do.

Chủ trương mở các cửa khẩu xuất nhập thị đã đáp ứng nhu cầu kháng chiến và sinh hoạt hằng ngày của nhân dân, tăng thêm nguồn tài chính cho tỉnh, đồng thời tháo gỡ khó khăn trong việc trang cấp cho bộ đội và cán bộ. Mặc dù thực dân Pháp biết chủ trương về kinh tế tài chính của ta, nhưng vẫn phải để cho các cửa khẩu hoạt động, vì mục tiêu kinh tế số một của chúng ở đồng bằng Nam Bộ là nơi thu gom nhiều lúa gạo, phục vụ cho cuộc chiến tranh xâm lược.

Nhằm biểu dương kết quả bước đầu cho nền kinh tế kháng chiến và trao đổi học tập kinh nghiệm lẫn nhau, cuối năm 1948, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh mở Hội chợ tại Rạch Giá (Long Phú) thu hút được nhiều ngành nghề ở các quận, các ngành tham gia mở nhiều gian hàng trưng bày các sản phẩm nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Hội chợ diễn ra suốt một tuần, tạo cơ hội giao lưu, trao đổi kinh nghiệm giữa nông dân với giới thương mại và tiểu thủ công nghiệp, đây cũng là niềm tự hào của nền kinh tế kháng chiến của tỉnh Sóc Trăng.

Thời gian này, hưởng ứng Lời kêu gọi của Đảng, toàn quân, dân đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, nhân dân Sóc Trăng đã ủng hộ cho kháng chiến 300.396đ70, tích cực thi đua lao động sản xuất để cung cấp lương thực cho kháng chiến ngày càng nhiều.

Cuối năm 1948, Khu ủy điều động đồng chí Dương Kỳ Hiệp về tỉnh Cần Thơ, bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh, phân

công đồng chí Phan Văn Chiêu làm Bí thư Tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Sóc Trăng.

Năm 1949, tại Sóc Trăng, địch tăng cường đóng thêm đồn bốt, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các sóc có vũ trang (76 sóc có vũ trang trên tổng số 242 sóc trong tỉnh), ngăn chặn giao thông tiếp tế giữa các vùng trong tỉnh, kể cả giữa các xã trong từng huyện, giữa tỉnh Sóc Trăng với các tỉnh miền Tây và miền Đông Nam Bộ. Chúng đã tăng cường lực lượng quân sự, liên tiếp mở các cuộc càn quét, kết hợp với phi pháo, biệt kích, đánh phá các cơ quan, kho tàng, các vùng căn cứ; thực hiện chính sách "Tam quang" phá hoại sản xuất nông nghiệp trong vùng tự do, làm thiệt hại các nguồn dự trữ của kháng chiến. Chúng còn tiến hành phong tỏa kinh tế của ta, cấm triệt để không cho chuyên chở các mặt hàng thiết yếu vào vùng tự do. Mặt khác, địch khuyến khích bọn buôn lậu mang những mặt hàng không cần thiết mà chính quyền cách mạng đã có lệnh cấm nhập vào vùng tự do.

Cuối tháng 7-1949, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức tại Ba Rẹt, xã Mỹ Tú, huyện Châu Thành để triển khai Nghị quyết của Xứ ủy. Tỉnh ủy chủ trương vừa bảo vệ vùng tự do, vừa ra sức giành dân với địch ở vùng tạm chiếm và du kích, chủ yếu là các vùng có đông đồng bào Khmer, đồng bào các tôn giáo, vùng tạm chiếm xung quanh tỉnh lỵ.

Cuối năm 1949, thực dân Pháp tiếp tục sa vào thế bị động trên khắp chiến trường Đông Dương, đồng thời cách mạng Trung Quốc đang giành được thắng lợi lớn. Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương tích cực đẩy mạnh mọi mặt hoạt động để chuyển sang tổng phản công.

Dưới sự chỉ đạo của Xứ ủy và Khu ủy, Đảng bộ Sóc Trăng tiếp tục xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang, bán vũ trang. Đến cuối năm 1949, lực lượng dân quân du kích phát triển mạnh, mỗi huyện có một trung đội, mỗi xã có một tiểu đội. Đặc biệt, Tỉnh ủy đã quan tâm chỉ đạo xây dựng quân chủ lực cung cấp cho Quân khu, đồng thời xây dựng lực lượng quân sự tập trung của tỉnh, Đại đội Hồ Chí Minh của tỉnh được điều về Quân khu chính thức thành lập Tiểu đoàn Hồ Chí Minh. Cấp tỉnh tiếp tục tổ chức công binh xưởng sản xuất lựu đạn, đạp lôi. Mỗi huyện có một tổ Rờsạt (Recharge) để nạp lại các loại đạn cung cấp cho chiến trường. Hưởng ứng phong trào dân quân du kích giết giặc lập công, các đoàn thể quần chúng, nòng cốt là thanh niên, hăng hái gia nhập các đội dân quân. Số lượng dân quân tăng lên rõ rệt, tích cực rèn luyện quân sự, tập chiến đấu theo chiến thuật du kích, chú trọng tuần tra canh gác, mọi người, mọi nhà trong tư thế sẵn sàng chiến đấu.

Trong thời gian này, đồng chí Nguyễn Văn Thơm được Quân khu tăng cường về phụ trách Tỉnh đội Sóc Trăng.

Ngoài lực lượng vũ trang của tỉnh, trên địa bàn Sóc Trăng còn có Liên Trung đoàn 122-123 sau đó là Liên Trung đoàn 123-125 của Quân khu 9 hỗ

trợ. Liên trung đoàn có nhiệm vụ đánh bại kế hoạch "mạng nhện" của địch nhằm chia cắt tỉnh Sóc Trăng thành từng mảnh nhỏ, gây trở ngại cho mọi hoạt động của ta, chặn đánh các cuộc vận chuyển của địch từ Cần Thơ đi tiếp viện Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

Lực lượng công an được củng cố và tăng cường, các đơn vị công an xung phong, quốc vệ đội phối hợp với du kích mật ở tỉnh lỵ, huyện lỵ trấn áp bọn phản cách mạng, như diệt các tên gian ác: Đức Lý, Tổng Cán, Tư Chà, sếp Cà Lâm, đốt rạp hát Thiên Tứ Lộc là nơi chứa bạc nổi tiếng của địch, làm cho địch hoang mang co lại, tạo điều kiện hỗ trợ cho các cơ sở của ta ở nội ô và vùng tạm chiếm hoạt động.

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng hậu phương làm chỗ dựa cho kháng chiến, chống địch đánh phá nguồn dự trữ của ta, ngoài việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã phát động phong trào bảo vệ mùa màng, chống địch càn quét, cướp bóc tài sản của nhân dân. Các huyện tổ chức hàn các cản mới như: Búng Tàu, Tân Lập, Mỹ Phước (huyện Châu Thành), Cót Xanen, Chàng Ré (huyện Thạnh Trị), Cái Trâm (huyện Kế Sách), Bến Bạ (huyện Long Phú), các cản cũ được bồi đắp và củng cố lại để ngăn cản kế hoạch của quân địch.

Ở vùng tự do, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tạo điều kiện cho nông dân đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đồng thời mở mang các nghề tiểu thủ công như: dệt chiếu, dệt vải, làm giấy, đóng xuồng, nghề rèn, làm đường, tương, chao, nước mắm, xà bông,… nhằm tự túc, tự cấp một phần nhu cầu thiết yếu phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân.

Năm 1950, địch ra sức củng cố vùng ven, vùng có đông đồng bào Khmer, chúng coi đây là nguồn cung cấp lực lượng cho cuộc chiến tranh, nên ra sức củng cố hệ thống lô cốt, tháp canh, chia địa bàn này thành nhiều tuyến ngăn cách không cho lực lượng ta thâm nhập.

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương, tháng 2-1950, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ I được tổ chức tại Trường Văn Chính ở kênh Xáng Cụt, xã Mỹ Phước, huyện Châu Thành (hiện nay là huyện Mỹ Tú). Đại hội đã thông qua báo cáo chính trị, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và triển khai Nghị quyết cấp trên về "Tích cực cầm cự chuẩn bị tổng phản công". Tại Đại hội, đồng chí Huỳnh Văn Dương được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Phan Văn Chiêu được bầu làm Phó Bí thư, đảm nhận Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh.

Để giành thế chủ động trên chiến trường Nam Bộ, tháng 1-1950, Bộ Tư lệnh Nam Bộ quyết định mở Chiến dịch Mùa xuân, chọn Sóc Trăng làm trọng điểm. Chiến dịch được mang tên "Tofaco" (Tổng phản công), sau này gọi là Chiến dịch Sóc Trăng 1, do Khu ủy và Quân khu chỉ đạo. Mục đích của Chiến dịch Tofaco là phá chỗ dựa của địch, thu hẹp phạm vi kiểm soát của chúng, phá âm mưu chia rẽ dân tộc, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đồng thời tích cực kềm chế địch tại chỗ không cho chúng chi viện ra chiến trường Bắc Bộ.

Chiến dịch được phân ra 3 mặt trận nằm trên địa bàn 3 huyện Châu Thành (huyện Mỹ Tú ngày nay), huyện Thạnh Trị, huyện Kế Sách và một phần huyện Long Phú. Lực lượng tham gia Chiến dịch gồm Tiểu đoàn 402 chủ lực Khu, Tiểu đoàn 404 chủ lực Nam Bộ, Đại đội 1098, 1089, 1094 của Liên trung đoàn 123-125, lực lượng vũ trang ở địa phương 3 huyện và đơn vị Ixarắc. Ngoài ra, còn huy động lực lượng dân quân phá hoại các trục lộ chính nhằm ngăn cản việc vận chuyển của địch. Trong Chiến dịch, ngoài tấn công bằng quân sự ta kết hợp chặt chẽ với công tác tuyên truyền, vận động đồng bào Khmer, in ấn nhiều loại truyền đơn bằng chữ Khmer để tuyên truyền trong đồng bào Khmer, hỗ trợ cho tiến công quân sự.

Chiến dịch Tofaco được chia làm 2 đợt, đợt 1 từ ngày 5-4 đến ngày 11-4-1950, đợt 2 từ ngày 14-4 đến ngày 28-4-1950.

Đêm 5-4-1950, mở màn đợt 1 là tiếng súng đánh đồn Bưng Tróp, đồn nằm trên lộ Bố Thảo - An Trạch. Đến sáng 6-4-1950, Tiểu đoàn chủ lực Nam Bộ và Đại đội 3003 đã chiếm được đồn, địch đầu hàng, ta bắt tù binh, thu vũ khí, san bằng đồn Bưng Tróp. Ngày 7-4-1950, địch vào chi viện cho đồn Bưng Tróp; nhưng vấp phải sự phá hoại lộ giao thông ở Sóc Vồ của dân và quân du kích, nên địch lọt vào vùng phục kích, ta phá hủy 2 xe, 1 pháo 90mm, thu 32 súng, nhiều quân lính địch chết và bị thương.

Cùng các đơn vị chiến đấu, lực lượng dân, quân Kế Sách đã phá lộ từ Thới An Hội - Vũng Thơm đi Trường Khánh ngăn địch chi viện. Lực lượng dân quân du kích Thạnh Trị phá sập cầu Cà Lăm làm tắc tuyến lộ Cà Lăm - Gia Hội, nên trục lộ Sóc Trăng - Bạc Liêu bị cắt đứt.

Trong đợt này, ta đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền vào các ấp đông đồng bào Khmer, vùng có nhiều chùa. Tuy thắng lợi trong quân sự chưa lớn; nhưng thắng lợi chính là sự ủng hộ hết lòng của người dân Khmer đối với cách mạng.

Bước vào đợt 2, ngày 14-4-1950, lực lượng địa phương tiến công dỡ bỏ 2 đồn, đồn Tập Rèn (huyện Kế Sách) và đồn ở Long Phú, kết quả ta thu toàn bộ vũ khí. Đại đội 1098 mở nhiều cuộc vũ trang tuyên truyền từ ngã ba An Trạch đi Vũng Thơm và trên tuyến lộ Chung Đôn. Đại đội 1094, tổ chức nhiều cuộc vũ trang tuyên truyền vào vùng đồng bào Khmer Trà Cuôn - Thạnh Phú.

Ngày 24-4-1950 một đại đội của Tiểu đoàn 402 tiến công đồn Xã Vĩ và đồn Duộcđăng (Jourdan). Ngày 25-4-1950, Tiểu đoàn chủ lực Nam Bộ tiến công đồn Mỹ Phước có pháo 90mm yểm trợ làm sập một góc đồn. Sáng hôm sau, ta chặn đánh quân tiếp viện của địch trên tuyến lộ Bố Thảo - Tam Sóc, tiêu diệt gần một trung đội địch và thu một số vũ khí.

Ngày 28-4-1950, Chiến dịch Tofaco kết thúc, ta đạt nhiều thắng lợi, nổi bật là thắng lợi về mặt chính trị. Ta đã vạch trần âm mưu, thủ đoạn thâm độc của

thực dân Pháp kích động hận thù, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc và đã tuyên truyền chính sách dân tộc của Đảng và Mặt trận đối với đồng bào Khmer, giúp đồng bào hiểu thêm về chính sách của Đảng và Mặt trận, phân biệt được kẻ thù, kêu gọi đồng bào ủng hộ kháng chiến. Các phong trào đấu tranh ở địa phương, nhất là thanh niên tham gia phong trào du kích kết hợp lực lượng vũ trang từng bước giải tán các vùng đồng bào Khmer sinh sống có vũ trang, giải phóng cho đồng bào, mối quan hệ giữa người Kinh - Khmer dần dần được khôi phục.

Trong năm 1950, các đơn vị quốc vệ đội, công an xung phong, du kích mật tiến hành đánh nhiều trận, tiêu diệt những tên mật thám, chỉ điểm gian ác. Tiêu biểu là trận diệt tên Philíp, Phó Sở mật thám Sóc Trăng do đồng chí Nguyễn Văn Phước (Sáu Phước), Trung đội trưởng Công an xung phong tỉnh chỉ huy. Tên Philíp và tên vệ sĩ Kim Than đền tội ngay giữa ban ngày tại thị xã, đã tác động mạnh trong hàng ngũ của địch, làm cho bọn chúng hoang mang không dám hung hăng như trước. Các chiến sĩ ta thể hiện tinh thần dũng cảm, mưu trí trong chiến đấu giành thắng lợi.

Trong vùng tự do, nhân dân hăng hái tham gia xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ, chống lại các hoạt động gián điệp, càn quét, đánh phá của địch.

Tiếp tục thực hiện chủ trương của Trung ương về vấn đề ruộng đất, vào những tháng cuối năm 1950, ở Sóc Trăng cũng như các tỉnh ở miền Tây Nam Bộ (ruộng đất tịch thu của thực dân Pháp, địa chủ phản động, ruộng đất của địa chủ hiến cho cách mạng tạm cấp cho nông dân sản xuất), ruộng đất của địa chủ vắng mặt được tạm giao cho nông dân sản xuất.

Thời gian này, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh phát hành tín phiếu các loại 1 đồng, 5 đồng, v.v., được các tầng lớp nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Tiếp theo, Chính phủ phát hành bạc "Cụ Hồ", được lưu hành ở miền Tây song song với tín phiếu của tỉnh.

Trên mặt trận đấu tranh kinh tế, tài chính giữa ta và địch ngày càng quyết liệt, mức độ phong tỏa của địch đối với ta ngày càng xiết chặt. Lúa gạo trong vùng tự do bị ứ đọng, các mặt hàng ta không thể tự túc như vải, thuốc trị bệnh, dầu lửa rất khan hiếm, đời sống bộ đội, nhân dân ngày càng thiếu thốn. Nông dân không yên tâm sản xuất, sản xuất nông nghiệp của vùng tự do bị chững lại so với các năm trước. Trước tình hình đó, năm 1950, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã thực hiện chủ trương của Trung ương giải quyết vấn đề lúa gạo bị ứ đọng và các mặt hàng trong vùng tự do đang thiếu. Một mặt, ta chủ trương phát triển chăn nuôi heo, gà, vịt, mặt khác bán số lúa ra vùng tạm chiếm, lấy tiền Ngân hàng Đông Dương để mua vật tư, nguyên liệu cần thiết cho kháng chiến và nhập hàng nhu yếu phẩm cần thiết cho nhân dân tiêu dùng.

Đi đôi với mặt trận kinh tế, tài chính, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục đẩy mạnh phong trào diệt giặc dốt. Ty Giáo dục phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành

đoàn thể tiếp tục phát động phong trào thi đua xóa dốt. Phong trào được các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng rầm rộ từ đơn vị bộ đội đến các xóm, ấp, đâu đâu cũng thi đua học tập. Nhiều đoàn giáo viên của tỉnh, huyện đi dạy lưu động ở các vùng nông thôn tự do. Các đoàn thể Cứu Quốc, đặc biệt là Phụ nữ Cứu Quốc tích cực triển khai thực hiện công tác xóa nạn mù chữ ở khắp nơi và đạt hiệu quả cao.

Ngành y tế nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phòng ngừa các bệnh dịch. Khẩu hiệu "Ăn chín, uống nước chín", "Đói ăn rau, đau uống thuốc" tiếp tục được tuyên truyền phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Công tác điều trị bệnh theo phương pháp Đông Tây y kết hợp, phong trào vệ sinh phòng bệnh, thực hiện nếp sống mới được đẩy mạnh. Vùng nông thôn tự do ngày càng đổi mới.

Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển rộng rãi, nhiều thể loại phong phú như: ca nhạc, hát múa, thơ ca, hò vè phát triển sôi nổi, đời sống văn hóa tinh thần ở nông thôn từng bước được cải thiện và nâng cao. Không khí trong vùng tự do ngày càng vui tươi, phấn khởi, nhân dân thiết tha nhiệt tình đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Năm 1951, tại Sóc Trăng địch tăng cường bình định, lấn chiếm, đẩy mạnh bắt lính. Chúng tăng cường càn quét, đánh phá, lấn chiếm khu căn cứ của ta, đóng đồn bốt chằng chịt, ngăn cắt liên lạc giữa vùng tự do với vùng tạm chiếm trong tỉnh và các tỉnh khác.

Giữa lúc tình hình có nhiều biến động lớn, từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng họp tại tỉnh Tuyên Quang. Đại hội nêu cao quyết tâm kháng chiến với khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Đại hội quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam và Đảng ra hoạt động công khai.

Tháng 3-1951, Trung ương Đảng chủ trương thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam thành một Mặt trận Thống nhất, lấy tên Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Mặt trận Liên Việt. Mục đích của chủ trương này là nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến trong tình hình mới.

Ở Sóc Trăng, Mặt trận Liên Việt đã động viên các tầng lớp nhân dân, các đảng phái, tôn giáo và đồng bào Hoa, Khmer tham gia ủng hộ kháng chiến. Các đoàn thể thành viên của Mặt trận đã làm tốt vai trò nòng cốt của mình, thu hút đông đảo các hội viên, đoàn viên tham gia. Hội Nông dân Cứu Quốc, Đoàn Thanh niên Cứu Quốc phát triển rất mạnh. Tổ chức thanh niên học sinh ở các trường học vùng tự do, vùng tạm chiếm cũng phát triển.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, tháng 4-1951 Trung ương Cục miền Nam được thành lập thay cho Xứ ủy Nam Bộ và trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư.

Trong năm 1951, nhân dân Sóc Trăng long trọng tiếp đón Chủ tịch Sơn Ngọc Minh, lãnh tụ phong trào cách mạng Campuchia, Chủ tịch Mặt trận Ixarắc, đại diện Chính phủ yêu nước Campuchia đến thăm đồng bào Khmer trong tỉnh. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh đã tổ chức đón tiếp trọng thể tại ấp Kho Cháy, xã Tân Long, huyện Châu Thành. Đại biểu tham dự gồm: đại diện sư sãi của các chùa trong tỉnh, đại diện đồng bào Khmer ở các ấp vùng tạm chiếm như Trà É, Trà Tham, Vàng Bạc, Tân Hùng, Nhu Gia, Trà Cuôn, v.v.. Buổi lễ tiếp đón đoàn đại biểu nước bạn được tổ chức chu đáo, an toàn.

Trong thời gian này, tỉnh Sóc Trăng có sự thay đổi về địa giới hành chính. Hai xã: Long Trị, Long Phú của huyện Long Mỹ, tỉnh Rạch Giá được đưa về huyện Châu Thành. Các xã Hưng Phú (Ninh Quới), Hương Quới (Vĩnh Quới ngày nay) của huyện Hồng Dân, tỉnh Rạch Giá được đưa về huyện Thạnh Trị. Sau khi sáp nhập, tỉnh Sóc Trăng gồm có các huyện: Châu Thành, Kế Sách, Thạnh Trị, Long Phú, thị xã Sóc Trăng và có được vùng tự do liên hoàn với tỉnh bạn.

Mùa hè năm 1951, Bộ Tư lệnh Quân khu 9 quyết định mở Chiến dịch Sóc Trăng II trên địa bàn 3 tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu; chiến trường chính của Chiến dịch là Sóc Trăng, chiến trường phối hợp là Cần Thơ và Bạc Liêu có nhiệm vụ ngăn chặn và đánh bại quân tiếp viện; hỗ trợ đắc lực cho chiến trường chính, hoàn thành kế hoạch của Chiến dịch.

Địa bàn hoạt động của Chiến dịch là các huyện Thạnh Trị (*có một phần của huyện Vĩnh Châu*), Châu Thành, Long Phú, trong đó huyện Thạnh Trị là trọng điểm. Lực lượng tham gia gồm: Trung đoàn chủ lực Tây Đô (gồm Tiểu đoàn 410, 408, 406), lực lượng vũ trang địa phương của tỉnh, huyện và các đội du kích xã. Thời gian tiến hành Chiến dịch chia làm 2 đợt, đợt 1 từ ngày 12-5 đến ngày 17-5-1951, đợt 2 từ ngày 19-5 đến ngày 25-6-1951.

Ngày 13-5-1951, Chiến dịch được mở màn bằng trận đột kích cụm đồn Xã Sang ở xã Tuân Tức, huyện Châu Thành (nay là Thạnh Trị) do Tiểu đoàn 408 làm chủ công. Quân ta đánh thiệt hại nặng bốt chính, diệt 4 lô cốt và một số lính từ Sóc Trăng kéo tới tiếp viện, thu 4 súng, hàng trăm lựu đạn. Ở xã Lâm Kiết, ta phá bỏ 1 đồn, diệt 1 trung đội từ Bố Thảo tiến vào huyện Châu Thành, vùng tự do của ta được mở rộng. Tại đây lực lượng ta cùng cán bộ Hội ủng hộ Ixarắc đến các vùng sâu của xã Lâm Kiết, vùng sát thị tứ Nhu Gia (xã Thạnh Phú) tạm cấp đất cho đồng bào Khmer, thành lập một số đoàn thể cách mạng…

Rạng sáng 15-5-1951, quân ta nổ súng tiến công đồn Xẻo Me (Vĩnh Châu). Ta làm chủ cụm đồn Xẻo Me, 4 lô cốt; rồi triển khai đánh quân tiếp viện của địch từ thị xã Bạc Liêu kéo tới. Chúng cho máy bay thả bom napan vào đội hình quân ta, song ta nổ súng diệt một đại đội, bắt sống một tiểu đội, phá hỏng 7 xe quân sự, thu 19 khẩu súng và nhiều đạn dược.

Tại huyện Long Phú, ta phối hợp tiến công trên tuyến đất liền Long Phú đánh 36 trận, phần nhiều là pháo kích vào đồn bốt và bắn tỉa, làm địch chết và bị thương hơn 40 tên. Từ Chiến dịch này, Sơn Tol là người dân tộc Khmer đầu tiên của tỉnh Sóc Trăng trở thành Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng thời, Chiến dịch tổ chức vũ trang tuyên truyền, trấn áp bọn tề ấp, tề xã, huy động nhân dân tham gia phá lộ, phá cầu làm cho địch khó khăn trong di chuyển. Đặc biệt trong thời gian này, chính quyền Long Phú đã tạm cấp hơn 6.800 công đất cho hơn 1.000 hộ nông dân và 2.220 nhân khẩu, trong đó phần lớn là đồng bào Khmer, tạo nhiều ảnh hưởng tốt trong nhân dân.

Ở huyện Châu Thành, lực lượng vũ trang địa phương của huyện và du kích xã liên tục pháo kích vào đồn bốt, phát loa kêu gọi đầu hàng, đồng thời tổ chức nhiều cuộc vũ trang tuyên truyền, tổ chức phá hoại giao thông địch trên tuyến lộ Tam Sóc, Xẻo Gừa. Địch hỗ trợ chi viện cho mặt trận Xã Sang bị công binh ta dùng địa lôi đánh hỏng một pháo 105mm trên tuyến lộ Bố Thảo.

Ngày 25-6-1951, Chiến dịch Sóc Trăng 2 kết thúc. Ta giành nhiều thắng lợi về mặt quân sự, đặc biệt là sự nhạy bén trong phán đoán quy luật hành quân tiếp viện, trên bộ, dưới nước của địch, góp phần phá vỡ một mảng lớn hệ thống đồn bốt, tiêu hao, tiêu diệt địch; phá hỏng hệ thống phòng ngự của địch. Về mặt chính trị, ta phát triển thêm cơ sở cách mạng ở vùng ven, vùng địch kiểm soát, đặc biệt các vùng đồng bào dân tộc Khmer, vùng tôn giáo nằm trên các trục lộ giao thông chiến lược. Thắng lợi của Chiến dịch đã góp phần đưa phong trào chiến tranh du kích phát triển lên một bước mới.

Qua chiến dịch Sóc Trăng 2, ta rút ra bài học kinh nghiệm quý giá về tổ chức tác chiến quy mô trên địa bàn trống trải, chiến thuật đánh công kiên và đánh vận động, sự phối hợp chặt chẽ giữa các chiến trường trong tỉnh, giữa tiến công vũ trang với chính trị địch ngụy vận và xây dựng thực lực cách mạng.

Tháng 11-1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ II được tổ chức tại đình Phương Phú, xã Phương Phú, huyện Châu Thành, có đồng chí Nguyễn Văn Trản - Bí thư Khu ủy Khu 9 đến dự. Đại hội đã tập trung thảo luận dự thảo báo cáo chính trị, thông qua Nghị quyết nhiệm kỳ II. Đại hội đã bầu đồng chí Ngô Tám làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Chiêu làm Phó Bí thư.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, các huyện, xã, cơ quan cũng tiến hành Đại hội Đảng bộ, chi bộ. Cấp ủy mới với cơ cấu hợp lý, bảo đảm năng lực và phẩm chất đạo đức tốt. Những đồng chí không hoàn thành nhiệm vụ, kiên quyết đưa ra khỏi cấp ủy. Đảng ủy các cấp đã tạo được những chuyển biến quan trọng trên địa bàn hoạt động của mình, không có huyện ủy nào phải ly hương. Nhưng khó khăn của tỉnh là 17 xã chưa có cơ sở đảng, nhất là các xã có đông đồng bào Khmer và các sóc có vũ trang, đòi hỏi các cấp ủy Đảng

phải nhanh chóng xây dựng được cơ sở đảng ở những nơi này.

Huyện ủy các huyện Châu Thành, Kế Sách, Long Phú, Thạnh Trị đã được bầu mới và quyết tâm xây dựng lực lượng vững mạnh, đủ sức tiến công địch, nhanh chóng xây dựng cơ sở đảng ở các sóc vũ trang, phối hợp phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng với phong trào đấu tranh vũ trang để mở rộng vùng tự do.

Hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân tiếp tục được củng cố và phát triển, vùng căn cứ do chính quyền cách mạng quản lý, trực tiếp lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất, cải thiện đời sống nhân dân. Dưới sự quản lý của chính quyền cách mạng, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng lên, không những được nhân dân trong vùng tự do hoan nghênh mà còn tác động đến đông đảo nhân dân ở thành thị và những nơi địch chiếm đóng, từ đó, càng thúc đẩy nhân dân ở vùng địch kiểm soát phản đối chính quyền ngụy, đấu tranh vạch trần chính sách dân chủ giả hiệu, tẩy chay các cuộc bầu cử do địch tổ chức. Nhân dân ở vùng tự do tích cực tham gia vào các đoàn thể và các tổ chức yêu nước, tạo thành lực lượng nòng cốt trong các phong trào sản xuất, chiến đấu, góp công, góp của cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tại Sóc Trăng, từ đầu năm 1952, phe quốc gia do thực dân Pháp dựng nên bắt đầu thực hiện kế hoạch tăng cường đánh phá tiêu diệt cơ sở cách mạng và cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy, lấn đất giành dân, mở rộng vùng kiểm soát bằng cách đóng thêm hàng chục đồn bốt, đặc biệt ở hai huyện Thạnh Trị và Kế Sách.

Ngày 12-1-1952, địch tập trung hàng nghìn quân của hai tỉnh Sóc Trăng và Cần Thơ, cho phi cơ oanh tạc yểm trợ đánh vào trung tâm căn cứ kháng chiến của tỉnh, nhằm tiêu diệt đầu não kháng chiến và lực lượng vũ trang tập trung của ta. Địch chia làm ba mũi tiến công: mũi thứ nhất từ Phú Lộc đánh vào Ngã Năm và đánh qua Trà Cú; mũi thứ hai từ Phụng Hiệp đánh qua ngã tư Cây Dương, đánh trở lại Búng Tàu và tiến xuống Trà Lồng để hợp điểm với mũi thứ nhất; mũi thứ ba từ Cần Thơ vào Long Mỹ, qua Trà Ban Nhỏ, tiến vào kênh Cá Lóc là nơi cơ quan Tỉnh ủy đóng.

Nắm được ý đồ của địch, Đại đội độc lập phân tán, phối hợp với du kích xã Long Hưng (Châu Thành), xã Tân Long (Thạnh Trị) tổ chức chống càn, diệt nhiều tên địch trên tuyến kênh Xáng Trà Lồng - Trà Cú - Ngã Năm và Cái Trầu. Tiểu đoàn 308 phục kích đánh cánh quân từ Trà Ban Nhỏ vào kênh Cá Lóc, tiêu diệt hàng trăm tên địch và thu 24 khẩu súng. Cánh quân địch trên tuyến lộ Cao Hột, Ngã Năm không dám vào cứu viện. Trước sự kháng cự quyết liệt của quân dân ta, địch bị thiệt hại nặng, buộc chúng phải kết thúc cuộc càn trước thời gian dự định.

Sau một thời gian củng cố lực lượng, ngày 1-5-1952, địch tiếp tục cho máy bay bắn phá vào các xã Mỹ Phước, Mỹ

Tú, Mỹ Thuận. Tiểu đoàn 18 BVN[1]do tên Dương Văn Đức chỉ huy chia làm hai mũi, mũi một đánh vào ấp Trần An, xã Mỹ Phước, mũi hai đánh qua Mỹ Thuận, Thuận Hưng đến Mỹ Tú. Hai cánh quân của địch liên tục bị quân du kích các xã chặn đánh và cuối cùng phải rút ra tuyến kênh xáng Mỹ Phước, Bàu Còn, đóng quân tại vàm Chắc Tức. Một cánh quân khác của địch gồm có một trung đội công binh, một đại đội hộ tống, một đoàn ghe chở vật liệu đóng đồn đi theo hướng Ngã Năm đến ngã ba Cái Trầu vào đồn Bàu Còn, để bắt dân Bàu Còn đi phục dịch đóng đồn Chắc Tức.

Ban Chỉ huy Tỉnh đội và Tiểu đoàn 308 đã nêu quyết tâm diệt địch: Đêm 2-5 rạng sáng 3-5-1952, Tiểu đoàn 308 tập kích nổ súng đánh tiểu đoàn địch ở vàm Chắc Tức. Với tinh thần chiến đấu dũng cảm, ngoan cường, chỉ sau 30 phút chiến đấu, quân ta tiêu diệt toàn bộ Tiểu đoàn 18 BVN, trên 150 tên địch bị diệt, 34 tên bị bắt sống, trong đó có tên Tiểu đoàn trưởng Dương Văn Đức, ta thu trên 100 khẩu súng. Cùng đêm 2-5-1952, Đại đội độc lập tỉnh tập kích đội công binh và lực lượng hộ tống của địch tại Bàu Còn diệt nhiều tên địch, buộc chúng phải rút về Phú Lộc. Ngày 4-5-1952, địch cho 2 tàu vào chở xác chết lính ở Chắc Tức, chúng đi theo đường sông từ Nhu Gia và Mỹ Phước, bị ta gài thủy lôi đánh chìm một tàu, một trung đội địch bị diệt. Trận Chắc Tức - Bàu Còn là một thắng lợi lớn của quân dân ta. Ta tiêu diệt hoàn toàn một tiểu đoàn địch, bẻ gẫy kế hoạch chiếm đóng tuyến Bàu Còn - Chắc Tức. Sau trận này, mức độ càn quét lấn chiếm của địch vào vùng tự do, vùng căn cứ có giảm đi. Dưới sự lãnh đạo của Đảng nhân dân trong vùng tự do và chính quyền cách mạng, một mặt bảo vệ vùng đất của mình, mặt khác, tích cực xây dựng kinh tế, củng cố chính quyền và ổn định xã hội.

Trên mặt trận kinh tế, trong lĩnh vực giao thông hàng hóa, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh tìm mọi cách tạo điều kiện cho nhân dân trong vùng tự do đem nông sản bị ứ đọng ra thành thị bán và mua về những mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống, phục vụ quốc phòng, đồng thời cũng nghiêm cấm nhập những mặt hàng xa xỉ phẩm. Chính sách kinh tế phù hợp, đúng đắn, làm hàng hóa lưu thông khiến nhà nước thu được một số tiền thuế tương đối lớn, ổn định, bảo đảm cho kinh phí hoạt động của tỉnh và giao nộp về trên, góp phần quan trọng vào ngân sách kháng chiến chung. Song cũng nhân tình hình này, thực dân Pháp đã tung bạc giả, loại giấy 100 đồng có hình Cụ Hồ (bạc Cụ Hồ, do Bộ Tài chính phát hành) vào vùng tự do hoặc phát không cho số người hay ra vào giữa vùng tự do và vùng địch tạm chiếm để phá rối nền kinh tế của vùng tự do.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, thời gian này, Đảng bộ tiếp tục thực hiện chính sách tạm giao, tạm cấp đất cho nông dân. Tính đến tháng 6-1952, tỉnh Sóc Trăng đã tạm giao, tạm cấp trên

1. Bataillon Vietnamien (BVN): Tiểu đoàn cơ động ngụy quyền quốc gia Việt Nam

16.474ha ruộng đất cho 2.522 nhân khẩu[1]. Song song với công tác tạm giao, tạm cấp đất, Tỉnh ủy còn chủ trương tiếp tục đấu tranh thực hiện giảm tô, giảm tức, không cho địa chủ, phú nông bóc lột nông dân. Để tạo điều kiện cho nông dân phát triển sản xuất, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh thành lập Hợp tác xã tín dụng cho nông dân vay tiền hoặc lúa để làm vốn sản xuất, từ năm 1951 đến năm 1952, trong tỉnh cho nông dân vay 35.820 giạ lúa.

Trong những năm từ 1952 đến 1953, ta tiếp tục thực hiện chủ trương cho nông dân mượn ruộng đất hoang được miễn thuế nông nghiệp từ 3 đến 5 năm. Nhiều gia đình nông dân làm đơn xin mượn đất hoang hóa, có gia đình còn khẩn hoang ở những vùng ven. Thời gian này sản xuất nông nghiệp rất phát triển, các vụ mùa đều bội thu, đời sống nông dân từng bước được cải thiện.

Tổng kết những kinh nghiệm sản xuất tốt, được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Nhờ đó, phong trào nông dân tham gia sản xuất vào các đội, vạn vần đổi công rất sôi nổi. Hướng dẫn kỹ thuật chọn giống lúa, đào kênh xổ phèn cũng được phổ biến rộng rãi ở các xã, sản xuất nông nghiệp ngày càng phát triển.

Trong lĩnh vực tiểu thủ công, nhân dân mở nhiều lò rèn, lò nấu xà bông, cơ sở dệt chiếu, dệt vải, trại đóng xuồng, trại cưa, nhà máy xay lúa, tiệm may... gần như khắp nơi nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển và thỏa mãn yêu cầu tiêu dùng của nhân dân.

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (1930 - 1954), Sđd,* tr. 174.

Tổng kết phong trào sản xuất và thu thuế nông nghiệp ở Nam Bộ năm 1952, tỉnh Sóc Trăng được tuyên dương đạt hạng khá. Đời sống đồng bào trong vùng tự do ngày càng khá lên cũng có ảnh hưởng lớn đến đồng bào vùng tạm chiếm, nhất là đối với đồng bào Khmer. Một số đồng bào trước kia tạm lánh ra vùng đô thị nay trở về vùng tự do, xin được cấp đất để sản xuất.

Cùng với công tác chăm lo đời sống vật chất, Đảng bộ rất quan tâm đến đời sống tinh thần của nhân dân. Phong trào "Xóa nạn mù chữ" và bổ túc văn hóa, tiếp tục phát triển sâu rộng trong cán bộ và nhân dân, có nhiều cơ quan tự mở lớp dạy bổ túc văn hóa cho cán bộ, nhân viên. Nhiều nơi còn tổ chức cho nhân dân học tập trung hoặc tại nhà. Tỷ lệ phấn đấu xóa mù chữ cao hơn các năm trước, có nơi đạt từ 95 - 100%, có những giáo viên ngày đêm vừa vận động nhân dân, vừa dạy học ở lớp, vừa đến từng gia đình kèm cặp hướng dẫn bà con học tập, xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu trong công tác này.

Cùng với phong trào xóa mù chữ, Ty Giáo dục cùng các cấp Đảng bộ, chính quyền đã rất chú trọng mở trường học từ tỉnh đến các huyện, xã như Trường Bổ túc công nông tỉnh (còn gọi là Trường Văn Chính) chuyên đào tạo, nâng cao kiến thức, văn hóa cho đội ngũ cán bộ. Ở vùng tự do có trường tiểu học, hằng năm tổ chức thi hết cấp cho học sinh. Các trường tiểu học trong thời kỳ này không những cổ vũ, lôi cuốn đồng bào trong vùng tự do

theo học mà còn có sức lôi cuốn đồng bào ở thành thị. Để nâng cao kiến thức và trình độ giảng dạy của đội ngũ giáo viên, trường sư phạm và bổ túc văn hóa mở nhiều lớp đào tạo giáo viên, thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ giáo viên "vừa hồng, vừa chuyên".

Từ năm 1952 đến năm 1953, công tác y tế ở Sóc Trăng phát triển mạnh, thường xuyên tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ y tế, hộ sinh. Mạng lưới y tế như trạm xá, nhà bảo sanh ở các xã vùng tự do đã được xây dựng. Dụng cụ y tế, thuốc điều trị được trang bị tương đối đầy đủ. Phong trào điều trị bệnh bằng thuốc nam và cấy philatốp được phổ biến rộng rãi. Nhiều đội y tế xung phong thường xuyên vào vùng tôn giáo, dân tộc, vùng địch hậu để khám và điều trị bệnh cho đồng bào.

Phong trào đời sống mới, thực hiện vệ sinh thường thức phát triển rộng rãi trong vùng tự do. Các tệ nạn mê tín dị đoan, đồng bóng, thầy pháp được bài trừ. Ở thị xã, phong trào chống văn hóa đồi trụy, phản động của địch trong nhân dân nói chung, trong thanh niên, học sinh nói riêng đã được phát động.

Công tác thông tin tuyên truyền được các cấp ủy Đảng và các đoàn thể quan tâm. Ty Thông tin tuyên truyền tiếp tục xuất bản báo "Lửa Hồng", một tuần hai số. Nội dung, hình thức được cải tiến, phát hành rộng rãi trong nội bộ và nhân dân đến cơ sở trong vùng tự do và một số nơi ở vùng địch kiểm soát. Ngoài báo "Lửa Hồng" còn có các bản tin, thông báo tin tức trong nước và tỉnh Sóc Trăng, phục vụ kịp thời cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân. Các đoàn thể như: Đoàn Thanh niên Cứu Quốc, Hội Phụ nữ Cứu Quốc đã phối hợp với các đoàn tuyên truyền của ngành thông tin, của Hội ủng hộ Ixarắc thâm nhập vào các sóc và vùng ven để tuyên truyền phổ biến đường lối kháng chiến của Đảng, rải truyền đơn bằng chữ Khmer giúp đồng bào hiểu thêm về chính sách của Đảng đối với đồng bào Khmer và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam.

Phong trào văn nghệ của quần chúng phát triển sôi nổi, nhiều bài hát (cả tân nhạc và cổ nhạc) được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Các buổi lễ, hội họp ở xã, ấp, xóm, lớp học, đâu đâu cũng vang lên lời ca tiếng hát. Nam nữ thanh niên là lực lượng xung kích của phong trào văn nghệ, đem lại sinh khí vui tươi lành mạnh, động viên nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lạc quan, quyết tâm chiến đấu và sản xuất, tin tưởng vào thắng lợi tất yếu của cuộc cách mạng. Ngoài ra, các đội văn công lưu động biểu diễn các vở kịch, cải lương mang nội dung tình yêu quê hương, đất nước, ca ngợi Đảng, ca ngợi Bác Hồ và những trận đánh thắng lợi lớn của ta ở chiến trường v.v., vào những dịp lễ, hội nghị, đại hội. Các buổi biểu diễn văn nghệ đã cuốn hút đông đảo người xem, không ngại mưa nắng, phương tiện đi lại khó khăn, ở đâu đồng bào cũng đến thưởng thức văn nghệ do đoàn văn công của tỉnh trình diễn.

Các đoàn thể, cơ quan, ban, ngành, trường học cũng phát động nhiều

phong trào yêu nước. Hội Phụ nữ Cứu Quốc, Hội Mẹ chiến sĩ tiếp tục phát động phong trào: "Chiếc áo mùa đông binh sĩ", phong trào "Bảo vệ bà mẹ, hài ấu nhi", "Bụi chuối Cứu Quốc", "Hũ gạo kháng chiến", "Con gà Cứu Quốc"… Các phong trào này ngày càng được nhiều người tham gia, đã cổ vũ bộ đội hăng hái đánh giặc, giải phóng quê hương, đất nước. Phong trào: "Rèn luyện dân quân", "Tòng quân giết giặc" phát triển mạnh.

Vào những tháng cuối năm 1952, địch mở những cuộc càn quét lớn vào vùng tự do, với ý đồ tiêu diệt đầu não kháng chiến và lực lượng vũ trang tập trung của tỉnh, đồng thời gây khó khăn về kinh tế, đời sống của nhân dân. Nhưng chúng vấp phải sự chống trả quyết liệt của quân, dân ta và bị tiêu hao nhiều sinh lực, không thực hiện được kế hoạch như dự định.

Năm 1953, trên chiến trường chung cả nước, quân, dân ta giành nhiều thắng lợi. Thực dân Pháp ngày càng rơi vào thế bị động, đế quốc Mỹ phải tăng viện trợ cho thực dân Pháp và can thiệp sâu vào Đông Dương.

Ở Sóc Trăng, năm 1953, địch tăng cường bắt lính đôn quân, tiếp tục xây dựng các sắc lính người Khmer, người theo đạo Thiên Chúa giáo ở các huyện Vĩnh Châu, Kế Sách, Thạnh Trị,… Đồng thời chúng còn gấp rút xây dựng thêm nhiều đơn vị cơ động, tăng cường lực lượng bảo an, đẩy mạnh càn quét lấn chiếm vùng tự do. Trước tình hình này, trong tỉnh chỉ còn 19 xã giải phóng, 15 xã du kích (thế ta mạnh), trên tổng số 67 xã toàn tỉnh. Huyện Thạnh Trị trước kia xây dựng được vùng căn cứ rộng nay bị thu hẹp lại. Địch đóng đồn bốt, lô cốt, tháp canh ở khắp nơi trong tỉnh, nhất là tại những con đường huyết mạch, những nơi xung yếu, thực hiện chia cắt chiến trường, bình định, lấn chiếm, vơ vét nhân lực để phục vụ chiến tranh trong giai đoạn quyết liệt.

Trước tình hình khó khăn đó, đầu năm 1953, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Tây chỉ thị nhiệm vụ quân sự năm 1953 - 1954 là chuẩn bị chớp lấy thời cơ phối hợp với chiến trường cả nước đánh bại âm mưu bình định của địch và đề ra nhiệm vụ năm 1953 là: các lực lượng phải luồn sâu vào vùng địch hậu, gây dựng cơ sở, phá thế kìm kẹp của địch.

Song song với công tác chỉnh huấn cán bộ quân sự của Phân liên khu, Tỉnh ủy Sóc Trăng đã lãnh đạo tiến hành đợt chỉnh Đảng, chỉnh quân trong toàn Đảng bộ và các đơn vị vũ trang. Qua một thời gian củng cố và xây dựng, lực lượng ba thứ quân trong tỉnh đã phát triển về chất lượng và số lượng. Ở mỗi xã có từ 2 đến 3 tiểu đội du kích, mỗi huyện có từ 2 đến 3 trung đội lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng vũ trang tỉnh ngày càng trưởng thành. Cùng với sự phát triển về lực lượng vũ trang ở tỉnh, Phân liên khu đã điều các tiểu đoàn, đại đội chủ lực tăng cường cho tỉnh, hợp thành một lực lượng mạnh. Từ tháng 6-1953 quân, dân trong tỉnh đã tập trung chiến đấu làm thất bại các cuộc càn quét giành dân, giành đất của địch, chuyển từ vùng địch kìm kẹp thành vùng du kích, từ vùng du kích

yếu lên thế mạnh, các vùng du kích nhỏ liên kết với nhau thành vùng du kích rộng lớn.

Phong trào du kích chiến tranh trong tỉnh phát triển mạnh. Ở các xã vùng tiếp giáp, ta tiến hành xây dựng ấp chiến đấu, bố trí bãi chông, lựu đạn, địa lôi… chống địch lấn chiếm. Ta chọn 4 đồn ở 4 huyện làm trọng điểm tiến công: đồn Gressier, đồn Gia Hòa, đồn Cái Côn và đồn bờ biển Long Phú. Kết quả từ 4 trọng điểm, đến cuối năm mở rộng ra hàng chục đồn khác, bao vây tấn công tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, làm cho các đồn còn lại không dám bung ra hoạt động, tạo điều kiện cho công tác địch ngụy vận tiến hành vận động gia đình binh sĩ và binh sĩ, làm cho tinh thần của chúng càng hoang mang, tan rã. Từ tháng 3 đến tháng 8-1953, tại các xã Tân Thạnh, Tân Hưng, Đại Ngãi (huyện Long Phú), Kế An, Thới An Hội (huyện Kế Sách), lực lượng vũ trang địa phương của huyện cùng du kích tổ chức thọc sâu đánh nhanh, đánh nhỏ chắc thắng, diệt nhiều tên địch. Ở huyện Thạnh Trị, một đại đội thuộc Tiểu đoàn 308 cùng du kích phục kích đánh bọn lính đồn Xẻo Me bung ra hoạt động. Ở vùng tạm chiếm, các đoàn thể và lực lượng vũ trang tỉnh, huyện đã vượt qua mọi khó khăn để bám trụ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, tiến hành công tác địch ngụy vận. Ta tổ chức in truyền đơn kêu gọi chống bắt lính, chống đôn quân, bí mật đưa vào các đồn bốt hoặc qua gia đình để vận động giáo dục nhân dân, vừa trấn áp bọn tề ác ôn, tạo điều kiện để các lực lượng chính trị gầy dựng cơ sở trong vùng địch hậu. Đến tháng 8-1953, ta xây dựng, móc nối được nhiều cơ sở ở vùng tạm chiếm, trong một số đồn bốt địch. Trong năm 1953, ta vừa chỉ đạo tiến công chống bình định lấn chiếm của địch, vừa xây dựng lực lượng về mọi mặt chuẩn bị Chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 giành thắng lợi quyết định.

Được sự lãnh đạo của Trung ương Cục miền Nam, từ ngày 6-11-1953 đến ngày 8-11-1953, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ III đã khai mạc tại xóm Xẻo Chích, xã Hương Quới, huyện Châu Thành (nay là xã Vĩnh Quới, thuộc huyện Ngã Năm). Đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt Trung ương Cục đến dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội tiến hành kiểm điểm các mặt hoạt động của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới. Đại hội nhận định Chiến dịch Đông Xuân là một chiến dịch lớn, dài ngày, nên phải phát huy sức mạnh lực lượng tại chỗ kết hợp với tiến công quân sự. Đại hội đặc biệt quan tâm tới công tác vùng địch hậu, vùng du kích, nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất ý chí và hành động của Tỉnh ủy. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 22 đồng chí, đồng chí Ngô Tám được bầu làm Bí thư, đồng chí Phan Đức được bầu làm Phó Bí thư.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh được triển khai đến các huyện, xã. Các đồng chí huyện ủy viên trực tiếp xuống các xã điểm chỉ đạo, một số cán bộ ly hương nay cũng trở về bám trụ địa bàn móc nối lại cơ sở cách mạng. Ở thị xã

Sóc Trăng, Thị ủy tổ chức lại địa bàn hoạt động gây dựng cơ sở mật và phát triển phong trào cách mạng trong nội ô.

Tỉnh ủy xác định địa bàn trọng điểm của Chiến dịch Đông Xuân là huyện Châu Thành và Thạnh Trị; đồng thời quyết định thành lập Ban Chỉ huy Chiến dịch Đông Xuân 1953 - 1954 của tỉnh. Đồng chí Phan Đức, Phó Bí thư Tỉnh ủy, làm Trưởng ban, đồng chí Phan Văn Chiêu, Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh làm Phó ban. Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ chính của Chiến dịch là phối hợp với chiến trường chung tiến công vào vùng địch hậu, bảo vệ vùng tự do, đón thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn. Công tác chuẩn bị đã được hoàn thành cơ bản vào giữa tháng 11-1953.

Địch phát hiện được kế hoạch chuẩn bị của ta, và đã tăng quân cho các đồn bốt, xây dựng kiên cố các công sự, hàng rào chướng ngại, đưa lực lượng của tiểu khu, chi khu càn quét lấn chiếm vào vùng căn cứ nhằm phá vỡ kế hoạch chuẩn bị Chiến dịch của ta, tiếp tục lấn chiếm, đóng thêm đồn bốt ở các huyện Thạnh Trị, Long Phú, Kế Sách. Đặc biệt, ở huyện Thạnh Trị, đóng nhiều đồn bốt sâu trong vùng tự do như: đồn Vàm Rạch Rừng (ấp Định Hòa, xã Gia Hòa), đồn Bào Đất Sét, xã Hòa Tú, v.v..

Giữa tháng 11-1953, toàn tỉnh mở Chiến dịch Đông Xuân.

Tại trọng điểm 1 (huyện Châu Thành), đồng chí Phan Đức, Trưởng Ban Chỉ huy Chiến dịch của tỉnh đã trực tiếp chỉ đạo. Tiểu đoàn 308 được tăng cường về hoạt động cùng với đại đội địa phương Sóc Trăng. Đại đội Sóc Trăng được tăng cường ra ven thị xã hỗ trợ cho mũi diệt ác, phá kềm, tấn công vào thị xã. Ngoài ra, các đoàn chỉ đạo riêng của tỉnh xuống xã Thiện Hương, chỉ đạo mọi mặt công tác như: công tác quân sự, công tác Đảng, công tác đoàn thể: thanh niên, nông dân, Khmer vận…

Cuối tháng 11-1953, quân và dân huyện Châu Thành đã bao vây nhiều đồn bốt địch, đồn Béctôn là một trong những vị trí quan trọng của địch bị một bộ phận của Tiểu đoàn 308 phối hợp với du kích pháo kích, làm thiệt hại nặng. Để cứu nguy, địch đưa Tiểu đoàn 19 BVN ở Sóc Trăng xuống tiếp viện, trên đường đi, quân địch bị Tiểu đoàn 308 và lực lượng vũ trang địa phương phục kích đánh tại Bà Lui và chợ Huỳnh Hữu Nghĩa. Kết quả là địch chết và bị thương trên 80 tên, buộc chúng phải rút lui, kết thúc cuộc hành quân.

Mở màn Chiến dịch ta đã chặn đứng những cuộc hành quân càn quét của địch, không để chúng lấn chiếm vùng tự do. Với khí thế tiến công, Ban Chỉ huy chiến dịch ra lệnh cho du kích ngày đêm bám sát địch theo lộ Bố Thảo. Qua nhiều ngày theo dõi, du kích bắt sống được tên Đồn trưởng Béctôn. Chớp thời cơ này, Ban Chỉ huy mặt trận phát lệnh xung phong, bao vây quyết tâm gỡ hết các đồn bốt trong vùng do đồn trưởng Béctôn quản lý. Bọn chỉ huy địch ở Bố Thảo ra lệnh cho bọn lính ở Béctôn phải cố thủ, giữ các đồn bốt còn lại, kháng cự tới cùng, sau đó chúng sẽ đưa quân tiếp viện. Song trong khí thế tiến công của ta mỗi lúc một tăng, đội tuyên truyền vũ trang hoạt động mạnh

ở Bố Thảo, Tam Sóc được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân, trống mõ nổi lên hòa với tiếng la hét inh ỏi, đập thùng thiếc vang dội đã làm cho địch trong các đồn cố thủ hoang mang, dao động không dám nổ súng. Biết địch rơi vào thế bị động, quân ta tiến thẳng vào đồn Béctôn buộc tên đồn trưởng mà ta bắt được kêu gọi quân lính đầu hàng, bọn địch hoảng sợ, một số lính vội vã xin hàng, còn một số ngoan cố bắn chỉ thiên. Chớp thời cơ, du kích và nhân dân xung phong tiến công vào đồn, buộc toàn bộ binh lính kéo cờ trắng xin đầu hàng. Khu vực Béctôn hoàn toàn giải phóng, lộ Tam Sóc bị cắt đứt. Quân ta tiếp tục bao vây đồn Tam Sóc và nhiều đồn khác.

Ngày 23-12-1953, Tiểu đoàn 5 BVN của địch đi 4 xe GMC vào giải vây cho đồn Tam Sóc, bị Tiểu đoàn 308 kết hợp với du kích diệt gọn 4 xe và nhiều tên địch, bắt sống hai tên sĩ quan ngụy, thu 40 khẩu súng và nhiều đạn dược.

Phát huy thắng lợi, bộ đội địa phương, dân quân du kích đã đẩy mạnh tiến công bao vây pháo kích nhiều đồn bốt, đội vũ trang tuyên truyền vào các sóc vũ trang thuộc các xã An Ninh, Phú Mỹ, Mỹ Thuận phát động quần chúng.

Sau ba tháng tiến công, huyện Châu Thành diệt được 1 đồn, 6 lô cốt, bức hàng 1 đồn, bức rút 24 lô cốt, diệt và làm bị thương gần 200 tên địch, thu gần 100 khẩu súng, nhiều sóc vũ trang bị đánh tan rã.

Tại trọng điểm 2 (huyện Thạnh Trị), địa bàn hoạt động của ta gồm 16 xã của hai huyện Thạnh Trị và Vĩnh Châu, đây là những huyện đông đồng bào Khmer. Hầu hết các xã đều có đồn bốt địch, có ban tề xã, phần lớn các sóc đồng bào Khmer là sóc có vũ trang. Địch coi đây là nguồn dự trữ quan trọng của chúng và là "vùng bất khả xâm phạm".

Bước vào đợt tiến công, một đại đội thuộc Tiểu đoàn 308 đã phối hợp với du kích, diệt một loạt 6 lô cốt địch trên tuyến lộ Lạc Hòa - Vĩnh Châu, phục kích đánh địch ở đồn Trà Nho - Giồng Dú bung ra hoạt động, diệt 40 tên địch. Địa phương quân và du kích liên tục bao vây bắn tỉa, pháo kích các đồn và lô cốt ở xã Gia Hòa, Hòa Tú, Châu Hưng. Lính địch trong số lô cốt trên tuyến lộ Cà Lăm bỏ chạy, dân và quân du kích xông lên phá lô cốt, cắt đứt lộ Cà Lăm.

Tiếp theo, một đại đội thuộc Tiểu đoàn 308, cùng địa phương quân tiến sâu vào các xã Khánh Hòa, Lạc Hòa, Thạnh Thới An tiến công đồn bốt, lô cốt và tổ chức vũ trang tuyên truyền vào các sóc vũ trang, tạo ảnh hưởng lớn và thuận lợi cho cán bộ hoạt động. Từ đầu tháng 3 đến giữa tháng 4-1954, lực lượng ta liên tiếp tiến công vào các đồn Tổng Cán, Lao Vên, Trà Ông, Đại Nôn thuộc hai xã Viên An, Liêu Tú, tiêu diệt nhiều tên địch.

Ngày 31-3-1954, một đại đội thuộc Tiểu đoàn 308 kỳ tập vào đồn Lạc Hòa, một trung đội địch bị tiêu diệt, ta thu toàn bộ vũ khí.

Ngày 29-4-1954, lực lượng ta tiến sâu vào Tắc Bướm, xã Thạnh Thới An hỗ trợ cho đồng bào nổi dậy tước vũ khí bọn Khmer phản động, phá vỡ lực lượng vũ trang của địch trong sóc.

Ở tuyến đường ngã ba Cái Trầu đi Phú Lộc và xung quanh vùng Tân

Hưng, du kích liên tục bao vây pháo kích đồn bốt địch. Trước khí thế tiến công mạnh của ta, bọn địch trong một số đồn và lô cốt đã rút chạy.

Qua đợt đầu tiến công địch, từ tháng 1 đến tháng 4-1954, huyện Thạnh Trị phá được 22 sóc có vũ trang trên tổng số 39 sóc trong toàn huyện, diệt và làm bị thương trên 100 tên địch, có 300 tên bỏ ngũ trở về gia đình, 12 xã chuyển thành vùng du kích (có 8 xã trong thế mạnh).

Phối hợp với trọng điểm của tỉnh, hai huyện Kế Sách và Long Phú đồng loạt tiến công địch. Tại Kế Sách, lực lượng vũ trang địa phương huyện vừa tiến công bằng quân sự vừa kết hợp với địch ngụy vận, tập kích đồn Vàm Cái Cao, xã Xuân Hòa, diệt 5 tên địch, bắt sống 26 tên, thu toàn bộ vũ khí. Dân quân du kích liên tục phá các tuyến giao thông Kế Sách, Vũng Thơm, Văn Cơ.

Ở huyện Long Phú, Đại đội độc lập tỉnh cùng với lực lượng vũ trang địa phương huyện và du kích liên tục pháo kích đồn bốt, bắn tỉa và phục kích đánh địch bung ra đối phó, đồng thời tổ chức vũ trang tuyên truyền. Trong bốn tháng, lực lượng vũ trang địa phương và du kích hai huyện đã diệt 3 đồn, bức rút 14 đồn và lô cốt, làm bị thương hàng trăm tên địch.

Ngày 7-5-1954, quân dân ta giành thắng lợi ở Điện Biên Phủ, vang dội trong nước và thế giới. Quân địch trong tỉnh Sóc Trăng vô cùng hoang mang dao động, không dám bung ra hoạt động. Trước tình hình thuận lợi trên, Tỉnh ủy chỉ đạo mở đợt tiến công trong toàn tỉnh.

Các ban, ngành, đoàn thể cùng lực lượng vũ trang và dân quân du kích quyết tâm đẩy mạnh tiến công địch, giành thắng lợi cao nhất. Tại huyện Thạnh Trị, các lực lượng ta áp sát lộ Đông Dương (nay là quốc lộ 1A), làm chủ nhiều đoạn trên tuyến lộ Nhu Gia, Phú Lộc. Ta chiếm lĩnh xã Thạnh Thới An, tiến công ra sát chợ Bãi Xàu làm chủ tuyến lộ Bãi Xàu và chợ Gòi (Lịch Hội Thượng).

Ở vùng tiếp giáp giữa huyện Châu Thành và huyện Thạnh Trị có các xã Mỹ Quới, Hương Phú, Hương Quới (Vĩnh Quới), Tân Long, địch rút chạy, các xã này được giải phóng, ta làm chủ tuyến lộ Phú Lộc - Ngã Năm.

Ở huyện Kế Sách, với công tác địch ngụy vận, ta bao vây bức hàng 8 lô cốt, vây chặt đồn chợ Cái Côn, làm chủ tuyến lộ Kế Sách - Vũng Thơm.

Tại huyện Long Phú, ta giải phóng gần hết tuyến đất liền, chiếm lĩnh vùng sông Saintard và lộ Đại Ngãi, Văn Cơ. Quân ta tiến công đồn chợ Đại Ngãi và chợ Bang Long, giải phóng vùng Cù Lao (chỉ trừ Rạch Tráng).

Ở thị xã, một đại đội thuộc Tiểu đoàn 308 phối hợp cùng công an xung phong hai lần tiến công tiêu diệt hai tiểu đội địch, gây rúng động đến bọn sĩ quan và binh lính.

Đầu tháng 7-1954, trong khi Hội nghị Giơnevơ còn đang tiếp diễn, Tỉnh ủy Sóc Trăng quyết định mở đợt tiến công mới, chủ yếu là đánh mạnh vào thị xã, thị trấn, cơ quan đầu não của địch đóng tại địa phương. Ngày 10-7-1954, đợt tiến công mở màn, các lực lượng du kích bao vây các đồn, lô

cốt của địch, tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, diệt ác, giải tán tề và lực lượng "Bảo an đoàn" ở các sóc có vũ trang. Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương pháo kích và tiến công liên tục vào các khu quân sự và thị xã, thị trấn làm cho địch bị thiệt hại nặng. Chỉ trong vòng một tuần lễ (từ ngày 10-7 đến ngày 17-7-1954), quân dân trong tỉnh đã bức hàng, bức rút và tiêu diệt nhiều đồn bốt, diệt và bắt sống 132 tên, 4 tên ra hàng, phá hủy 2 xe quân sự, thu 9 khẩu súng.

*

* *

Những thắng lợi của quân dân Sóc Trăng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đã góp phần vào thắng lợi chung trên chiến trường cả nước. Động viên nhân dân vùng tự do và vùng mới giải phóng tích cực đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến; xây dựng, củng cố vùng tự do thành căn cứ địa cách mạng vững mạnh. Ở vùng tự do, nhân dân tiếp tục củng cố lại các căn cứ, mở nhiều đường giao thông vận chuyển trên sông, thuận tiện cho việc đi lại trong vùng, đào kênh dẫn nước ngọt vào ruộng, xổ phèn phục vụ sản xuất nông nghiệp. Các cấp ủy và chính quyền lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài của vùng căn cứ. Trong giai đoạn này, cuộc kháng chiến cần nhiều lương thực, thực phẩm, nhưng sản xuất lại bị thiên tai, hạn hán, nên thu thuế nông nghiệp gặp nhiều khó khăn. Với lòng yêu nước, nhân dân trong tỉnh đã không suy tính thiệt hơn, nhiệt tình hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng: "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Sau khi được phổ biến chính sách thuế nông nghiệp, nhân dân chủ động chở lúa tới kho giao nộp, nhiều hộ nông dân đóng vượt mức thuế quy định, đặc biệt có một số hộ nông dân đã chia hai số lúa sản xuất được đóng góp cho kháng chiến. Với những kết quả này, đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng tỉnh Sóc Trăng bước sang giai đoạn mới.